

1^{re} ANNÉE, N° 5.

Mai 1918.

REVUE INDIGÈNE DE L'INDOCHINE

Organe de propagande de la Pensée Française

大越輯誌

ĐẠI-VIỆT TẬP CHÍ

MỖI THÁNG XUẤT BẢN MỘT KỶ

Giá mỗi số: 0 \$ 50

TỔNG-TÀI

...Sarcles n'est pas tout,
semer est mieux....

A. SARRAUT.

LONGXUYỀN KHUYẾN-HỌC HỘI

QUẢN LÝ

NGUYỄN-VĂN-CU

CHỦ-BÚT

Chánh-trị khoa.....	LÊ-THÚC-THANH.
Lý-tài khoa.....	HỒ BIỂU-CHÁNH.
Bác-học khoa.....	NGUYỄN-ĐÌNH-CHI.
Đông Tây thời vụ.....	LÊ-THƯỜNG-THIÊN.
Âu Á từ đàng.....	ĐẶNG-THÚC-LIÊNG.



SAIGON

IMPRIMERIE DE L'UNION NGUYỄN-VĂN-CU

157, Rue Catinat, 157

1918



Yêu mục

	Số trang
CHANH-TRỊ KHOA	1. Đông-dương giáo dục chương trình... 401
	2. Việt-nam Chánh-trị lược biên... 408
	3. Đề-bình sự vụ... 411
	a) Thể lệ về việc truyền rao và thi hành án tòa.
	b) Luật định việc trừng phạt tội say rượu và việc tuần tra máy quán rượu.
LÝ-TÀI KHOA	1. Đại-việt tài nguyên... 421
	2. Nông-nghiệp tương-tế hội... 426
	3. Long-xuyên Nông-nghiệp tương-tế hội... 435
	4. Đề huỳnh tranh luận... 438
	5. Sản vật xuất dương... 442
	6. Đại chiến trường Đông-dương chi cung nhu chiến bị... 444
BÁC-HỌC KHOA	1. Thương vụ luật lệ (tiếp theo)... 445
	2. Địa lý học (tiếp theo)... 452
	3. Đại-pháp văn minh lược biên... 458
ĐÔNG TÂY THỜI VỤ ..	1. An chiến lược sử... 461
	2. Ngôn lộ hoằng khai... 465
	3. Lưỡng quốc tương thân... 465
	4. Một việc đáng mừng... 465
	5. Đẳng thưởng médaille militaire... 466
	6. Phi-ông Garros và Marchal... 467
	7. Cung hạ... 467
	8. Lễ Nam-giao... 468
	9. Mười ngày ở Huế... 473
ÂU Á TỪ ĐĂNG	1. Thích sĩ qui thương... 483
	2. Ca từ... 484
	3. Thi... 485
	4. Truyện Gia-Đi... 486
	5. Thả thê văn đề... 490
	6. Máng Đại-việt tập chí... 490

GIÁ BẢN TẬP CHÍ

Một năm.....	5 \$ 00
Sáu tháng.....	3 . 00
Mỗi số.....	0 . 50

Ai mua Tập-chí hoặc muốn biện luận việc chi thì xin gửi bạc hay là thư cho M. Nguyễn-văn-Cư, Quản lý Đại-việt tập chí tại Longxuyên (Cochinchine).

Những bài gửi đến xin ân hành vào tập chí, nếu bốn-quán xét in chẳng tiện thì chủ gửi không phép đòi bốn thảo lại.

Ai muốn lấy những bài có ân hành trong tập chí này mà in vào đâu thì trước phải xin phép chủ bút nào viết bài ấy đã.

Còn như lấy ý kiến trong bài ấy mà luận lại, thì phải chỉ rõ căn nguyên bài ấy mới được.

ĐẠI-VIỆT TẬP CHÍ

REVUE INDIGÈNE DE L'INDOCHINE

CHÁNH-TRỊ KHOA

Đông-Dương giáo-dục chương-trình

Quan Toàn-quyền Albert Sarraut, từ khi mới bước chơn trở qua xứ Đông-Dương ta, thì ngài cấp cấp toan lo khai dân trí quảng dân tài, đặng khi chiến bãi, rồi cỡi Á-pháp lang nấy đủ trí lực mà giúp với Mẫu-quốc cạnh-tranh quyền lợi cùng địch-quốc. Về phần quảng dân tài thì cuộc *Hỏa-luân-thuyền Công-ty* đã có mời thành tựu. Tuy công-ty lập chưa xong, thuyền-xưởng lập chưa rồi, mà hiện nay Đông-Dương ta cũng đã có đem được đôi ba chiếc tàu mà dâng cho Mẫu-quốc điều dụng.

Còn phần khai dân trí thì trong tuần tháng Octobre 1917 ngài đã mở một cuộc cao-đẳng học cho quốc-dân ta vào đó mà tập nghiệp-nghệ, văn-chương, pháp-luật. Khi lập cao-đẳng học thành rồi, ngài lại có nói rằng ngài còn đương nghiên-cứu mà cải-lương cả cuộc giáo-dục trong Đông-Dương, ngỏ dặng làm cho

mau lẹ bề tân-hóa của quốc-dân và cho thích hiệp ý quốc-dân ao ước. Đồng-bang ta vẫn biết quan Toàn-quyền khi trước có lãnh chức Học-bộ Thượng-thor bên Mầu-quốc, mà ngài lại quyết chí khai-hóa quê-hương ta, nên mấy tháng nay ai ai cũng trông nom cho ngài ban hành giáo-dục chương trình đăng sáng trí sạch lòng mà nhập tân-kỳ thời đợi.

Hôm ngày 20 mars 1918 ngài có gởi một tờ Châu-tri cho quan Nguyên-soái Nam-kỳ và các quan Thông-sứ trong Đông-Dương mà cho hay rằng chương trình giáo-dục ngài đã lập thành rồi và ngài định phải thi hành kể từ ngày 15 mars 1918. Trong tờ châu-tri ấy ngài thích giải các điều nào ngài canh cải, mỗi mỗi đều thâm trầm và tỏ rõ lắm. Ấy là một quyển văn-học rất thanh-tao mà cũng là một về chánh-sách rất nhơn-huệ. Xin để qua kỳ sau sẽ phiên dịch chương-trình giáo-dục của quan Toàn-quyền mới ban hành. Kỳ này chỉ tóm lời châu-tri của ngài mà dẫn mấy điều đại-khái ra sau đây cho đồng-bang tường lắm.

*
* *

Xưa nay sự giáo-dục trong Đông-Dương ta không có phương-pháp, mỗi xứ đều có một cách giáo-dục riêng, mà trong xứ nào cũng vậy. nay ra lời nghị này định cách này, mai ra lời nghị khác sửa cách khác, không định một chủ-nghĩa nào cho chắc, mỗi mỗi đều tùy thời mà sắp đặt, tùy ý mà biên cải. Quan Toàn-quyền định hủy các lời nghị của các xứ lập bây nay, rồi dọn lại mà định một phương-pháp chung cho toàn cõi Đông-Dương tiện dụng. Chương trình mới ban hành này có phân định mỗi bậc học rất rành rẽ, lấy làm dễ cho thiếu niên đối mãi trí thức.

Cuộc giáo-dục từ nầy sẽ phân làm hai môn : 1. *Pháp-quốc giáo-dục*, 2. *Pháp-Việt giáo-dục*. Pháp-quốc giáo-dục thì sắp đặt cách dạy và cách thi y như bên Mầu-quốc đang thích-hiệp với sự học văn của con trẻ Langsa. Còn Pháp-việt giáo-dục thì sắp đặt theo một cách học riêng bên Đông-Dương để cho con trẻ trong xứ trau dồi trí thức và gìn giữ phong-hóa. Sự chia hai môn học đây là kể sơ-dã và trung-dã học mà thôi, chớ hể đến cao-dã học rồi thì Tây, Nam, Lèo, Thổ thầy đều chung nhau một trường. Tuy nói chia phân biệt, song trẻ nhỏ bốn-thổ cũng được học nơi trường Langsa. Mà trường riêng cho trẻ nhỏ Langsa học chắc ít lắm, lại cấp-bằng tốt nghiệp nơi sơ-dã và trung-dã học của bốn-quốc cũng tương đương với cấp-bằng sơ-dã và trung-dã học của Langsa, vậy trẻ nhỏ bốn-quốc chẳng ít lợi chi mà mong vào trường Langsa.

Theo chương-trình mới đây thì sự giáo-dục trong xứ ta từ nầy lấy chữ Langsa làm gốc. Trong Nam-kỳ thì bỏ hết cách phân biệt trường làng, trường tổng và trường tỉnh, rồi nhập chung lại mà kêu là sơ-dã học. Những trường sơ-dã học trong các xóm các làng đều đem chữ Langsa mà dạy. Làm như thế thì trẻ thơ nều đứa nào mình mắn đều được lần bước lên tới cao-dã học cả thấy. Tuy trong mây lớp nhỏ còn xen chữ quốc-âm mà dạy, mà hể từ lớp ba sắp lên thì chữ Langsa cần phải dạy nhiều hơn hết. Hiện kiêm trong mây trường nhỏ không có sách quốc-âm mà dạy mà nhứt là thiếu những sách thuộc về phổ-thông giáo-dục. Ấy vậy từ nầy nên trẻ thơ mà chậm trễ trong đường học văn là tại nơi đó, chớ chẳng phải tại pháp luật nào ngáng trở nữa.

Ngoài Trung-Kỳ và Bắc-Kỳ xưa nay dùng chữ Tàu mà làm gốc trong sự giáo-dục quốc dân. Ở Bắc-Kỳ thì dễ sửa, bởi vì hễ Chánh-phủ lập trường Pháp-Việt cùng các nơi rồi thì tự nhiên trường nho-học lần lần phải tiêu tuyệt. Nhưng giáo sư nho-học bây giờ đó thì nhà nước sẽ liệu mà dùng đỡ theo trường mới cho đến trọn đời. Tuy vậy mà cũng không cần tuyệt trường nho-học, song ai muốn lập phải xin phép và nhà nước phải kiểm soát.

Ở Trung-Kỳ thì khó thi hành chương-trình mới một chút, bởi vì trong xứ ấy sự giáo-dục còn quyền nơi Hoàng-Thượng. Tuy vậy mà quan Toàn-quyền cũng đã liệu trước rồi : ngài đương nghiên cứu mà cải-lương sự thi sĩ ; rồi đây có lẽ ai muốn vào đường sĩ hoạn phải thông Pháp học, như thế thì nho học lần lần tự nhiên phải giảm thê lực. Đã vậy mà đức Hoàng-Thượng đã hiệp ý với quan Toàn-quyền mà cải lương sự học văn trong nước. Có lẽ rồi đây sự giáo-dục nơi Trung-Kỳ cũng sẽ lần theo một cách với xứ khác.

Nói tóm lại thì nho học trong các xứ Annam cũng còn dễ như cũ. Chương-trình mới này chẳng định cần đức mà cũng không làm cho tân phát. Tuy vậy mà gốc học của dân Đông-Dương thì dùng chữ Langsa. Quan Toàn quyền định như thế thì vừa lòng chúng dân ước nguyện xưa nay, mà cũng tương đương với sự học văn của dân Lữ-Tông là chỗ người ta dùng tiếng Huê-kỳ mà làm gốc.

Chương-trình mới thì đơn tiện lắm. Theo chương-trình ấy thì sự giáo-dục trong Đông-Dương chia làm ba bậc ; 1. sơ đẳng học, 2. trung-đẳng học, 3. cao-đẳng học.

Sơ đẳng học từ Nam chí Bắc lập y một cách mà mở trí cho trẻ thơ từ 6 tuổi tới 13 tuổi. Hễ học mǎng rồi thì thi mà lãnh cấp bằng tốt nghiệp Pháp-việt sơ đẳng học, y như cách thi đã ba năm nay vậy. Theo dân sự ở biên-thùy, trí thức chưa mǎ mang thì cũng có dự điều mà chăm chē.

Nhi đẳng học thì có trường Pháp-việt phụ học lập chung một thể lệ trong toàn cõi Đông-Dương. Hễ học mǎng rồi thì lãnh cấp bằng tốt nghiệp. Thể lệ phụ-đẳng học nầy cũng tương đương với thể lệ nhì đẳng học của Pháp-quốc.

Tam đẳng học thì có trường Cao-đẳng đã mở sẵn một ít cái trong mấy tháng nay rồi. Những trường nầy là chỗ để ung đúc văn-từ bác-vật, hóa-học, nghiệp-ngệ của Langsa nơi cõi Á-Pháp-Lang. Rồi đây quốc-dân Đông-Dương sẽ nhờ đó mà mở rộng trí thức cho kịp các dân tộc khác. Ngày nào mà học sanh trường nầy tốt nghiệp rồi thì cấp bằng cũng được như tốt nghiệp nơi các trường bên Mǎu-quốc vậy.

Ba bậc học nầy sắp đặt rất liên-tiếp với nhau hễ học bậc dưới rồi thì bước lên bậc trên liền, chẳng có điều chi ngăn trở.

Ấy là phần giáo-dục trí thức. Còn phần giáo dục chức-nghiệp thì cũng phân ba bậc y như vậy. Quan Toàn-quyền dòm thấy dân sự trong Đông-Dương ngày nay có mọi muồn nong nǎ trong nông công thương chư nghiệp. Ngài lập giáo-dục chức nghiệp đū ba bậc là có ý làm cho thiếu-niên giản tiện mà tập nghề. Trò nào muồn biết sơ nghệ nghiệp đặng dễ sanh nhai thì tốt nghiệp nơi sơ-đẳng hoặc nhì-

đẳng học ; còn như muốn rành rẽ trong nghề thì cũng sẵn có trường cao-đẳng mà bước tới.

Trong chương-trình giáo-dục mới ban hành, quan Toàn-quyền lại có phân định rành rẽ sự tốn phí, cách cai quản của các đẳng học. Lương bổng của giáo sư Langsa và Annam đều sửa lại cho vừa với Công-phu và tài-năng mỗi người.

Hiện nay chương-trình giáo dục đã ban hành rồi. Tuy chưa có thể mà mở liền các nhà trường một lược cho được song chúng ta cũng đủ chắc rằng từ nầy tiến-trình của chúng ta sẽ vẻ vang, từ nầy trí-thức cùng là chức-nghiệp của chúng ta sẽ sáng suốt.

Ai đọc được hết tờ Châu-tri của quan Toàn-quyền rồi mới rõ thầy lòng dạ của ngài ở với quốc-dân Đông-Dương là thế nào. Trong tờ ấy ngài có nói lời nầy : « Chúng ta lãnh phân giáo-dục con trẻ bốn-thổ, nghĩa là giáo hóa cả triệu trẻ thơ, tuy chúng nó khác phong tục, khác tư-tư-ở hơn trẻ thơ bên Âu-châu song cũng có đủ trí khôn như các dân tộc khác vậy. Bốn phận chúng ta phải cân mẫn trong chỗ trách nhiệm của chúng ta, đừng làm vẻ vang cho Tổ-quốc ta là nước trồng cây ta, và khỏi hổ thẹn với dân chúng Đông-Dương là dân mong nhờ ta. Trách nhiệm của chúng ta thì rành rẽ lắm. Theo trách nhiệm ấy thì chúng ta phải làm làm sao cho cả dân chúng Đông-Dương được mau tân hóa, biết kiên dè pháp luật và đủ trí lực mà giữ cầm quyền lợi trong nước nhà của chúng nó. Nghĩ lại duy có một điều quăng khai học văn thì mới làm sáng suốt được trí người và thuận tiện bề lợi nước mà thôi. »

Đã vậy mà quan Toàn-quyên lại còn nói có kẻ hẹp trí thường nghĩ rằng dân thuộc địa mà dạy cho chúng nó khôn rồi thì chúng nó hay sanh lòng phản. Ngài lấy làm bất bình với ý-tưởng này lắm, nghĩ vì xưa nay kẻ dốt không biết phân biệt chánh tà nên mới mê hoặc việc quây, chớ người có học được nghe rộng thầy xa, biết man ơn cảm nghĩa, đâu hay làm việc quây bao giờ. Mà nếu dạy dân cho nó khôn rồi, nó có trở lòng đi nữa, thì ngài cũng cam tâm, bởi vì Chủ-nghĩa của Đại-pháp Cộng-hòa thì là khai hóa nhơn-quần, deo trông công lý, nên đâu có vậy, Đại-pháp quốc cũng toại lòng, có vì công mở mang thêm được một dân tộc nữa. Tuy nói thì nói vậy, chớ ngài vẫn biết dân bản-thổ xưa nay ao ước cho được rộng bề học văn. Nếu nay nhơn dân được theo như ý muốn rồi thì chắc sao cũng cảm ân đức của Chánh-phủ Đại-pháp nhiều hơn nữa.

Chúa-tể ta nói những lời nhơn-huệ như vậy, nghĩ đồng-bang ta ai mà không cảm động. Vậy chúng ta khá mau trau dồi chức nghiệp, mở rộng trí thức đặng làm cho vừa ý Tổng thông Toàn-quyên và đặng đền ân cho Chánh-phủ Đại-pháp.

Longxuyên Khuyên-học-hội.



Việt-Nam Chánh-Trị lược biên

(tiếp theo)

CHƯƠNG THỨ NHỊ

(Từ năm 1859 tới ngày nay)

Kể từ năm 1859, là năm nhà nước Đại-pháp đến chinh-phục Nam-kỳ, thì việc chánh-trị trong nước mới có dờn dỗi dần dần. Trọn 6 tỉnh trong Nam-kỳ trở nên một xứ Thuộc-địa (Colonie) của Đại-pháp kể từ tháng Juillet năm 1867, nên từ ấy đến nay việc chánh-trị trong 6 tỉnh ta đổi hết, không còn giống việc chánh trị Bắc-kỳ và Trung-kỳ nữa.

Trong mấy năm đầu, từ 1859 tới 1867, lúc nhà nước Annam chưa nhượng hết Nam-kỳ cho Đại-pháp, thì còn giặc chòm giặc khóm thường thường, không bình định dặng mà tổ-chức việc chánh-trị lại. Các quan Annam cùng làng tổng lớp ấy rút về Trung-kỳ và Bắc-kỳ. lớp thì lui về trí-sĩ hết. Phần thì chưa có người biết tiếng Langsa cho rành mà chỉ cho các quan Thủy-sur Đê-đốc lãnh cai trị Nam-kỳ, rõ biết các qui-cũ việc chánh-trị trong nước ra làm sao. Nhờ có các Cha các Cố biết tiếng Annam chút đỉnh và mấy người học trò trường Bi-năng biết tiếng La-tin giúp việc, và dạy các quan Langsa học tiếng Annam và chữ nho dặng tìm kiếm mà học cho biết rõ việc chánh-trị trong nước Annam, rồi dần dần mới sắp đặt lại. Trong lúc loạn ly ấy, các quan Thủy-sur Đê-đốc cứ nương theo qui củ cựu trào mà cai trị.

Ba tỉnh mà nhà-nước Annam giao cho nhà nước Langsa trước hết là : tỉnh Gia-dinh, Biên-hoà và Định-tường. Trong 3 tỉnh ấy có 7 Phủ, 16 Huyện, 72 tổng và 995 làng, không có đường sá chi hết, nhưn dân chỉ cứ đi theo sông rạch mà thông thương cùng nhau.

Trong năm 1861 quan Thủy-sư Đề-đốc Charner mới định đặt trong mỗi phủ, mỗi huyện một ông quan Thủy-sư đứng lãnh chức quan Phủ mà cai trị. Tại Saigon và Mytho, có đặt 2 ông làm chức Tổng-đốc.

Cũng trong năm ấy, ngài lập tại Saigon một cái trường lớn để dạy học rõ ra làm thông ngôn, và lập mỗi Huyện mỗi Phủ một cái nhà trường sơ học dạy tiếng Langsa ; lập tại Saigon một cái nhà thương cho người Langsa dưỡng bệnh, hiện kim tục kêu là nhà thương Đồng-dất, và lập tại Chợ-quán một cái nhà thương Annam nằm. Ngài lại lập 4 đội binh Annam để giúp binh Langsa bình định trong xứ.



Qua đến năm 1862 quan Thủy-sư Đề-đốc Bonard lãnh chức Nguyên-soái thế cho ông Charner.

Ông này có rõ biết trước việc chánh-trị các xứ thuộc-địa của Đại-pháp, như là xứ Anh-gê-Ri (Algérie), nên ngài định phải dùng quan Annam, do theo luật pháp và phong-tục bản quốc mà trị, mới mau bình định được. Vậy ngài mới sắp đặt làng tổng lại y như cựu lệ, và đem những người có danh giá xứng đáng mà bổ cho làm Tri-huyện và Tri-phủ trong các Phủ, Huyện cũ, thế cho các quan Thủy-sư Langsa ; song trong mỗi tỉnh ngài có đặt hai ông Giám-đốc Langsa đứng kiểm soát các hành-vi của quan Phủ quan Huyện.

Quyền hành của quan Phủ quan Huyện và tổng làng cũng định lại y như thuở cựu trào vậy. Phán đoán trong các vụ kiện-cáo, lo việc tuần phòng và thôi thúc làng tổng thu thuế vụ, đều về bản phận của Phủ Huyện.

Quan Giám-đốc Langsa thì gồm cả quyền quan-Án và quan-Bổ, nghĩa là đứng quyền tái sát các án của quan Phủ, quan Huyện lên rồi và xử lại, và cũng đứng quyền lo về việc binh lương thuế khóa và kiểm sát việc làng tổng.

Quan Giám-đốc tại Gia-định đứng quyền cai quản các nhà trường Thông-ngôn lập tại Saigon. Có đặt riêng một ông Giám-đốc để cai quản nhà trường của Đức-cha Đa-trăng (d'Adran)

lập tại Saigon và Cholon. Có lập một nhà Nhứt-Báo chữ nho, để truyền dạy cho dân sự rõ các sở hành của Chánh-phủ.

Trên hết có quan Đề-đốc gồm cai quản hết ba tỉnh.

Xã trưởng và quan Huyện có mang dây ben (écharpe) tam sắc bằng vải, vòng qua lưng; còn Tổng và quan Phủ cũng mang dây ben tam sắc mà bằng lụa và choàn qua vai bên mặt qua bên trái.

Trong năm 1862, nhằm tháng Mai, Chánh-phủ lập chức Thượng-Thor tại Saigon đặng gồm sát các sở hành của các quan Giám-đốc và Phủ, Huyện. Về phần quan Thượng-Thor chuyên lo thu đăng vào kho các thứ huê lợi kể ra sau đây: Thuế á-phiện, thuế rượu, thuế cờ bạc, thuế hóa-bạc, tiền bán đất, tiền thuê bách phần, thuế bến nước vân, vân.

Cũng về phần quan Thượng-Thor cai quản các sở nhà-thương và sở vụ thương.

Quan Thủy-sư Đề-đốc Bonard sắp đặt việc Chánh-trị trong ba tỉnh giao về cho Nhà Nước Đại-pháp lại như vậy, là chủ ý dùng quau Annam mà bình định cho mau. Song chẳng đặng như ngài sở nguyện; vì trong năm 1862 và 1863 đạo tặc dấy lên cùng hết, nên ngài buộc phải giao quyền của các Phủ, Huyện Annam lại cho các quan Langsa lãnh mà chuyên lo bình định trong xứ.

Đến tháng septembre năm 1863 ông Thủy-sư Đề-đốc Đờ-la-gờ-răn-đi-e-rô (de la Grandière) định quyền hành các quan-án như sau này: về việc hình, Quan-án đặng phán xử các tiểu hình của người bốn quốc phạm. Còn về việc nhưn sự tục kêu là việc hộ, thì quan án đặng phán đoán những vụ thuộc số tiền dưới 500 quan tiền Annam mà thôi. Còn trong những vụ mà số tiền trên 500 quan tiền Annam thì quan-án phải lập tờ phúc bẩm thượng lên cho quan Thủy-sư Đề-đốc tra xét lại, rồi ngài phán đoán.

Đặng thi hành các án của quan-án lên, chánh phủ lập ra 3 cái khám-đường, một cái tại Saigon, một cái tại Mytho và một cái tại Biên-hòa; lại lập thêm một cái tại Cù-lao Côn-Nôn đặng cầm những người phạm tội nặng và tội làm phản với Nhà-nước

Langsa. Cũng trong năm 1863, có lập thêm một đội lính Mã Kỳ.

Sở vuơ-thơ thì lập y như cựu lệ. Trong mỗi trạm có một đội và năm chục người lính trạm.

Trong việc giáo-huấn, thì có trường Thông-ngôn tại Saigon và trong mỗi Phủ có một cái trường dạy học tiếng Langsa. Ông Bonard muốn sung tu sự giáo huấn cựu trào lại, song chẳng đặng, vì từ ngày giao ba tỉnh cho nhà nước Langsa rồi thì các quan Annam và những người có khoa-mục đều trở về Trung-kỳ, Bắc-kỳ mà làm quan hay là trí-sĩ hết, không còn người học nho giỏi mà chọn đặng cho làm Đốc-học, Huấn-đạo và Giáo-thọ. Vì vậy nên ngài phải chuyên lo cho người bản quốc học chữ Pháp cho mau. Năm 1861, nhà nước chịu tiền cho 30 người vào học trường Đa-trăng (d'Adran). Từ năm 1862 tới sau mỗi năm Nhà nước chịu tiền cho hơn 100 người sắp lên đi học. Lại có chọn những người học giỏi cho sang qua Đại-Pháp mà học thêm.

Đến năm 1863, quan Thủy-sư Đề-dốc Bonard thấy bạc thuê thân vô ít quá, không đủ mà dùng trong việc quân-binh, nên ngài định lập thuê thoản của cựu trào lại, và thuê thông hành của khách trú.

(Còn nữa)

Phúc Thanh,

Đề hình sự vụ

VỀ VIỆC TRUYỀN RAO ÁN TÒA

Người tranh tụng nào được kiện rồi mà muốn thi hành án, thì phải đến phòng Lục-sự đóng tiền mà xin một bản đăng-lục án, nếu vụ kiện thuộc về điền thổ; như vụ kiện thuộc về nợ nần, thì xin một bản trích-lục án ấy thì đủ.

Phải biết cái án nào có chấp hành thề, nghĩa là trước đầu cái án có đề câu: Đại pháp dân chủ quốc (République française)

Thác danh cho dân Langsa (au nom du peuple français) và sau chót cái án có đề câu: Bởi các cơ ấy Đại-Pháp dân chủ quốc Tổng thống hàm-cáo và truyền lệnh chov. v. (En conséquence le Président de la République Française mande et ordonne....etc), thì cái án đó mình thi hành mới được.

Khi lãnh sao lục án rồi thì đem giao cho hương-hào cậy hương-hào truyền rao theo lời án dạy.

Mà phải giao cho hương-hào làng nào truyền rao mới trúng phép?

Việc đó phải phân biệt: nếu án xử trả nợ hay là trả tiền thiệt hại chi, thì giao án cho hương-hào làng nào, mà người thiếu nợ hay là người bị trả tiền thiệt hại ấy ở. Còn như án xử việc điền thổ, thì giao cho hương-hào làng nào mà điền thổ ấy tọa lạc.

Hễ giao án cho hương-hào thì phải lấy giấy thâu-cứ (biên lai) làm bằng. Hương-hào phải sao lục án ấy lại một bản hay là nhiều bản là tùy số người mà mình phải truyền rao án ấy, lại phải làm sẵn một số tờ truyền rao bằng số sao lục án ấy như kiểu sau đây: (kiểu này là kiểu truyền rao án nợ, thường dùng hơn hết.)

Năm một ngàn chín trăm mười tháng
ngày, có tên ở làng tổng
tỉnh trình cho tôi một bản (trích lục hay là
đăng-lục) án toà có đủ chấp hành thẻ số của toà
xử ngày tháng năm mà cậy tôi
truyền rao.

Tôi ký tên sau đây là hương-hào làng có
sao lục án ấy ra mà ghim theo tờ này, đăng truyền rao theo lời
án dạy cho tên ở làng tổng tỉnh
Tên này có mặt chịu lãnh án, có ký tên vô tờ truyền rao. (Nếu
tên đó vắng mặt nên phải giao cho người ở nhà nó thì biên:
Tên này vắng mặt, nên tôi giao án đó cho tên là
người (bà con hay là người chi mà đã thành đinh 21
tuổi) của nó, ở tại nhà nó, lãnh thẻ và ký tên vào tờ truyền rao
(nếu người đó không biết ký tên thì biên :) lãnh thẻ song chẳng
biết ký tên.

Tôi dạy tên..... (*tên người thiếu nợ*) trong kỳ tám ngày, nó phải trả cho tên..... (*tên người chủ nợ*) hoặc trao cho tôi là người có cầm giấy tờ và có đủ quyền thâu mà cho biên nhận các số bạc kê ra sau đây:

1o — Bạc vốn án xử trả là.....

2o Tiền lời theo lệ của số bạc ấy kể từ ngày vào đơn đến khi trả tất số (*mỗi 100\$, một năm 8\$, bạc lời*)

3o — Tiền tụng lệ là.....

4o Tiền truyền rao án là.....

(*Như đòi số tiền chi khác có nói trong án thì biên thêm vào*)

Tôi cho nó hay rằng: nếu mảng kỳ tám ngày mà nó không trả tất mấy số bạc ấy, thì chẳng những nó phải bị ràng buộc theo việc tố-tụng thường-lễ, mà lại nhứt là nó phải bị tịch biên các vật-động và khế khoán của nó.

Muốn cho nó hiểu rõ vụ nầy, nên tôi để lại cho nó một bốn sao lục án và một bốn tờ truyền rao nầy giá là.....(1)

(*ký tên*)

Người lãnh án,

.....

ký-tên.....

Hương-hào phải đích thân đến tại nhà tên thiếu nợ mà giao sao lục án và tờ truyền rao, hoặc đòi nó đến nhà hội làng mà giao cũng được.

Hương-hào phải nhớ rằng: việc truyền rao án hay là thi hành án, chẳng hề khi nào được làm trước sáu giờ sớm mai hay là sau sáu giờ chiều, nghĩa là được làm từ 6 giờ sớm mai cho đến sáu giờ chiều, mà thôi. Luật cũng cấm làm việc ấy trong mấy ngày chúa nhứt, mấy ngày lễ (2), ba ngày chót tháng chạp và bảy ngày đầu tháng giêng Annam (từ 27 tháng chạp đến mùng bảy tháng giêng).

(1) Giá sao lục bốn án đăng đi truyền rao mỗi tờ 2 trương tính là 0.825, còn giá tờ truyền rao, bốn chánh tính 0.880 còn mỗi bốn sao giao cho kẻ thiếu nợ, tính là 0.330. Cộng mấy số ấy rồi biên vào chỗ đó,

(2) Mấy ngày lễ là: 1. lễ đầu năm (1er Janvier).

2. Lễ Phục-sanh (Pâques); 3o lễ Thăng-thiên (Ascension); 4o lễ Đức-chúa-thánh-thần hạ giáng (Pentecôte); 5o — lễ Chánh chung (fête nationale 14 Juillet); 6o — lễ Mông-triệu (Assomption); 7o lễ Các thánh Nam-nữ (Toussaint); 8o lễ Sinh nhứt (Noël)

Nếu Hương-hào phạm cấm thi việc truyền rao hay là việc thi-hành chẳng hiệu nghiệm chi hết, trừ ra khi nào có việc gấp mà quan toà có cho phép riêng, thì mới được đi truyền rao hay là thi-hành án trong mấy ngày cấm ấy mà thôi.

Như truyền rao án, mà kẻ thiếu nợ không nói chi, chịu lãnh án, thì hương-hào cũng phải đợi cho mãn hạn tám ngày nói trong tờ truyền rao rồi mới được thi-hành. Lại cũng phải biết: kể từ ngày truyền rao án cho đến 60 ngày mà không thi-hành, thì cái lời truyền rao đó hết hiệu nghiệm, chẳng dặng thi-hành. Nếu muốn thi-hành phải truyền rao lại một lần nữa như lần đầu vậy.

Còn như lúc truyền rao án, mà kẻ thiếu nợ khai rằng: nó cản-trở án ấy (nếu án đó là án xử khiếm-diện) hoặc nó thượng-khống án ấy (nếu án đó là án xử hiện-diện) thì hương-hào phải lập tờ vi bằng ra hai bên một bên cầm làm bằng, còn một bên gửi cho quan Lục-sự rồi đình việc thi-hành lại.

Tờ vi bằng ấy làm theo kiểu sau đây :

Năm một ngàn chín trăm mười.....tháng.....ngày...
....., có tên.....ở làng.....tổng.....tỉnh.....trình
cho tôi một bốn.....(trích-lục hay là đăng lục) án toà có đủ
chấp-hành thẻ số.....của toà.....xử ngày.....tháng
.....năm..... mà cậy tôi truyền rao.

Tôi ký tên sau đây là..... hương-hào làng..... có sao
lục án ấy ra mà ghim theo tờ này, dặng truyền rao theo lời án
dạy cho tên..... ở làng.....tổng.....tỉnh.....

Khi tên này lãnh bốn sao lục án và tờ truyền rao rồi thì nó
khai với tôi rằng: đề nó..... (Cản-trở hay là thượng khống
án ấy) - Tôi xét lời khai ấy có lý (1) nên tôi lập tờ vi-bằng

(1) Hễ tòa xử ai khiếm diện, thì trong ba ngày quan Lục-sự gọi trát cho người đó hay. Kể từ ngày người đó được trát cho đến 30 ngày, thì người đó có quyền cản-trở án ấy, nghĩa là đến xin tòa đòi mà xử lại. Như đề quá hạn 30 ngày đó rồi, thì người ấy không được xin cản trở án đó, duy còn có phép xin thượng khống nghĩa là chồng án lên Tòa trên xử mã thôi. Mà kể từ ngày nào cho đến ngày nào được thượng khống? Hễ mãn 30 ngày nói trên đó, cho đến 60 ngày nữa, thì được thượng khống, nếu đề quá 60 ngày sau đó, thì hết phép thượng khống.

Còn như án xử hiện diện thì kể từ ngày đọc án cho đến 60 ngày được thượng khống.

Hương-hào xét: nếu tên thiếu nợ đề quá hết hạn cản trở án hay là thượng khống án, thì cứ việc thi-hành, khỏi làm tờ vi bằng.

này có tên. (tên khai đó) ký tên với tôi đăng gởi vụ phòng
Lục-sự.

Người khai,

Ký tên :

Ký tên :

Kể từ ngày làm tờ vi bằng này mà gởi cho quan Lục-sự
cho đến 15 bữa, nếu tên thiếu nợ có vào phòng Lục-sự xin cản-
trở án hay là thượng khố án thì quan Lục-sự phải cho
hương-bảo hay đăng đình vụ thì hành án lại, chờ tòa xử vụ cản
trở hay là vụ thượng khố án đó đã.

Còn như mảng hạn 15 ngày mà kẻ thiếu nợ không đến phòng
Lục-sự đăng cản trở án hay là thượng khố án thì quan
Lục-sự phải cho hương-hào hay liền, khi ấy hương-hào cứ việc
lo thì hành tới (1).

(Sau tôi sẽ cắt nghĩa về việc tịch biên gia tư thập vật của
người thiếu nợ.)

Xử-CUNG

LUẬT ĐỊNH VIỆC TRỪNG PHẠT TỘI SAY RƯỢU VÀ VIỆC TUẦN TRA MẤY QUÁN RƯỢU

(tiếp theo và hết)

ĐIỀU 9.— Trong mấy quán rượu bán cho người ta uống tại
chỗ, thì cấm dùng những đờn-bà dưới 18 tuổi, trừ người đờn-
bà nào thuộc trong gia quyến người chủ tiệm mà thôi.

ĐIỀU 475 VÀ 478 trong luật hình sẽ đem ra mà phạt sự
phạm-vi dự định trong điều này.

(1) Lệ luật tuy nói vậy, chứ lý phải đợi cho án quyết định rồi sẽ thì hành
không muốn chi, nghĩa là đợi ngày nào kẻ bị thật kiện để quá hạn, hết
phép phá án nữa rồi mới thì hành, vì nếu mình là chủ-nợ muốn thì hành
gấp như thế, tuy kẻ thiếu nợ không nói chi, mà hễ nó còn quyền phá án,
nó xin phá được án, thì nó kiện ngoài lại mình mà đòi thiệt hại về việc
mình tịch-biên và bán tài sản nó. Xin đợi tôi dịch qua đến luật dạy việc tố
tụng, tôi sẽ chỉ các cách phá án tòa.

Mắc tội tái phạm là khi nào trong 12 tháng trở lại, mà kẻ vi-cấm bị án về một việc luật này trừng phạt.

CHÚ GIẢI.— Luật chẳng cho chủ quán rượu dùng người đờn bà chưa được 18 tuổi để đứng mà bán rượu cho người ta uống tại quán rượu. Khi nào người đờn bà ấy là người thuộc trong gia quyến của người chủ quán thì luật không cấm.

Nếu chủ quán nào dùng đờn bà lạ chưa được 18 tuổi để đứng bán rượu, thì phải bị phạt từ 6 quan đến 10 quan tiền và (chiều điều 475 luật hình); kể từ ngày bị phạt đây cho đến một năm, nếu chủ quán đó còn phạm bất kỳ là một việc chi đã có cấm trong luật này, thì phải bị phạt từ năm ngày tù trở lại (chiều điều 478 luật hình).

ĐIỀU 10.— Mấy chủ quán trà-phe, chủ quán rượu, chủ quán nào có bày đờn ca, xướng hát, hay là chủ quán bán rượu cho người ta uống tại chỗ, khi nào dùng hoặc thưởng hay rước và chứa những người đờn bà gian dâm, hay là người đờn ông có thói xấu (làm nghề dĩ thỏa) đăng làm những việc ô-độc là những việc làm cho bại hoại luân thường (rước khách) tại trong quán hay là trong nhà riêng một bên quán và khi nào chủ quán ấy xuối-dục hay là dụ-dỗ người ta làm những việc loạn-hạnh, thì phải bị phạt tù từ sáu ngày cho đến sáu tháng và tiền và từ 50 quan cho đến 500 quan.

Những hình phạt trên đây phải gia bằng hai, nếu người đờn bà gian dâm và người đờn ông dĩ thỏa nói trong khoản trước đó là người thuộc trong gia quyến của kẻ vi-cấm.

Kẻ phạm phải mất quyền dự hành quốc sự (quyền tuyền cử và dự cử nghị chánh hội viên)

Trong án phạt, tòa phải truyền lệnh đóng cửa quán (chẳng cho buôn bán nữa)

Chú giải.— Điều này nhằm cũng để hiểu không cần cắt nghĩa thêm.

ĐIỀU 11.— Kẻ nào mắc án phạt tù từ một tháng trở lại vì tội vi phạm một điều chi trong các khoản luật này, thì từ nhiên chẳng được buôn bán đồ uống nữa.

Sự bất năng đó phải tiêu mất khi nào được khôi phục quyền mình lại.

Sự bắt nạng đó phải hết trong kỳ năm năm, kể từ ngày án phạt quyết định, nếu trong năm năm đó kẻ phạm chẳng vi-cấm đều chỉ đến đổi bị tòa sơ-hình phạt nữa.

CHÚ GIẢI. — Hễ ai vi-phạm đều chỉ có dự định trong luật này
 « mà bị phạt cho tới một tháng tù, vì dầu trong án phạt không
 « có nói cấm việc buôn bán đồ uống đi nữa thì kẻ phạm cũng chẳng
 « dặng làm nghề đó. Như muốn bán đồ ấy lại, thì phải đợi cho
 « phục hườn được quyền mình đã,

« Sự phục quyền ấy, luật hạn năm năm kể từ ngày kẻ phạm
 « hết phương phá cái án phạt nó. Nếu trong năm năm đó mà nó
 « chẳng phạm việc chi đến đổi bị tòa sơ-hình phạt nó nữa, thì
 « từ nhiên quyền nó khôi được như xưa, nghĩa là nó thông thả mở
 « quán mà buôn bán các thứ rượu như khi trước.

Điều 12. — Tòa sơ-hình khi nào lên án phạt các khoản có dự định trong luật này, được phép truyền lệnh cáo bạch bốn án đó (cho thiên hạ biết).

Việc sao án đó ra mấy bốn mà truyền dán nơi nào, thì tòa có định trong án chánh.

Điều 13. — Điều 463 luật hình khá dùng khi nào phạt tù và phạt tiền và trong các khoản đã định trong luật này.

Còn điều 59 luật hình chẳng khá dùng trong mấy tội phạm phép dự định nơi điều 3, 5 và 7 trong luật này.

« **CHÚ GIẢI.** — Điều 463 luật hình là điều cho phép quan tòa
 « giảm hình phạt, khi nào quan tòa xét có cơ chám chế được (1)
 « ấy vậy ai phạm những việc cấm có định trong luật trừng trị
 « người say rượu và mấy người chủ quán rượu mà cái việc vi-
 « cấm ấy trúng nhằm khoản phạt tù và phạt tiền và, thì quan
 « tòa phải xét, nếu có đủ bằng cứ mà dung chế, ắt quan tòa được
 « chiếu điều 463 mà giảm hình phạt xuống tới bậc nào vô hạn,
 « duy bậc chót hết là một ngày tù hay là một quan tiền và.

« **Thí dụ:** Một người kia cho một đứa con nít dưới 18 tuổi
 « uống rượu đến say. Vụ này giải đến tòa, nếu quan tòa xét đủ

(1) Muốn cho rõ điều 463, xin đợi đến lúc tôi dịch luật hình, tôi sẽ giải nghĩa rành.

« cớ như vậy, thì quan tòa chiếu điều 7 mà liệu định hình phạt
 « người ấy từ sáu ngày tới một tháng tù và tiền vạ từ 16 quan
 « đến 300 quan. Như quan tòa xét rằng : người ấy chẳng rõ tuổi
 « dứa trẻ nên lầm, thì quan tòa được chiếu điều 463 luật hình
 « mà giảm hình phạt người đó xuống dưới sáu ngày tù và dưới
 « 16 quan tiền vạ, duy chẳng đăng giảm xuống dưới một
 « ngày tù và một quan tiền vạ. Quan tòa có phép phạt tù tron
 « không phạt tiền vạ, hoặc phạt tiền vạ tron, không phạt tù.

« Còn điều 59 luật hình thì nói về người liêng cang đồng tội
 « với chánh phạm. Luật trừng trị kẻ say rượu và chủ quán rượu
 « chẳng cho dùng điều đó trong mấy việc phạm phép định
 « trong điều 3, 5 và 7 nghĩa là ý luật nói trong ba điều ấy, ai
 « phạm đến thì quả nhiên là chánh phạm (auteur) chứ không
 « nói là kẻ liêng cang (complice) (1)

Điều 14.— Tờ vi bằng chứng minh các đều vi-phạm định
 trong mấy điều lệ trước đây phải gửi cho quan Biện-lý trong
 ba ngày kể từ ngày làm tờ vi-bằng ấy.

Chú giải.— Xem kỹ cái luật này thì thấy có nhiều thể phạm-
 «cấm, mà mỗi khi phạm cấm một khoản nào thì có một kiểu
 «vi-bằng riêng không thể biên hết ra đây. Song phép làm tờ vi-
 «bằng phải nhớ biên cho đủ mấy khoản sau đây :

- « 1.— Năm, tháng, ngày, giờ
- « 2.— Chức phận người làm tờ vi bằng
- « 3.— Tên, họ, chức nghiệp chỗ ở người vi-cấm
- « 4.— Vi cấm điều lệ nào, tại đâu.
- 5.— Ký tên.

Điều 15.— Người nào bị say sưa nơi đường sá, nơi mấy quán
 trà-phe, quán rượu, hay là các nơi đô hội nào, thì lính tuần
 thành (hay là làng) phải bắt mà giam tạm nơi mấy cái bốt gần
 đó, hoặc nhốt trong một cái phòng nào chắc chắn, chờ cho
 nó hết say mới thả nó ra.

Điều 16.— Nguyên văn (texte) cái luật này, phải dán nơi
 cửa mấy nhà việc, nơi mấy quán trà-phe, quán rượu hay là
 quán bán đồ chi khác. Lại phải gửi cho xã tầy, cho quan tham

(1) Dịch luật hình tôi sẽ giải nghĩa cái tội liêng cang.

biện, quan Công-sứ) và mấy quan Chủ quận, mỗi người mỗi bốn.

Ai mà hủy nát mấy bồn dân các nơi nói trên đó, thì bị phạt từ một quan tới năm quan tiền và, lại bị buộc phải xuất tiền in bốn đó mà dân lại chỗ cũ.

Trong quán nào không thấy dân bồn luật đó thì chủ quán cũng phải bị phạt tiền và như vậy.

BIỂU 17. Lính kiểm điền, lính tuần phòng và các viên chức chỉ trong điều 9 luật điều tra tội phạm lính kiểm điền, lính kiểm lâm, huý viên xã tây, quan Biện-lý, quan toà tạp tụng, lính sơn đằm, quan đô-huý, quan tòa tra-án (quan tham-biện, quan khâm-sứ, phủ, huyện, tổng, làng). Mấy viên chức ấy phải lãnh việc kiểm bắt, nội trong địa phận mình cai trị, những kẻ phạm luật này rồi làm tờ vi-băng mà chứng minh đều vi phạm ấy.

ĐIỀU 19.— Luật này khá dùng tại xứ Á-nhĩ-cập-nhĩ (Algérie) và các nơi thuộc-địa.

ĐIỀU 20.— Luật ngày 23 Janvier 1873 về việc say rượu phải bị phế thoát.

Luật này, thượng hạ nghị viện có tập nghị và soạn trạch, sẽ thi hành như luật nước.

Làm tại Paris ngày 1^{er} Octobre 1917.

Đại-pháp-quốc Tổng-thông,

POINCARÉ

Vâng lệnh quan Tổng-thống Đại-pháp-quốc

Chương-ân :

Nội vụ bộ thượng-thơ,

T. STENG

Hình bộ thượng-thơ,

RAOUL PÉRET

Thuật địa bộ thượng-thơ,

RENÉ BESNARD

TỔNG PHÊ.— Rượu là một vật cần nhứt trong lễ-nghi của quốc-dân ta, nếu uống nó cho có độ, thì nó cũng có tánh tiêu hóa « vật-thực và nó cũng làm cho tiêu khiển trong lúc bi-thương.

Về việc tài-chánh, rượu là một mối đại lợi cho quốc-gia (nội
« cõi Đông-dương, trong năm 1917, số thuế rượu Tây và rượu
« Nam cộng chung là hai triệu chín trăm bốn chục ngàn đồng
« 2.940.000.\$00. Ấy là một vật có ích, chẳng thể bỏ được.
« Nhưng mà theo lẽ thường : kẻ lợi bấy nhiêu thì hại cũng bấy
« nhiều. Nếu ai có thói quen uống rượu vô độ thì chẳng những
« nó làm loạn cang thường luân lý làm hại tánh mạng mà nó
« còn truyền nhiễm mà làm cho say nhược chân con hĩa.

« Bởi chánh-phủ thấy cái thói uống rượu vô độ nó hại như thế
« nên mới lập luật nầy ra mà trừ khử cái thói đó đi. Ấy là một
« điều hạnh phước cho quốc-dân ta biết chừng nào.

« Bởi vậy chúng tôi ước ao sao cho mấy chức việc có quyền
« bắt hay là phạt kẻ say rượu, hết lòng vì nước, vì dân, ra tay
« nghiêm lệ mà thiệt hành luật nầy, ắt chẳng bao lâu, cái thói
« xấu uống rượu say ắt phải tuyệt được.

D. V. T. C.



LÝ-TÀI KHOA

Đại-Việt Tài nguyên

CHƯƠNG THỨ NHÌ. — CÔNG-NGHỆ

Đoạn thứ nhất. — Nông-nghiệp công-nghệ

(TIẾP THEO)

TAN TÂM

Vật ăn uống và đồ y-phục là hai đều yếu hệ của loài người. Trên ngũ đại châu này, dân-tộc nào cũng vậy, hễ phần trí-thức được mở mang chừng nào thì sự ăn mặc muốn huê mỹ thêm chừng nấy. Trong các nước văn-minh, việc xài phí về phần ăn mặc nói không cùng, ăn uống thì lựa phẩm vật thiệt là thiệt ngon, áo quần thì dùng lụa là thiệt tốt thiệt khéo, nhà cửa thì cất thật cao thật đẹp. Bởi thế nên bên Âu-châu và Mỹ-châu các nhà chế tạo mới bày nhiều đồ cực tinh cực xảo đáng làm cho vừa ý hơn dân mà thu lợi.

Quốc-dân ta khi chưa gọi ơn giáo hóa của nước Đại-pháp thì tánh tình còn chất phát ; bề ăn ở thì chịu đơn-sơ, chớ chưa từng biết những đồ huê mỹ. Hơn nữa thế-kỷ nay, quốc-dân ta được gần gũi người Langsa là kẻ ưa đẹp để bề sanh hoạt, nên lần lần bắt chước mà đổi cách ăn, sửa thói ở ; mỗi bậc người đều tùy sức mà làm cho thêm sung sướng thân mình, thậm chí kẻ làm công người cấy ruộng mà cũng muốn cho có được áo nhiều quần hàng mà mặc, mới vừa ý. Vả quốc-dân ta chưa thông thạo đường công nghệ, mỗi mỗi đều mua của ngoại quốc mà dùng ; bởi vậy trong mấy mươi năm nay các nước nhờ chỗ ăn xài của chúng ta mà lấy lợi mỗi năm không biết số bao nhiêu mà kể xiết.

Chẳng nói chi những đồ mua khác, vì e nó lạc đề-mục của bài này, xin nói rút trong sự mua bằng lụa thì quốc-dân ta mỗi năm tổn hao cũng là ức ức triệu triệu bạc. Tuy vậy mà hàng lụa chẳng phải nội nước ta dùng mà thôi ; trên địa-cầu bể nước nào văn-minh chúng nào thì càng dùng nhiều chừng nấy. Ấy vậy cuộc tan tằm là một vấn-đề rất yếu-trọng, là một mối lợi rất to tát. Nước nào cũng lo hoảng khai cuộc ấy mà thủ lợi. Trước khi luận về sự trồng dâu để tằm trong Đông-dương thì tôi xin tỏ sơ hiện trạng cuộc tan tằm trên thế-giới cho quốc-dân rõ biết.

Cách 60 năm nay mấy nhà dệt hàng lụa bên Âu-châu đều mua tơ của Ý-đại-lợi (Italie), của Pháp-quốc và của Tây-bang-nha (Espagne) mà dệt, bởi trong ba nước ấy cuộc nuôi tằm rất hưng thịnh vô cùng. Khi trước hàng lụa bán cùng trong hoàn-cầu đều là hàng lụa của Âu-châu. Trung-quốc và Ấn-độ (Inde) có bán thì bán chút dích mà thôi ; còn Nhật-bồn thì chưa biết mua bán với các nước. Trong nửa thế-kỷ mới rồi đây, sự mua bán tơ lụa nó lại đổi dời một cách dị thường.

Bên Mầu-quốc ta hồi năm 1853 thì làm được cả thảy là 26 triệu kilos kén. Từ năm 1854 tới năm 1856 bị bệnh tằm nó phá hại một cách dữ tợn, nên số kén mỗi năm mỗi sụt hoại. Như từ năm 1870 tới một 1874 mỗi năm làm được chừng 10 triệu kilos kén ; từ năm 1892 tới 1901 mỗi năm còn chừng 8 triệu rưỡi kilos ; từ năm 1904 tới 1913 mỗi năm bớt lần còn chừng 7 triệu kilos mà thôi, Qua năm 1914 lại còn có 5 triệu, đến 1915 còn không đầy 2 triệu. Số người nuôi tằm hồi năm 1904 kể còn được 125.000 người đến năm 1914 còn có 84.000 người. Cuộc tan tằm của Đại-Pháp mà suy bại đây là tại tằm hay có bệnh làm cho người nuôi thối chí mà bỏ nghề ấy lần lần. Chính-phủ hết sức kiếm cách bảo chữa mà cũng không thể nào phục hưng nguồn lợi tan tằm trong nước như xưa được.

Trong nước Tây-bang-nha cuộc tan tằm còn suy bại hơn của Pháp-quốc nữa. Khi trước mỗi năm làm được hơn 12 triệu kilos kén. Từ năm 1848 trở về sau, bị tằm bệnh luôn luôn làm cho năm 1914 trong nước cả thảy làm được còn có 740.000 kilos mà thôi.

Trong nước Ý-đại-lợi từ năm 1863 tới năm 1866 cũng có bị tằm bệnh chút đỉnh. Song từ năm 1880 trở lại đây thì cuộc nuôi tằm phát đạt vô cùng. Khi trước mỗi năm được chừng 20 triệu kilos kén, sau số kén lần lên tới 50 triệu kilos. Nhờ sự hưng vượng này mà các nước lân cận hưởng đông Ý-đại-lợi mới bắt chước nuôi tằm, ban đầu Áo-quốc (Autriche), lần lần tới Thổ-nhĩ-kỳ (Turquie) rồi mới qua Ba-Tur (Perse) và Nga-la-tur (Russie).

Trong 40 năm trở lại đây, bên châu Á-tế-Á (Asie) này, cuộc tan tằm lại trở nên tinh tấn rất mau lẹ. Duy có trong xứ Ấn-độ thì sự nuôi tằm suy bại mà thôi, chớ Trung-quốc thì mỗi năm số tơ càng thêm hoai, mà nhứt là trong nước Nhứt-bồn cuộc nuôi tằm thịnh linh khải phát lẹ lắm,

Bên Trung-quốc cách 40 năm trước mỗi năm số tơ xuất dương chừng 4 triệu kilos, ngày nay tính hơn 8 triệu. Trong số 8 triệu này thường thường 5 triệu về phần Âu-châu mua còn 3 triệu về phần Thế-giới-mới,

Trong nước Nhứt-bồn hồi năm 1859 thì chưa có tơ mà bán. Từ 1871 tới 1875 mỗi năm bán tơ sống cho ngoại-quốc tính bực trung được chừng 700 ngàn kilos. Từ 1906 tới 1910 mỗi năm bán tới 7 triệu rưỡi kilos, qua 1911 tới 9 triệu rưỡi, qua 1912 tới 11 triệu và qua 1913 trên 12 triệu kilos; tính ra thì là 150 triệu kilos kén. Lấy những số trên đây mà suy thì thấy cuộc tan tằm của Nhứt-bồn tấn phát là dường nào. Hiện kiếm trong cả hoàn-cầu duy có nước Nhứt-bồn bán tơ nhiều hơn hết.

Nói tóm một điều, trong 9 năm trở lại đây, số tơ sống của hoàn cầu mỗi năm tính bực trung chừng 25 triệu kilos. Trong số ấy thì tơ ở miền Cực-đông là trong nước Nhứt-bồn và nước Tàu tính hết 18 triệu rồi, tơ Âu-châu có chừng 5 triệu kilos mà thôi.

Quốc-dân ta nên lấy những số trước đây mà luận phần lợi ích về mục tan tằm. Mấy mươi năm nay sự trồng dâu nuôi tằm nơi miền Cực-Đông này hưng thịnh vô cùng. Trung-Quốc và Nhứt-Bồn thủ lợi mỗi năm chẳng biết bao nhiêu. Đông-Dương ta cũng ở trong vòng Cực-Đông mà bấy lâu nay quốc-dân đã không được hưởng mỗi lợi ấy mà lại còn phải xuất tiền mua mà dùng nữa, nghĩ coi có đáng buồn chăng?

đốc dân sự đua nhau mà để tằm trồng dâu rất nhiều: Có nghe rằng một ít trang kiến-thức đương lo kêu hùn lập hội đăng mua tơ ấy mà dệt.

Lấy sự cũ-chỉ nói trên đây mà suy thì biết Chánh-Phủ Đại-Pháp lo mở mang cuộc lý-tài trong xứ ta là dường nào. Vậy đồng-bang nên lưu tâm mà sanh lợi. Bên nước Nhật-Bổn nội tỉnh Ko-su-ke tính có hơn 44 ngàn nhà nuôi tằm. Mỗi bờ đắp theo ruộng, mỗi khoảnh-đất trồng đều có trồng dâu cả. Bước vô mỗi nhà đều thấy ngoài cửa thì đòn bả lo tằm tơ, ở trong thì con nít lo lựa kén. Xứ người ta làm như thế thì cuộc tan tằm mới hưng thịnh được. Vả nghề nuôi tằm là nghề rất nhẹ nhàn, đòn bả, trẻ nhỏ làm được lắm. Chớ chi đòn bả trong mấy tỉnh nuôi tằm được thấy đều bắt chước mà làm như đòn bả bên Nhật-Bổn thì lo chi cuộc tan tằm trong xứ ta không tinh tấn.

Còn nếu Đông-Dương ta có tơ nhiều thì cũng chẳng lo chi sự bán không hết. Trong xứ ta dân số gần 16 triệu và mỗi người đều có ý đua nhau mà dùng hàng lụa. Nếu tơ có nhiều thì sao cũng có người lập hãng mà dệt lãnh nhiều tại trong xứ đăng bán cho dân trong xứ. Cuộc phương-chức cơ tư để qua đoạn *Chê-tạo Công-nghệ* sẽ phân giải.

Cuộc bán tơ mấy năm nay lại đắt lắm. Số tơ bán trong hoàn-cầu mỗi năm chừng 25 triệu kilos mà trong số ấy phần Huê-kỳ mua trên 11 triệu kilos rồi. Nếu mình có tơ rồi dành với nước Tàu hoặc nước Nhật mà chịu mỗi bán cho Huê-kỳ thì biết bao nhiêu lợi. Huống chi bên Mầu-quốc ta tại thành Lyon thuở nay đã có nhiều hãng lớn chuyên dệt hàng lụa, mỗi năm dùng đến tám chín triệu kilos tơ sống. Vả cuộc tan tằm trong nước bị suy bại, nên không có tơ đủ mà dùng phải kiếm mua của ngoại-quốc. Nếu mình có tơ đủ mà bán cho Mầu-quốc cũng lợi nhiều rồi, cần chi phải lo bán cho nước khác nữa.

Quốc-dân ta đã biết nghề trồng dâu nuôi tằm trên mấy trăm năm rồi. Bởi Quốc-dân ta không biều xưa nay chỉ có chủ hướng về ruộng rẫy, nên bỏ qua nghề ấy suy bại. Nay chúng ta nên liệu phương nào mà khai mỗi lợi cũ của chúng ta chớ. Trong các nước có nhiều chỗ khi trước chưa biết nuôi tằm mà nay người

tà còn học tập thay, hướng chi nghề ấy là nghề cũ của mình, mà nay lại có Chánh-phủ hết lòng điều-dắc nữa, vậy mình còn dự-dự nổi chi. Khuyên Đồng-nhân lưu ý, lưu ý.

(Sau sẽ tiếp theo)

Biểu-Chánh

Nông-nghiệp Thương-tế hội

(tiếp theo)

Nông-nghiệp Thương-tế hội chi tổ chức

Trong hai kỳ trước tôi đã bày tỏ những đều lợi ích về sự lập hội Nông-nghiệp Thương-tế rồi. Nay tôi xin phân cách thể lập hội cho đồng-bang nhà duợt.

Vả lời nghị ngày 8 Novembre 1912 thì cho quốc-dân Nam-kỳ được phép lập hội Nông-nghiệp Thương-tế. Vậy nay mình có lập hội ấy thì phải lường theo lời nghị đó và cũng phải do những Chủ-nghĩa của các hội đã lập bên Mậu-quốc mà sắp đặt điều lệ. Tôi thàm nghĩ nếu làm một bài luận thì khó mà chỉ rõ những cách thể lập hội cho được. Vì vậy nên tôi xin lục một cái kiểu điều lệ đã có dùng rồi ra sau đây, dường ấy có lẽ đồng-bang dễ hiểu hơn là luận dông dài mà không rành được.

KIỂU ĐIỀU-LỆ NÔNG-NGHIỆP-TƯƠNG-TẾ HỘI

HỘI NÔNG-NGHIỆP TƯƠNG-TẾ*Tỉnh.....***Điều lệ****CHƯƠNG THỨ NHẤT***Cuộc lập hội*

Điều thứ nhất.— Định lập tại tỉnh..... một hội Nông-nghiep tương-tế bôn-quốc y theo thể lệ trong lời nghị của quan Tổng-thống Toàn-quyền Đông-dương ngày 8 Novembre 1912, định về sự lập hội Nông-nghiep tương-tế của người bôn-quốc trong Nam-kỳ. Những điền chủ và tá điền nào ưng thuận theo điều lệ này thì là người vào hội.

Điều thứ nhì.— Hội này đặt hiệu là « Nông-nghiep tương-tế hội »

Hội-quán thì định đề tại tỉnh thành (làng.....)

Hạn lệ của hội và số hội viên thì vô hạn, Ngày nào hội nạp điều lệ này cho Chánh-phủ thì ngày ấy là ngày hội lập thành.

Điều thứ ba.— Hội này chỉ đề nghị cứu và bảo chữa các quyền lợi thuộc về Nông-nghiep.

CHƯƠNG THỨ HAI*Chủ-nghĩa của hội*

Điều thứ bôn.— Chủ nghĩa của hội thì là :

1. Làm cho các hội viên được hưởng nhờ các phần lợi ích của hội lập đủ phép, mà trong hội lập đủ phép thì các hội-viên nhờ bởi được liên lạc đoàn thể, nên giúp đỡ nhau và bảo bọc nhau.

2. Làm cho có thể dễ trữ, dễ bán và bán cho đắt giá những đồ thổ sản của hội viên.
3. Làm cho hội-viên mỗi ngành có thể chung đàu tiền bạc mà tạo trúc kho tàng.
4. Lập ra trong hội này một hội cho vay bạc nặng giúp đỡ hội-viên trong nông-nghiệp.
5. Bày thế nặng dực lòng người canh cải cách trồng tĩa, cách dùng phân, cùng cách lựa giống ; dùng thử những đồ khí cụ tinh xảo cùng các cách thế nào khác nặng làm nhẹ công cho nhà nông, mà được thêm số huê lợi và bớt sự tổn phí.
6. Bày cuộc diễn thuyết cùng cách thế chi khác như là : Tập hội thổ sản, vân vân, nặng mà dạy dỗ dân trong nông-nghiệp.
7. Làm cho dễ mua phân cùng là đồ khí cụ, thú vật, giống, hay là các thứ chi khác cần ích trong sự làm ruộng.
8. Phát cho hội-viên những thống-kê-biểu, những tờ biên giá bán đồ thổ sản và những tin tức chi làm cho hội-viên được biết các việc thuộc về nông vụ.
9. Lãnh mua sỉ mũi giùm rồi phát lại cho hội viên, làm như thế nặng tiện bề làm và bán những cá khô, cá mắm, và giúp đỡ môn thiết nghiệp và nghề buôn bán này được thành lợi.
10. Rốt hết làm cho dễ làm ra và dễ bán những đồ thổ sản trồng trong tỉnh.

CHƯƠNG THỨ BA

Cách sắp đặt của hội

Điều thứ 5. — Người vô hội Nông-nghiệp tương-tế này là người hội-viên mỗi năm có đóng mỗi người một đồng bạc. Bạc chung đàu này buộc phải đóng trong lúc đại-hội lần đầu trong mỗi năm:

Các hội-viên đều được hưởng nhờ phần lợi ích của hội, đồng nhau một thể.

Điều thứ 6. — Những người được phép vào hội là :

1. Những chủ đất, những người ăn huê lợi đất, những người hưởng nhờ các thứ diễn thổ hoặc bồn thân cây cấy, hoặc cho người khác cấy cấy.

2. Những người coi ruộng đất, những tá điền tá thổ, những người bao tá và hết thảy những nông phu nào có cây cấy ít nữa là 5 mẫu đất và đã đứng bộ trong làng ít nữa là 5 năm.

Những đàn bà có đủ quyền lập ước, và những đàn bà góa chồng mà được hưởng huê lợi thì cũng được vô hội Nông-nghiệp tương tế, song không được lãnh chức hội-viên cai quản.

Điều thứ 7. — Khi hội lập thành rồi mà có người nào muốn vô hội thì phải có hai người hội viên tiến-dã và phải đóng thêm 0 \$ 50 với tiền chung đậu trọn năm đó.

Sự cho vô hội hoặc bỏ ra thì về phần hội cai-quản phân định.

Điều thứ 8. — Mỗi người hội viên đều đăng phép thông thả muốn thôi chừng nào cũng được, song buộc phải đóng tiền chung đậu trong năm ấy cho tất.

Những hội viên nào bị khánh tận bị suy sụp, bị án làm hư danh tiếng, hay là hội viên nào có thơ nhất hai lần mà không đóng tiền chung đậu thì phải bị đuổi ra khỏi hội.

Khi bị đuổi thì buộc phải đóng số tiền chung đậu còn thiếu đó mà thôi.

CHƯƠNG THỨ TƯ

SỰ CAI QUAN

1. — Hội Ủy-viên

Điều thứ 9. — Việc cai-quản hội Nông-nghiệp tương-tế thì giao cho một hội đồng cai-quản lãnh làm, mà không có lương bổng chi hết. Trong Hội đồng này thì đặt một chánh Hội-trưởng, một Phó Hội-trưởng một Từ-hàn, một Thủ-bồn và năm quản-lý viên.

Những viên chức trong Hội-dồng cai quản thì đại hội bỏ thăm tuyển cử ai nhiều tiếng thăm hơn hết thì được. Viên chức ấy cứ một lần thì hành sự luôn năm (1) và cả thấy đều được tái cử.

(1) hoặc 2 hoặc 3 năm tùy ý người đứng lập hội

Người được dự cử làm viên-chức Hội-dồng cai quản thì phải :

A) Thuộc dân Langsa, thành đinh, không có án toả.

B) Chủ đất, ăn huê lợi đất, bường nhờ các thứ điền thổ hoặc bồn thân cây cấy, hoặc cho người khác cấy cấy, hay là người coi ruộng đất, tá điền, tá thổ, bao tá có cấy cấy ít nữa là 5 mẫu đất và đã đứng bộ trong làng ít nữa là 5 năm rồi.

Điều thứ 10.— Chức chánh Hội-trưởng của Hội-dồng cai quản cũ, nên hiệp sức với Hội-dồng này mà điều đình sự bản nghĩ và các công việc của hội. Chức ấy thay mặt cho Hội-dồng cai quản trong việc tố tụng đến Toà, hoặc giao thiệp với thiên hạ và coi các việc xuất phát của hội.

Khi nào ý kiến phân hai, hể chánh Hội-trưởng theo phía nào thì phía ấy hơn.

Chức phó Hội-trưởng đề thế cho chánh Hội-trưởng khi nào chánh Hội-trưởng mắc việc.

Chức Từ-hàn đề lập tờ kiết chứng coi sổ sách thơ từ, và mời nhóm theo lời chánh Hội-trưởng dạy.

Chức Thũ-bồn đề thâu tiền chung đậu, thâu các tiền thuộc về của hội, xuất phát các phần tiền nỏ mà có chữ chánh Hội-trưởng phê và lập sổ thâu xuất chung niên của hội.

Khi nào có một viên chức trong hội cai quản thôi hay là chết, thì hội cai-quản phải tạm cử người khác thế đỡ mà chờ đến kỳ đại hội tới sẽ cử người thiết thọ theo như cách đã nói trên đây.

Điều thứ 11.— Hể chánh Hội-trưởng liệu nên nhóm thì hội đồng cai quản phải nhóm.

Hội nông-nghiệp tương-tế giao quyền rộng cho Hội-dồng cai-quản đặt điều đình các việc của hội.

Điều thứ 12.— Khi nào nhà nước cần dùng hỏi những thống-kê-biểu cùng đều chi khác thì hội cai quản coi nạp khai ấy.

Buộc hội Cai-quản mỗi tháng phải nhóm một lần theo ngày, đã định chắc và khi nào có việc cần kiếp thì nhóm ngoại lệ. Những hội-viên và những thừa-sai của các hội phần sổ đều đặn dự các kỳ nhóm này, và dặng bày tỏ hoặc ước xin việc

chi, cùng là dự hởi các việc chi. Những hội viên đến dự nhóm đây thì đăng tỏ ý của mình cho hội biết mà thôi, chứ không đăng bàn nghị việc chi hết.

Phải có mặt ít nữa là 5 chức việc cai quản thì lời bàn nghị mới đủ phép.

Các viên chức trong hội cai quản đứng lo việc cho hội, dầu có lập ước đều chi, cùng làm những việc chi cho hội thì không có cang hệ đến phận riêng của mình và cũng không liên lụy riêng cho các viên chức cai quản. Các viên chức này chịu có một điều lãnh lo cho kham công việc theo phận sự của mình làm cho hội mà thôi.

2. — Hội phần sở

Điều thứ 13. — Trong mỗi làng, hoặc mỗi tổng, hoặc nhiều làng hiệp lại, hội-viên được phép hiệp nhau lại mà làm một phần sở hội Nông-nghiệp. Mỗi phần sở đều có một hội ủy-viên cai quản. Trong hội ủy-viên ấy thì có một Chánh-hội-trưởng, một Phó-hội-Trưởng, một Từ-bàn và một Thủ-bồn những viên chức trong hội ủy-viên này cũng cứ ra làm năm như hội-đồng cai-quản và cách thế cũ cũng y như vậy.

Chánh-hội-trưởng thì coi các công việc trong phần sở và coi sự xuất phát. Phó-hội-trưởng thì thế cho Chánh-hội-trưởng khi nào Chánh-hội-trưởng mắc việc.

Từ-bàn thì coi lập tờ kiết chứng rồi ký tên với Chánh-hội-trưởng. Cũng coi sổ thơ từ nữa.

Thủ-bồn thì coi thâu tiền chung dậu của hội-viên phần sở rồi để lại một phần mà trả tiền chi phí trong phần sở, còn bao nhiêu thì gửi cho Thủ-bồn hội Nông-nghiệp tương-tế. Số tiền chi phí trong phần sở này nếu chẳng có hội-đồng cai-quản của hội Nông-nghiệp cho phép thì không được nhiều hơn một phần tư số tiền chung dậu.

Phần sở cũng phải cử một người hay là nhiều người thừa sai đăng đến dự nhóm với hội-đồng cai-quản của hội Nông-nghiệp tương-tế.

Điều thứ 14. — Muốn làm cho các hội-viên được hưởng nhờ phần lợi ích về cuộc Nông-nghiệp tương-tế ngân hàng, thì mỗi phần sở được thay mặt cho hội Nông-nghiệp mà cất một hay là nhiều kho tàng lớn và trủng thóc lệ đăng tới mùa lúa mà trữ lúa của hội-viên phần sở gởi để dành mà bán hoặc để làm thế chum mà vay bạc.

Điều thứ 15. — Hội đồng cai-quản phải lập một bổn điều lệ riêng rồi trình cho viên chức các phần sở nghiệm xét, đăng định cách thi thố của hội Nông-nghiệp tương tế và của các phần sở.

3. — ĐẠI-HỘI.

Điều thứ 16. — Mỗi năm nhóm đại hội hai kỳ, trong tuần tháng 2 và tháng 8 Annam.

Trong kỳ đại hội thứ nhất thì Chánh-hội-trưởng hội-đồng cai quản bày tỏ các công việc của hội làm trong năm, chỉ rõ coi sự lợi hại thế nào, phê chuẩn sổ thu xuất trong năm, lập sổ phỏng định thu xuất năm tới cùng là lo tuyển cử viên chức mới.

Mỗi nhóm đại hội thì có thơ gởi cho các phần sở; trong thơ phải nói kỹ nhóm ấy bàn nghị việc chi; mỗi phần sở phải sai viên chức hội uỷ-viên, đến dự nhóm;

Hội-viên khác muốn đến nhóm cũng được.

Các hội-viên nào có giấy chứng rằng mình là người trong hội thì đi nhóm đại hội được cả.

Mỗi kỳ đại hội thì Chánh-hội-trưởng hội-đồng Cai-quản cùng là người nào thay mặt cho Chánh-hội-trưởng đó tọa chủ. Cũng có hai viên chức kiểm thăm và một Từ-hàn của đại hội cử đăng phụ sự.

Điều thứ 17. — Cấm ngặt chẳng được nghị luận những việc chánh sách cùng những việc chi không nhằm chủ-nghĩa của hội.

Điều thứ 18. — Hội viên muốn bày tỏ việc chi riêng thì phải trình cho hội đồng cai quản xét trước, coi như việc đáng cho đại hội biết thì hội đồng cai quản sẽ tỏ cho đại hội định đạt.

Chẳng luận số hội-viên nhiều ít, những lời bàn nghị thì cứ theo bên nào đông mà thi hành.

CHƯƠNG THỨ NĂM.

TÀI SẢN CỦA HỘI.

Điều thứ 19. — Tài sản của hội là :

1. Tiền của hội-viên chung đạu.
2. Tiền xuất rồi còn dư lại.
3. Của người ta dâng cho.
4. Tiền cấp trợ,
5. Phần tiền của hội Tương-tế ngân hàng cho vay có lời rồi giao lại.
6. Những nhà đất và đồ đạc của hội. Nhưng mà hội chẳng đặng mua hay là nhận lãnh đất nhà nào khác hơn là mấy chỗ hội cần dùng mà nhóm và làm các công việc chung.

CHƯƠNG THỨ SÁU

SỬA ĐIỀU LỆ — RẢ HỘI

Điều thứ 20. — Điều lệ này đại hội được phép chế sửa lại.

Muốn sửa điều lệ thì trước hết phải có hội đồng cai quản và quan Tham-biện chủ tỉnh ưng chịu rồi mới đặng đem ra đại hội mà bàn nghị. Nếu 2 phần 3 trong số hội-viên ưng chịu thì sự sửa điều lệ mới trúng phép.

Như hội đồng Cai quản đủ cơ mà xin rả hội Nông-nghiệp tương tế, thì Đại-hội phải nhóm mà bàn nghị; nếu có hai phần ba trong số hội-viên có mặt ưng chịu thì mới được rả hội.

Như nhứt định rả hội rồi, thì hội-viên cũng phải bỏ thăm coi tài sản của hội phải cho hội phước thiện nào hoặc cho ở lo việc ích lợi về Nông-vụ nào, chớ tài sản ấy không được chia cho hội-viên.

THỂ LỆ CHUNG

Điều thứ 21. — Điều lệ này sẽ trình cho quan Nguyên-soái Nam-kỳ phê chuẩn rồi in ra nhiều bản.

Chánh-hội-trưởng và Từ-bàn ký tên rồi, nạp hai bản tại phòng văn quan Tham-Biện chủ tỉnh dâng người giữ một bản còn một bản người gửi cho quan Biện-lý tòa sở tại. Cũng phát cho các hội-viên mỗi người một bản điều lệ có biên tên họ số hiệu và ngày vào hội, làm thế ấy dâng mỗi hội-viên dùng bản điều lệ của mình mà chứng rằng mình là người trong hội.

Hội cũng phải nạp tại Tòa bố một cái sổ biên tên các viên chức trong hội đồng cai quản. Những viên chức này phải lựa người chẳng có án tiết chi làm mất danh giá mới được.

Mỗi khi có chế sửa điều lệ hoặc có thay đổi hội đồng cai quản thì phải nạp điều lệ mới vào sổ viên chức mới.

Điều lệ này lập trong đại hội có đủ mặt hội-viên vào sổ ngày nay.

Làm tại.....ngày.....

HỘI-ĐỒNG CAI-QUẢN,

Chánh-hội-Trưởng,

Ký tên :

Phó-hội-Trưởng,

Ký tên :

Thủ-bàn,

Ký tên :

Từ-bàn,

Ký tên :

Quản-lý-viên,

5 người ký tên

✽ ✽

Nếu Đồng bang đọc kỹ cái kiểu điều lệ này thì rõ biết cách thế lập Nông-nghiệp Tương-tế hội là thế nào. Những chủ-nghĩa trong điều-lệ ấy là chủ-nghĩa biện kiêm cần ích của nhà nông trong xứ ta. Nếu quốc-dân tỉnh nào tỉnh lập hội muốn thêm hoặc bớt chủ-nghĩa chi cũng được, miễn là không trái với thể lệ định trong lời nghị ngày 8 Novembre 1912 thì thôi.

Đồng-bang nay đã hiểu cách thế lập hội Nông-nghiệp tương-tế rồi, vậy để qua kỳ sau tôi sẽ chỉ cách thi thố của hội ấy.

(Sau sẽ tiếp theo)

HỒ-VĂN-TRUNG

Longxuyên Nông-nghiệp Tương-tế hội

Hôm 26 Mai 1918 hội Nông-nghiệp Tương-tế tỉnh Longxuyên có nhóm đại-hội mà lập điều-lệ về Tương-Tế ngân hàng.

Ông Liêu-sanh-Hậu là Chánh-hội-trưởng có đọc một bài trần-thuyết về cách thể lập hội Ngân-hàng. Số bùn lập hội định có 500 phần, mà khi diễn-thuyết rồi các điền-chủ biên tên vào sổ kê trên 650 phần bùn.

Bồn-chí xin lục lời trần-thuyết của ông Liêu-sanh-Hậu ra sau đây cho đồng-bang tường-tắc.

☞☞

Các ông,

Tôi lấy làm vinh hạnh mà được cất tiếng bày lời giữa hội này, là chỗ nhóm đủ quan viên chức sắc, phú-hộ bảo-gia trong bốn tỉnh. Vậy trước hết tôi xin chào mừng quan phó Tham-biện là người thay mặt cho quan Chủ-tỉnh đến mà chỉ bày những ý tứ cao sâu cho chúng ta. Tôi cũng xin tỏ ít lời cảm tạ các quan Chủ-quận các Cai Phó-tổng, các hội-dồng cùng các nghiệp-chủ vui lòng đoàn tụ hôm nay nơi chốn này mà giúp cho cuộc Nông-nghiệp Tương-tế ngân hàng trong tỉnh mau thành tựu.

Hôm ngày 24 Mars 1918 các ông đã có nhóm một lần mà lập điều lệ hội Nông-nghiệp tương-tế. Điều lệ ấy quan Nguyên-soái Nam-kỳ đã phê chuẩn rồi và ngài lại có tỏ ý ngợi khen cái chí đoàn thể của nông-gia trong tỉnh Long-xuyên. Vậy hội Nông-nghiệp tương-tế của chúng ta ngày nay đã lập thành rồi, và sự thành đây ấy cũng nhờ trước có quan Tham-biện Chủ-tỉnh Le Bret sau có quan Phủ Lê-quang-Liêm hết lòng lo lắng về sự lợi ích và về đường tấn bộ của nhơn dân, nên từ này chúng ta mới được chung lo mà bảo thủ quyền lợi cho nhau trong buổi này, là lúc nhơn quần cạnh tranh rất kịch liệt.

Tôi tưởng các ông cũng rõ biết rằng lập thành hội Nông-nghiệp tương-tế đây ví chẳng khác như đeo được một thứ giống rất quý báu trong xứ vậy. Mà khi đeo giống rồi thì ít nữa cũng

phải vun phân tưới nước, tỉa nhánh bắt sâu, làm thế nào cho cây được đơm hoa kết quả, chớ nếu có công ương cây rồi bỏ phủ cho trời đất, thì chẳng những cây ít trái thừa bông mà thôi, mà lại có khi cũng phải héo chồi khô gốc nữa.

Vả cái hội Nông-nghiệp tương-tế của chúng ta có lập nhiều chũ-nghĩa rất lợi ích cho nhà nông. Nay hội lập thành rồi vậy chúng ta phải mau mau nghiên cứu mà thi hành những chũ-nghĩa ấy, đừng cây *Tương-tế* của chúng ta được hoãn hoại hoa thơm trái ngọt. Thiết tưởng ở đời, muốn làm việc chi khỏi lăm khỏi vấp thì phải làm cho có thứ tự sắp cho rành phương pháp. Trong những chũ-nghĩa của hội chúng ta duy có điều *lập thể giúp vốn cho người trong hội* là một điều cần kiệp hơn hết của chúng ta trong buổi này. Xưa nay trong xứ ta, từ điền-chủ cho đến tá-canh có người thiếu tiền mà khai phá ruộng đất, phải bôn ba đến Xả-tri mà vay bạc, chịu lời rất nặng; có người lại túng tiền mua đồ đóng thuế phải năn nỉ với khách-trú mà bán lúa, thất lợi rất nhiều. Vậy nay mình muốn giữ quyền lợi cho nhau; thì trước hết nên lập một hội Nông-nghiệp tương-tế ngân hàng ngổ đảng điền-chủ có vốn sẵn mà khai phá ruộng đất, khỏi chịu lời nhiều và nông-gia thế gởi lúa lấy bạc mà chi dụng khỏi bán giá rẻ.

Tôi vẫn biết nội đây cũng có nhiều ông có bạc sẵn chẳng hề thiếu vốn bao giờ. Tôi xin mấy ông ấy chớ tưởng mình không cần vay hỏi rồi làm lơ trong cuộc này, bởi vì hễ vào hội này dầu mình không vay thì mình được chia lời, ấy cũng là một điều lợi lớn. Rồi đây tôi sẽ đọc cái phông điều lệ về sự lập hội Nông-nghiệp tương-tế ngân hàng cho các ông nghe. Theo chương trình ấy thì mỗi phần hùn định có 10\$ mà đóng liền có một phần tư nghĩa là 2\$ 50 mà thôi. Chừng nào có việc cần dùng, sẽ nhóm đại hội mà định thấu thêm. Ấy đó phần hùn đã nhỏ rất vừa sức cho mỗi người. Vậy thì mấy ông điền-chủ phải ráng hùn cho đông và hùn cho nhiều phần, có ít nào nữa cũng phải được 500 phần hùn thì mới đủ phép lập hội này; lại phải biết rằng hễ hăng bạc Saigon thấy mình hùn nhiều, thế lực của hội mình lớn thì mới dám trao bạc cho mình đảng cho vay mà giúp nhau.

Các ông đến đây tôi chắc ai cũng sẵn lòng đoàn thể mà giúp chí cho nhau. Vậy tôi xin các ông mỗi người hùn cho nhiều

đặng làm cho rõ ràng nghĩa-vụ tương-tế trong bốn tỉnh. Chẳng phải nội chúng ta đây đủ mà làm nên một hội lớn được; tuy vậy mà chúng ta phải phóng bông tiêu lần đặng để cho người sau ruộng cây đắp lộ.

Đã biết trong Nam-kỳ ta xưa nay duy có tỉnh Mytho và Soctrang đã có lập thành hội Nông-nghiệp tương tế rồi mà thôi. Song ở Soctrang hội lập theo cách Langsa, nên đồng-bang ta khó mà hưởng nhờ cho đều được. Vậy hội Nông-nghiệp tương-tế lập theo cách Annam thì duy có một tỉnh Mytho xứng trước. Mấy năm nay dân sự tỉnh ấy hưởng nhờ vô cùng, hội mỗi năm cho vay ra tâu vốn vô cùng cả thấy có đôi ba chục muôn đồng bạc, ấy cũng đủ nong trí chúng ta và làm gương cho chúng ta coi mà đổi bước vào đường tương-tế.

Trước khi dứt lời tôi xin cho các ông hay rằng ông Hồ-văn-Trung là Từ-hàn trong hội Nông-nghiệp tương-tế mới đặt lệnh thuyền bỏ đi tòng chánh tại tỉnh Giadinh. Trong năm mươi ngày nữa người sẽ từ biệt chúng ta. Người nghĩ vì đường sá xa xuôi cách bức, nên có xin từ chức Từ-hàn. Và ông Hồ-văn-Trung là người có công chung lo tổ chức thành hội Nông-nghiệp tương-tế này; nay việc chưa được hoàn toàn mà người ra đi, ấy chúng ta cũng đau lòng lắm đó. Song công sự phải trọng hơn tư sự, vậy chúng ta phải nhậm lời của người xin và rồi đây chúng ta cũng phải chọn một người khác mà thế chức Từ-hàn nói trên đó.

Nói rồi một lời, tôi xin các ông đồng tình cộng biểu mà làm cho hội Tương-tế trong tỉnh ta được vững bền và mau thành vượn, đặng làm gương cho các tỉnh khác noi theo mà làm cho cuộc kinh-tế trong Nam-kỳ cho mau hưng vượng, cho xứng với công khai hóa nặng dầy của Chánh-phủ Đại-pháp.

Tôi xin các ông hiệp cùng tôi mà chúc cho Longxuyên Nông-nghiệp tương-tế hội miêng trường.

Nam-kỳ vạn tuê!

Đông-dương vạn tuê!

Đại-pháp quốc vạn vạn tuê!



Đệ Huynh tranh luận

(Tiếp theo)

Tối bữa đó cơm nước xong rồi, vợ Nguyễn-Đệ bày trà thốc sẵn sàng, rồi cứ thôi thúc chồng nói tiếp chuyện văn-minh bên Đại-pháp cho mình nghe. Nguyễn-Đệ tuy còn mệt song muốn vui lòng vợ nên mời anh chị ngồi chung quanh ghế mà nghe mình thuật chuyện.

Đệ. — Hồi sớm mời em đã bày tỏ cách giáo-dục của nước Đại-Pháp cho anh chị rõ rồi. Vậy em xin nói tiếp việc cư xử và phần tư-cách của dân Langsa cho anh chị hiểu.

Khi em học tốt-nghệp nơi trường bôn-quốc rồi thì em đã biết Đại-Pháp cộng hòa chữ ba đều là : 1. *Tự-Do*, 2. *Bình-đẳng*, 3. *Đồng-bào*, mà làm càng lãnh. Song em biết thì biết vậy chớ chưa rõ cái sự thiệt-bại của ba đều ấy ra thế nào. Nay em ở trong Pháp-Quốc một năm tròn, em có gần đủ kẻ sang người hèn, em có giao khắp thị thành thôn tịch, em mới thấy rõ cái mùi quý, cái thú lịch, trong sự Tự-do, Bình-đẳng và Đồng-bào của Mầu-Quốc ta. Em có nghe nói bên Huê-Kỳ dân sự thông thả chẳng có dân xứ nào bằng. Lời ấy em chưa chắc thiệt cùng chẳng, chớ đều em thấy tận mắt là hề ai mà bước chơn vào nước Đại-Pháp rồi thì chẳng lo ai hiếp đáp, khỏi sợ ai yếm chán nữa.

Huynh. — Xưa nay anh thường có nghe nói tự-do bình-đẳng mà anh thiệt cùng chưa hiểu nghĩa là sao.

Đệ. — Tự-do là mỗi người được thông thả, muốn làm sự chi tùy ý, miễn là sự làm ấy chẳng thiệt hại đến người khác thì thôi. Trong nước dân sự muốn theo đạo nào thì theo, ai muốn ăn mặc hoặc cất nhà cách nào tùy thích, miễn là đừng trái với phép nước thì thôi. Còn bình-đẳng là mỗi người có đủ quyền, làm người bằng nhau, bề có tội thì sang hèn chi cũng dùng một luật mà trừng trị.

Huynh. — Anh nghe giải Tự-do như vậy anh không vừa ý chút nào hết. Anh thấy trong loài người cái tánh muốn làm

việc quấy thường nó mạnh hơn cái tánh muốn làm đều phải. Nếu không ai kềm chế dân sự, để cho tự-do mà ăn ở thì anh e chầy ngày tánh quấy dồi dào mà làm suy bại phong tục trong nước chẳng em.

Đệ. — Anh luận vậy cũng phải. Song theo ý em nếu xứ nào học thức hoàn toàn rồi thì nên cho dân chúng đồng hưởng tự-do mới phải, nghĩ vì người có học tự nhiên mến phải ghét quấy, chẳng hại chi mà sợ. Này anh hai, chữ nghĩa Tự-do chẳng những là thông thả trong bề cư xử mà thôi, mà lại còn lợi ích cho loài người trong nhiều chỗ khác nữa. Ví dụ mà nghe, nếu anh tính cấy lúa sớm trong đám ruộng của anh; điền chủ gần đó là một viên quan lớn lại biểu anh phải cấy lúa mùa, chớ không cho anh làm lúa sớm, nếu anh cãi thì bị ở tù, dường ấy anh có vui lòng mà vâng theo hay không? Nếu được Tự-do thì khỏi mấy điều ấy.

Huynh. — Còn bình-dẳng anh nghĩ cũng khó lắm em. Người khôn mà không cho hơn đũa đại, người giàu mà không hơn kẻ nghèo, thì cũng ức cho người khôn người giàu lắm chớ.

Đệ. — Anh nói như thế thì sai rồi. Trời sanh loài người thì mỗi người đều có cho đủ tay chơn mặt mũi. Bởi chỗ học hiểu chẳng đồng, bởi cái thời vận chẳng giống, nên hóa ra có người sang kẻ hèn người giàu kẻ khó. Thế tình khôn hay hiếp đại, giàu hay bức nghèo, ấy là một thói rất tệ của xã-hội. Chánh Phủ Đại-Pháp lấy câu bình-dẳng mà làm mục-dích ấy là muốn trừ cái tệ lớn đó, thế thì rất hiệp với nghĩa nhơn-quần chớ sao mà anh cho là ức.

Huynh. — Nếu bình-dẳng rồi đây tớ của mình nó làm bậy mình cũng không được đánh nữa sao?

Đệ. — Một loài người ai cũng như nấy, người có phước làm chủ nhà, người vô phước làm đầy tớ, nếu đũa ở mình nó có quấy vừa vừa thì mình rầy la nó, còn như nó có quấy quá thì mình đừng mướn nó nữa, chớ đánh nó là sao. Trong các nước văn-minh như Đại-Pháp ta vậy, có lập luật không cho khắc bặt thú vật. Ấy thú vật mà người ta còn cấm không có đánh thay huống chi là loài người.

Huynh. — phải, mà trong nước mình cho tự-do bình-đẳng hết thì quân không biết đều nó nghin ngan ai chịu cho nổi.

Đệ. — Anh nói lạ thì thôi, vậy chớ lẽ luật lập làm chi ?

Huynh. — Thôi, qua cũng chẳng cãi với em chi nữa. Đầu em tiếp giải nghĩa câu « Đồng-bào » thử coi.

Đệ. — Cái câu « Đồng-bào » của Đại-Pháp ta lại còn quí hơn nữa. Cả và dân Langsa đều coi mình là con của quê-hương. Nếu quê-hương là bà mẹ chung thì chúng dân là con của bà mẹ ấy, tất nhiên là anh em với nhau cả. Từ khi Âu-Châu khai chiến đến nay cái chủ-nghĩa « Đồng-bào » của Mầu-quốc ta lại càng thêm chói rạng hơn nữa. Cả thấy dân trong nước đều một lòng một ý, kẻ vát súng người rút gươm ra mà bảo thủ quê-hương, coi chẳng khác nào mấy con binh bà mẹ vậy.

Huynh. — Trong nước gây dựng được cái ý tưởng đó thiệt là hay. Có vậy nước mới mạnh được.

Đệ. — Chớ sao. Người Annam ta gần gũi với Đại-Pháp đã hơn 50 năm rồi mà chưa hiểu « Đồng-bào » nghĩa vụ, nghĩ thiệt buồn quá. Em ước ao chớ chi Chánh-Phủ truyền cho thầy giáo các trường phải lấy ấy mà tập lần trí trẻ nhỏ, còn những đảng thức-giã hiệp với các báo-quán rồi cũng lấy đó mà điểm hóa lòng dân, dường ấy có lẽ trong một ít năm dân-tộc ta mới biết thương nhau như anh em một nhà, mới biết giúp nhau mà cạnh tranh quyền-lợi.

Huynh. — Anh tưởng trong nước mình khó mà làm cho dân sự họ hiểu cái nghĩa « Đồng-bào » như bên Mầu-quốc vậy lắm em ; bởi vì xứ người ta cả dân-tộc dùng một học vấn, tập một tư-cách, nên đồng một ý-tưởng được. Trong xứ mình bây giờ cái nho-học coi một ngày một lu lờ, còn cái tân-học coi một ngày một tấn phát. Bởi đó nên trong nước kẻ thì tập theo tư-cách của Langsa, người thì nắm giữ phong-tục của ông bà, hai phe chẳng giống nhau trong bề cư xử, thường chớ tư tưởng hay trái nhau, như thế thì làm sao kết giải Đồng-bào như bên Mầu-Quốc được.

Đệ. — Có hại chi đâu. Chẳng những là hai phe, dầu có mấy chục mấy trăm phe đi nữa, dầu phe này trái phe kia thế nào,

mà nếu mỗi phe đều lấy quê-hương mà làm bà mẹ chung, hễ mẹ có việc, các con phải quên chỗ giận riêng nhau, xúm lại mà lo lẫn chung, đường ấy thì nghĩa-vụ *đồng-bào* sao mà không kết được. Mẫu-quốc ta cũng tập như thế, cũng làm như thế. mới kết được giải đồng bào mà vui hưởng thú phú cường hơn một trăm năm nay,

Vợ đệ. — Này, Thầy ba, không biết bên Tây đàn bà họ có làm việc chi hay không há ?

Đệ. — Bên Mẫu-quốc đàn bà giỏi lắm, người có học thức làm tới Trạng-sư. Khi trước trong các công thự, trong các hãng, các xưởng cũng có đàn bà giúp làm việc giấy với đàn ông. Từ khi có giặc đến nay, nào là cấy ruộng, hái nho, nào là giúp công trong các xưởng, phần nhiều công việc trong nước thì về tay đàn bà lãnh hết.

Vợ đệ. — Nếu vậy đàn bà của mình dỡ hơn mà. Vậy thuở nay thấy mấy bà *Đám* ở không hoài, em tưởng đâu theo phong tục phương Tây đàn bà không làm việc chớ. Này, còn đàn ông bên Đại-Pháp chắc họ ư có cái làm quan, phải vậy hay không thầy ba ? Đây nội hạt mình đếm chừng 50 ông Langsa mà em coi hết 48 ông làm quan rồi.

Đệ. — Phải vậy đâu em. Xứ mình đây là Thuộc-địa của Đại-Pháp, Chánh-phủ phải dùng quan mà cai trị, nên em mới thấy quan nhiều như vậy. Chớ bên Mẫu-quốc cũng có người ư làm quan, mà phần nhiều cói ý ư thiệt nghiệp hơn, bởi vì họ thấy nhập đường thiệt-nghiệp lợi nhiều mà lại thông thả nữa. Những người ra làm quan là bắt dặt dĩ đó mà thôi, chớ thật chỗ hi-vọng của họ là làm thế nào cho bạc đồng vàng kho, tính thế nào được tài cao trí rộng kia.

Vợ đệ. — Nếu vậy người mình chẳng là tệ lắm.

Huỳnh. — Người mình sao mà tệ ?

Vợ đệ. — Em nói người mình tệ là vì em thường thấy ai có con cho học cũng tính ngày sau cho nó làm việc với nhà nước mà thôi, chớ không ai tính học đặng làm nghề chi khác nữa.

Huỳnh. — Trong tứ dân chữ sĩ đứng thứ nhứt. Người mình có con cho học muốn cho nó được làm quan thì phải rồi, chớ tệ là sao ?

Đệ. — Làm quan đời này có lợi chi đâu mà muốn cho nó làm.

Huynh. — Sao lại không lợi. Em coi thử coi, ai sang trọng cho bằng ông quan.

Đệ. — Anh luận thiệt trái ý em xa lắm. Song em sợ nói cang lý mịch lòng, nên em nhận thua anh, chớ chẳng phải em không lời mà phản đối.

Huynh. — Anh nói như vậy không phải hay sao mà cãi.

Đệ. — Thôi, khuya rồi, xin anh chị đi nghỉ rồi mai sẽ nói chuyện nữa.

(Sau sẽ tiếp theo)

Cồ-nguyệt-Trang,

Sản vật xuất dương

Trong *Đại-Việt Tập-Chí* số 1 tôi đã có biên số lúa gạo tại cửa Saigon chở sang các nước từ đầu tháng giêng tới cuối tháng sáu năm 1917. Nay tôi xin tiếp biên số lúa gạo Nam-Kỳ xuất dương từ đầu tháng bảy cho đến cuối năm 1917 cho quốc-dân hiểu trong năm rồi lúa gạo xứ mình bán cho ngoại-quốc là bao nhiêu tấn.

Từ 1er Juillet tới 31 Décembre 1917, lúa gạo tại Saigon chở sang :

Pháp-quốc.....	75.387 tấn
Thuộc-địa Pháp-quốc.....	5.585 —
Huê-Kỳ.....	4.532 —
Thuộc-địa Hà-Lang (Indes néerlandaises).	95.797 —
Hạ-châu (Singapore)	91.603 —
Lữ-Tổng (Iles Philippines).....	61.647 —
Hương-cảng (Hongkong)	228.743 —
Nhứt-Bồn.....	55.908 —
Các chỗ khác.....	1.600 —

Cộng..... 621.002 —

Số xuất dương từ 1er Janvier tới 30

Juin 1917..... 626.568 —

Trọn năm 1917..... 1.247.570 —

Tôi cũng xin lục luôn số lúa gạo Nam-Kỳ xuất dương từ năm 1908 tới năm nay mỗi năm là bao nhiêu cho đồng bang dễ so sánh.

Năm 1908	=	981.402 tấn
— 1909	=	901.802 —
— 1910	=	1.108.562 —
— 1911	=	651.917 —
— 1912	=	551.302 —
— 1913	=	1.179.684 —
— 1914	=	1.293.364 —
— 1915	=	1.091.437 —
— 1916	=	1.245.203 —

Lấy những số trên đây mà suy thì năm 1917 lúa gạo Nam-Kỳ chở đi các nước nhiều hơn các năm trước hết thấy. Lúa bán được mà không cao giá là tại tiền chở ăn mắc và tại bạc cao giá đó mà thôi.

Còn Tiêu trong năm 1917 tại cửa Saigon chở sang :

Pháp-quốc.....	1.431.407 kilos
Các thuộc-địa của Pháp-quốc.....	10.380 —
Hương-Cảng (Hongkong).....	74.512 —
Hạ-Châu (Singapore).....	183.500 —
Các chỗ khác.....	568 —
Cộng.....	1.700.367 —

Tiêu năm 1917 bán ít hơn các năm trước. Trong 6 năm trước số tiêu xuất-dương:

Năm 1911	=	4.119.686 kilos
— 1912	=	3.568.140 —
— 1913	=	4.087.684 —
— 1914	=	3.206.862 —
— 1915	=	4.008.266 —
— 1916	=	2.651.354 —

Trong năm 1917 số bắp xuất dương được 9.356 659 kilos, số cái dừa khô được 2.029.070 kilos, số bông vải được 3.576.699 kilos và số cao-su (caoutchouc) được 773.964 kilos

Tôi tưởng cũng nên lục trong những sản vật này mà biên món nào chở về Đại-pháp là bao nhiêu cho quốc-dân dễ thấy cái đường thông thương của Đông-Dương với Mầu-quốc.

Bắp.....	7.171.436 kilos
Cái dừa khô.....	1.660.072 —
Bông vải.....	46.097 —
Cao-su.....	773.929 —

Thứ-Tiên.

Đại chiến trường

Đông-Dương chỉ cung nhu chiến bị

Rút trong « CỤC-ĐÔNG THỜI BÁO »

Từ khi Âu-Châu khai chiến đến nay, thuộc Pháp Đông-Dương có giúp nhiều thứ sản vật cho Mầu-quốc và các nước Liêng-Hiệp.

Bắc-kỳ thì bán than đá cho các chiến-thuyền và thương-thuyền chạy bên miền Cực-Đông này. Nước Nhật-bồn cũng mua than đá ấy về mà dùng trong các xưởng, đặt chế tạo binh khí cho Nga-la-tư.

Kể Bắc-kỳ khi trước bán cho Tĩ-lợi-Thi (Belgique) và Đức-quốc, bây giờ chở trọn qua Huê-kỳ, Hồng-mao, Đại-Pháp và Nhật-Bồn.

Mỗi năm Bắc-kỳ lại còn chở đến 900 hoặc 1000 tấn dầu đủ về Mầu-quốc đặt dùng mà chuỗi máy bay cùng là đồ binh khí khác nữa.

Gòn trong xứ Cao-Man thì mua dùng mà làm dây nịch ngựa khi tàu chìm cho khỏi chết. Tơ lụa thì dùng làm bao máy trái khí-cầu hoặc kết cánh cho máy bay.

Bông-vải một phần thì chở qua Nhật-Bồn đặt dùng mà làm thuốc súng trái nỏ.

Cao-su gửi qua Mầu-quốc dùng mà làm bánh xe hơi. Mỗi năm số chở đến cả ngàn tấn.

BẮC-HỌC KHOA

Pháp-luật

THƯƠNG VỤ LUẬT LỆ (tiếp theo)

Nói về thương-hội và hội-qui.

Hiện kiêm có năm thứ thương hội :

1. Tập-danh hội (Société en nom collectif).
2. Tâm-thể hội (Société en commandite).
3. Nặc-danh hội (Société anonyme).
4. Lâm-thời quyền-thuyết công-ty (Association en participation.)
5. Tư-bồn vô hạn công-ty (Société à capital variable).

Tâm-thể hội chia ra làm hai thứ : một thứ kêu là Tâm-thể quyền lợi hội (Société en commandite simple ou par intérêt.)

Còn một thứ kêu là Tâm-thể cổ phần hội (Société en commandite par actions.)

Tuy bày ra cho nhiều thứ hội; đặng người ta lựa lấy mà dùng cho hợp ý muốn riêng, chứ nguyên gốc có hai thứ hội cả này : 1. Hội người (Société de personnes) như Tập danh hội với Tâm-thể quyền lợi hội. 2. Hội vật (Société de choses) như tâm-thể cổ phần hội với Nặc-danh hội. Còn Lâm-thời quyền-thuyết công-ty và Tư-bồn vô-hạn công-ty cũng đồng loại với bốn thứ hội kể tên trên đó, song phép lập hội có cái biến chút dích mà thôi.

Sao gọi là hội người, hội vật ?

Hội người là : Nhiều người quen biết với nhau gúm lại mà lập hội, chẳng dùng người lạ, hơ nên chia nhau mà chia hết,

phần hùn mỗi người chẳng được nhượng cho ai, nếu mấy người kia không chịu ; lại hề một người hội viên nào ruỗi chết hay là bị khánh tận, bị nợ tịch biên gia sản, thì hội phải rã liền.

Còn hội vật, thì không lựa người, định trước mỗi phần hùn là bao nhiêu, rồi hề ai có tiền thì được đóng mà lấy phần hùn ấy ; ruỗi hội lỗ vốn thì người hội viên chịu lỗ bất quá hết phần hùn của mình thì thôi, chớ không trả chi nữa : phần hùn ấy muôn bán, muôn nhượng cho ai tự ý, hội viên dầu có chết, có bị việc chi đi nữa ; thì hội cũng đứng như thường.



Nói về Tập-danh hội.

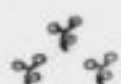
Tập danh hội là một cái hội trong ấy có vài người hay là nhiều người quen biết với nhau đàu vốn lại, kể nhiều người ít, tùy sức mỗi người, đặng mà buôn bán hoặc chế tạo vật chi ; Xã viên thì lấy tên mấy người hùn mà đặt, thí dụ : Tên Giáp, tên Ất, tên Bính chung vốn nhau mà lập hội, thì hội ấy tên là Giáp-Ất-Bính ; khi nào nhiều người đứng lập hội, không lẽ đem hết tên mấy người đó ra mà đặc, nên người ta lấy tên một hai người hội-viên rồi thêm hai chữ Công-ty đằng sau, thí dụ : Giáp và Công-ty, hay là Giáp-Ất và Công-ty. Vì có đó nên gọi hội ấy là Tập-danh hội, nghĩa là : nhóm tên lại. Song đừng lộn Xã-viên (Raison sociale) với ký-hiệu, là hiệu tiệm (Enseigne). Xã-viên là tên hội và chữ ký tên của hội ; còn hiệu tiệm là chữ mình muốn đặc sao cũng được. Thường người ta hay lấy tên vật của hội bán hay là vật của hội chế tạo mà đặc hiệu tiệm.

Tánh chất hội này nó làm cho phân biệt với mấy hội khác là bởi mấy người hội-viên phải liên lạc với nhau mà giữ những lời giao ước của hội. Nếu hội có lỗ vốn mà tiền hùn không đủ trả, thì hội-viên phải lấy của nhà mà phụ vô. Phần hùn của mỗi người có tiếng kêu riêng là quyền lợi (intérêt) chớ không kêu là cổ phần (action) vì phần hùn đó có một mình hội viên được làm chủ, chớ chẳng đặng nhượng hay là bán lại cho ai. Hội-viên ruỗi qua đời hay là bị khánh tận, bị bại sản thì hội phải rã liền.

Muốn lập hội phải làm tờ hiệp-đồng, hoặc đem tới cho Nô-te cầu chứng, hoặc hội-viên nhóm nhau mà làm tờ, nếu không cầu chứng, thì tờ hiệp-đồng phải làm ra mỗi người hội-viên cầm mỗi bốn, lại phải làm dư ra hai bốn để mà bố cáo cho thiên hạ biết : một bốn lưu tại tòa Thương-vụ sở tại, còn một bốn để ấn hành vô trong tờ nhật-báo nào đó.

Về việc cai quản hội, thì hội-viên đẳng phép giao ước với nhau thế nào tự ý ; hoặc mỗi người thay phiên nhau mà cai quản, hoặc chia phần việc, mỗi người một phận sự riêng, hoặc mướn một người ngoại hội để lo quản lý các việc.

Như ai muốn lập Tập-danh-hội mà buôn bán hoặc chế tạo vật chi, xin hãy noi theo kiểu sau đây rồi gia giảm tùy ý mà làm tờ hiệp-đồng mới trúng phép.



Tập-danh-hội chi hiệp-đồng.

Chúng tôi ký tên sau đây là tên Nguyễn-văn-Giáp, Lê-văn-Ất, Trần-văn-Bính, Lý-văn-Đinh, ở....(chỗ ở)... đồng đứng lập Tập-danh-hội mà buôn bán.....(vật chi).... có giao ước với nhau như sau đây :

Điều thứ 1.— Hội này lập tại..... lấy tên Giáp Ất và Công-ty làm Xã-viên.

Điều thứ 2.— Định lập hội.....(mấy năm) kể từ ngày... vì thế.

Điều thứ 3.— Mỗi người hội viên phải dậu vô.....(số bạc bao nhiêu) vậy thì tư bốn của hội hết thấy là..... định góp liền phân nửa, còn phân nửa chừng nào có việc dùng sẽ góp.

Điều thứ 4.— Trong số thâu đó định lấy ra...\$... để mua hàng-hóa, còn.....để dành đó đợi ngửa việc xuất phát xây đến.

Điều thứ năm — Giao cho tên Giáp và tên Ất làm Thủ-bồn ; tên Bính coi giữ sổ sách, tên Đinh lo việc mua và bán hàng hóa.

Điều thứ 6.— Các số tiền tổn phí, tiền mướn phố, tiền trả cho các người làm công và tiền nuôi ăn cho mấy người ấy, thì về phần hội chịu hết.

Điều thứ 7. — Mỗi người hội-viên nếu muốn buôn bán riêng, thì phải xin phép hội, bằng chẳng vậy, thì dầu cho buôn bán riêng mà có lợi bao nhiêu, thì lợi ấy phải nhập vô cho hội, còn nếu lỗ thì chịu lấy một mình, lại các người hội-viên kia được phép thối tiền hùn cho người hội-viên đó, và đuổi ra khỏi hội.

Điều thứ 8. — Cứ mỗi tháng, khi suy tính việc tồn phí xong rồi thì các hội-viên được lấy một số bạc..... chia nhau mà chi dụng.

Điều thứ 9. — Cứ mỗi năm phải suy tính coi lời được bao nhiêu, rồi chia hai số lợi ấy : phân nửa chia cho hội-viên, nhiều ít tùy số mỗi người hùn, còn phân nửa để nhập vô số vốn mà mua hàng-hóa thêm cho hội.

Điều thứ 10. — Mỗi người hội-viên đều có quyền tra xét : người này xét việc làm người kia, người kia xét việc làm người nọ.

Điều thứ 11. — Nếu một ít người hội-viên nào chẳng thuận với nhau trong một việc chi thuộc về của hội, thì mấy người đó, phải tùy ý chọn một người giới-thiệu (arbitre) đặt phán đoán giùm cho. Như không thuận trong việc chọn cử người giới-thiệu đó (nghĩa là kẻ bẻ bàng lòng cho tên Mít xử giùm, người lại chỉ tên Xoài phán đoán, hai phe không đồng một ý) khi ấy, mấy người hội-viên phải đến Toà xin quan Chánh Toà cử người giới-thiệu cho (1).

Điều thứ 12. — Như mảng số năm định trong điều thứ 2 mà mấy người hội-viên chưa chịu cho rã hội, thì phải làm hiệp-đồng lại, còn như đúng số năm đó, mà phải rã hội, thì giao về phần tên Giáp và tên Ất thâu góp tư-bồn và bán tài-sản của hội đặt chia cho mỗi người hội-viên, nhiều ít tùy số mỗi phần hùn lớn nhỏ.

Điều thứ 13. — Trong đám hội-viên, nếu có người chết thì hội phải rã liền.

Điều thứ 14. — Vợ con của người chết có quyền hiệp với mấy người hội-viên còn sống mà tính toán sự sản của hội, coi phần của người chết hết thấy được bao nhiêu, chớ chẳng hề được xin phép toà đóng cửa hội và tịch biên tài-sản của hội.

(1) Song trước khi xin Toà định cử người giới-thiệu, thì 2 đảng phải giao ước với nhau rằng : hễ quan Toà định người nào làm giới-thiệu, thì 2 đảng phải tuân lời người đó phán đoán, chớ chẳng đặt cãi lầy nữa.

Điều thứ 15. — Khi biết phần của người chết là bao nhiêu thì chia phần đó ra làm hai phần : phần nửa, hội phải trả liền cho vợ con người chết, còn phần nửa hội hứa qua năm..... trả, song hội phải tính trả tiền lời 5 ly kể từ ngày người hội-viên chết cho đến ngày trả tất.

Điều thứ 16. — Các việc tính xong, mấy người hội-viên còn sống, được đề vạy mà buôn bán như thường không rã hội.

Tờ này làm ra 4 bản tại.....ngày....tháng.....năm.....

(Mấy người hội-viên phải ký tên vào)



Nói về Tâm-thể hội (société en commandite)

Tâm-thể hội là một cái hội trong ấy có hai thứ hội-viên : một thứ hội-viên dương danh cho người ta biết và liên lạc với nhau mà giữ các lời giao ước của hội, như mấy người hội-viên trong Tập-danh hội nói trên đây vậy : còn một thứ hội-viên ẩn danh ra vốn cho mấy người hội-viên kia làm công chuyện. Vì trong hội ấy có phần người chường ra ngoài, có phần người ẩn vô trong, không khác nào cái thẻ (vóc, với cái tâm (lòng) của con người vậy, nên mới đặc là Tâm-thể hội. Phần người dương danh ra có thể kêu là thẻ-viên (commandité) còn phần người ẩn danh có thể kêu là tâm-viên (commanditaire). Bầy hội này ra lấy làm có ích và tiện dụng cho mỗi người lắm. Ví dụ : Có nhiều người lành nghề công thương song ruỗi ít vốn làm lớn việc không được, lại có nhiều người sẵn vốn nhà mà không thạo nghề ấy, hoặc chẳng dặng làm nghề ấy, vì luật cấm (như các quan lại) hoặc cho vay sợ lỗ, nên để bạc dư không chỗ dùng. Nếu hai phe người ấy, không biệp nhau, thì cả hai đều là người vô dụng cho xã-hội, còn như hai đảng biệp nhau lại, lập Tâm-thể hội (kẻ ra công người ra của, ác lập thành công-nghệ mà giúp ích cho nhau.

Phép lập tờ hiệp-đồng về Tâm-thể hội cũng như phép lập tờ hiệp-đồng của Tập-danh hội vậy. Nghĩa là : hoặc hội-viên cầu nô-te làm chứng, hoặc làm tờ tự với nhau, mỗi người hội-viên cầm mỗi bản. Còn việc cai quản hội thì thuộc về thẻ-viên là mấy người

xương danh giao diệc với thiên hạ, hoặc mượn một người ngoại hội làm quân-lý. Xã-viên thì lấy tên thê-viên mà đặc. Luật chẳng cho tâm-viên là mấy người ra vốn, dự việc cai quản vì e cho họ không sợ lỗ vốn (1) rồi làm việc liều mạng cho thiệt hại hội chẳng. Mấy người đó duy được xem sóc công việc làm của hội mà thôi.

Cách làm tờ hiệp-đồng hội ấy xin nường theo kiểu sau đây rồi gia giảm tùy ý.



Tâm-thẻ hội chi hiệp-đồng.

Chúng tôi ký tên sau đây là Nguyễn-văn-Giáp Lê-văn-Ất, Trần-văn-Bính, Lý-văn-Đinh, hai người trước làm nghề buôn ở còn 2 người sau : một người làm ruộng ở còn 1 người là Thư-ký đương giúp việc tại Toà bố..... Chúng tôi bằng lòng hiệp nhau lại mà lập một Tâm-thẻ hội đăng buôn bán tạp vật theo các lời giao ước sau đây :

Điều thứ 1. — Hội ấy lập tại lấy tên xã-viên là Giáp và Công-ty;

Điều thứ 2. — Định lập hội..... (mấy năm) kể từ ngày vì thế.

Điều thứ 3. — Tư-bồn của hội định là Phần tên Giáp đậu vô: dù, nón, giày, khăn, vải, trị giá là

Phần tên Ất đậu vô, đường, đậu, rượu tây savon, trị giá là...

Phần tên Bính đậu vô một miếng đất để cất tiệm tọa lạc tại...
đâu, số thước bao nhiêu và huê lợi một miếng đất (tọa lạc tại đâu, sào mẫu bao nhiêu phải hải ra) giá huê lợi chung niên là.....

Phần tên Đinh đậu vô số bạc là.....

Điều thứ 4. — Tên Giáp làm Thủ-bồn và giữ sổ sách, còn tên Ất lo việc mua bán.

Điều thứ 5. — Hai người đó được dùng xã-viên (Giáp và Công ty mà ký tên trong các tờ giấy giao ước mua bán với bạn hàng.

(1) Như có lợi thì lợi to, còn có lỗ thì bất quá mất phần hùn của mình mà thôi, chớ không thiệt hại chi đến sự sần riêng, vì cớ đó nên Tâm-viên hay ý mà làm việc liều mạng.

Điều thứ 6. — Nếu muốn buôn bán vật chi khác thì bốn người hội-viên phải nhóm lại mà liệu định.

Điều 7. — Các tiền tồn phí về việc mướn người giúp việc, tiền nuôi ăn, tiền dầu đèn thì phần tên Giáp trả, mỗi kỳ 3 tháng nó trình tờ giấy rành rẽ, thì hội xuất tiền hội mà trả lại.

Điều 8. — Hết cuối tháng thì hội phải suy tính tiền lời rồi lấy phân nửa mà chia cho hội-viên, nhiều ít tùy số hùn cao thấp, còn phân nửa nhập vô cho hội, đặng mua hàng-hóa thêm.

Như ruồi có lỗ, thì cũng tùy số hùn nhiều ít chia nhau mà chịu. song chẳng hề khi nào tên Bính tên Đinh chịu sự lỗ đến quá phần hùn của chúng nó.

Điều 9. — Tên Bính tên Đinh như muốn nhượng bán phần hùn của mình cho ai, thì phải có tên Giáp và tên Ất làm dấy ưng chịu mới được.

Điều thứ 10. — Nếu tên Ất và tên Giáp lấy của hội mà lập cuộc buôn bán riêng, không xin phép hội, thì phải bị phạt. đồng bạc thiệt hại cho hội. Tiền ấy sẽ lấy trong số tiền lời chung niên.

Điều thứ 11. — Nếu hội chưa mảng hạn mà tên Giáp hoặc tên Ất vung chết thì hội rả liền, tên nào còn sống phải suy tính lỗ lời mà chia nhau; còn như tên Bính hay là tên Đinh chết, thì hội cũng cứ đứng vững, tiền lời lỗ về phần người chết mỗi năm sẽ chia cho vợ con người ấy.

Điều thứ 12. — Nếu hội đã mảng hạn định, mà hội-viên chưa chịu cho rả, thì lập tờ hiệp-dồng lại mà định thêm hạn khác, mấy năm tùy ý hội-viên.

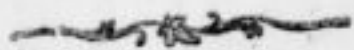
Điều thứ 13. — Việc xem sóc công việc làm của hội, thì mỗi hội-viên dặng đồng quyền nghĩa là người này được xét công việc người kia làm, người kia được xét công việc người nọ làm.

Tờ hiệp-dồng này làm ra bốn bản; tại. ngày. tháng. năm.

(Bốn người đều ký tên)

(Sau sẽ tiếp theo)

Định-Chi.



Địa lý học

(tiếp theo)

PHONG (GIÓ)

Nếu lấy hai đều ví dụ tôi đã trưng ra trong bài trước đây, tưởng ai ai cũng hiểu rằng : Gió là bởi không-khí vận-động, mà sự vận-động ấy là tại sự nóng lạnh chẳng đều.

Vả lại trên mặt trái Địa-cầu, khí-hậu các nơi bất đồng : miềng nhiệt-đái (1) gần mặt-nhật, thì nóng thái-quá ; hai miềng ôn-đái, xa mặt-nhật một thỉ, sự nóng lạnh tầm thường ; còn hai miềng hàn-đái, xa mặt nhựt quá nên phải lạnh lẽo.

Không-khí bao miềng nhiệt-đái bị nóng trở ra nhẹ, nên bay lên trên cao, rồi tỏa bay ra ngoài miềng ôn-hàn-đái ; còn không-khí bao hai miềng ôn-hàn-đái phải bay lại miềng nhiệt-đái mà thế chỗ trống. Vì có đó, nên sanh hai luồng gió : một luồng bắt từ miềng nhiệt-đái thối ra ngoài hai miềng ôn-hàn-đái (luồng gió này thối trên cao) ; còn một luồng bắt từ ôn-hàn-đái thối vô miềng nhiệt-đái (luồng gió này thối dưới thấp). Hai luồng gió ấy kêu là gió hằng (vents alizés) bởi vì nó thường thối như vậy hoài. Nếu ai có ý xem trời, tiết tháng giêng tháng hai (trong Nam-kỳ) ắt hiểu rõ hai luồng gió đó, vì ngó thấy mây bay : cụm mây nào cao, thấy bay từ hướng Đông-bắc qua Tây-nam, còn cụm mây nào thấp, thấy bay từ hướng Tây-nam qua Đông-bắc (2)

Tuy vậy mà có nhiều duyên cớ nó làm cho ngọn gió hằng đó phải giới đôi. Nguyên vì trên mặt trái địa-cầu không bằng thẳng ; chỗ đất thì cao, chỗ đất thì thấp, chỗ thì cây cỏ núi non, chỗ thì đồng không mông quạnh ; mấy chỗ cao như rừng núi

(1) Xin coi Tập-chí số 2 trương 163, nơi khoản nói về ngũ-đái.

(2) Vì có sao gió hằng ấy thối theo hướng Đông-bắc Tây-nam? Ấy cũng là một cớ chỉ rõ trái địa-cầu lạng xoay, nên ngọn gió đó mới chình ; nếu trái địa-cầu bất động, thì ngọn gió đó, lý phải thối theo hướng Bắc Nam.

có thể ngăn gió làm cho gió phải thổi tách ra nhiều hướng. Lại những vật tạo thành cái vỏ trái địa-cầu không đồng một chất với nhau, mà bề không đồng một chất thì nó nhiệm sự nóng lạnh không đồng một cách. Ví dụ đất với nước : đất thì mau nóng hơn nước mà cũng mau nguội hơn nước ; hãy coi thử, lúc trưa nắng, trên bờ mình đi biết nóng chơn mà dưới sông, nước hãy còn lạnh ngắt ; chiều lại, trên bờ đã mát mẻ rồi, mà dưới sông nước hãy còn ấm hiêm.

Trong sông rạch nhỏ nhen, sự ấm mát chẳng đủ mà làm cho không-khí vận động đến đời nổi gió sanh giông. Chớ ngoài mé biển, tiết xuân, hạ, sự vận-động không-khí lấy làm thanh, cho nên có nổi gió thường thường : lúc ban ngày, đất nóng hơn nước, nên gió ngoài biển thổi vô, ấy là gió biển (*brise de mer*) ; lúc ban đêm, nước biển lại nóng hơn đất (vì nguội chậm hơn đất) nên gió trong bờ thổi ra, ấy là gió đất (*brise de terre*).

Trong cõi Việt-Nam ta có hai ngọn gió thổi thường, gọi là gió mùa (*mousson*) : Từ tiết tháng tư đến tháng mười, thì gió thổi từ hướng Nam lên hướng Bắc (thời ngan xứ Nam-kỳ, xứ Cao-man, và xứ Lèo) ấy là gió *Nam*, từ tiết tháng mười đến tháng tư, thì gió thổi từ hướng Đông-bắc qua hướng Tây-nam (thời cùng trong cõi Đông-Dương) ấy là gió *Chướng*.

Cũng còn hai ngọn gió nữa : một là ngọn gió *Bắc* thổi xen với gió *Chướng* tiết tháng mười một, tháng chạp, thổi từ hướng Bắc xuống hướng Nam, gió này bởi thời ngan miền đầy những núi non, nên có hơi lạnh ; hai là ngọn gió *Nồm* thổi xen với gió *Nam*, thổi từ Tây-nam qua Đông-bắc.

Hai ngọn gió ấy vẫn là gió tiếm-thì, thổi trong giây lát, hoặc thổi một ít buổi sớm mai mà thôi.

Theo lời luận của ông bác-sĩ Maury (Mô-ri) trong sách Thiên-văn Địa-lý, thì hai ngọn gió mùa : gió *Nam* và gió *Chướng* nói trên đó, nguyên là gió Hằng biển cái, gốc gió ấy tại miền Tây-tạng (bên Trung-hoa) và đồng Sa-mạc (bên Châu A-phi-lợi-gia Afrique) hóa sanh.

Ngọn gió *Nam* tại đồng Sa-mạc thổi ngan Ấn-độ-dương, đem hơi nước qua rải khắp xứ Nam-kỳ, xứ Cao-man và xứ

Lào, vì vậy, nên mùa gió Nam mới có mưa, còn ngọn gió Chướng thổi trên đất liền, chẳng đi ngang qua biển nào, nên mùa gió Chướng ít có mưa.

Từ tháng năm đến tháng mười, tại vịnh Bắc-kỳ và giọc theo mé biển Đông-hải (xứ Trung-kỳ) có sanh nhiều ngọn gió lớn phi thường, trong một phút đồng hồ, nó thổi mau từ 1500 thước cho đến 2500 thước, làm cho mùa màng bị nát, nhà cửa ở giọc theo mé biển phải tang hoang, sanh-linh đồ thán; ấy là bạo phong tục kêu là bão tố. Gốc nó sanh tại Đông-hải, từ cù-lao Đài-loan trở xuống tại Ấn-độ-dương và tại Thái-tây-dương gần Trung-mỹ-châu.

Bạo phong ấy vẫn là triển-phong nghĩa là gió xây vùn. Nếu triển-phong ấy thổi nhẹ thì tục kêu là gió con trốt (*tourbillon*); nào là buội-bậm, rát-rến và các vật chi nhẹ nhàn phải bị cuốn tròn mà bay xây vùn lên, đều đó ai ai cũng ngó thấy; nếu triển-phong thổi mạnh và thổi vòng nhỏ thì nó sanh phong-đồng (*trombe*) như phong-đồng đó đi trên đất liền, thì nào là nhà cửa nào là cây cối, nào là nước trong vũng, trong ao, thậm chí đến loài cầm thú, cũng phải bị xây vùn rồi bị rút lên trên không-trung; nếu phong-đồng đó đi ngoài biển, thì nước biển cũng phải xây vùn rồi bị rút lên trời vậy. Minh thấy một lần uống khúc, dưới nhỏ, trên lớn như vòi con voi, rồi minh kêu là vòi rồng lấy nước, tục người Trung hoa cũng còn kêu là Thu-thủy-long; còn nếu triển-phong thổi thiệt mạnh và thổi vòng to, thì kêu là Cù-phong (*typhon-cyclone*).

Trong năm Giáp-thinh (1904) tháng ba, ngày 16, có một ngọn Cù-phong thổi ngoài vào xứ Nam-kỳ, từ ngoài Đông-hải thổi ngay vô tỉnh Go-cong rồi thổi thẳng lên Mytho thổi tới Cao-man làm cho mùa màng, nhà cửa tiêu điều, hơn dân tỉnh Go-cong lâm hại chẳng biết bao nhiêu. Ấy là một đều phi-thường, chớ xứ Nam-kỳ năm chẳng năm đương Cù-phong đi, cho nên ít khi bị hại về cái hiện-tượng ấy.

Những ghe tàu thường đi biển giả lấy làm sợ phong-đồng và cù-phong lắm. Thuở trước, những tàu vượt biển hay dùng súng đồng mà bắn phong-đồng, có khi bắn trúng vòi nước làm cho vòi nước phải đứt làm hai đoạn, song một giây lát rồi

nó cũng ráp lại như cũ. Từ khi chế tạo được phong-vô-biễn (baromètre) là thước đo việc gió mưa(1), người ta tiên tri được chừng nào có phong-đông, có củ-phong và biết nó sanh tại chỗ nào, rồi người ta cho tàu chạy tránh miềng trung tìm hai ngọn triều-phong đó, nên ít khi lâm hại về cái ách ấy. Duy chừng nào, quan tàu vô ý để tàu đi gần quá, rồi chạy không kịp, thì khi ấy mới bị nhận chìm mà thôi.

Ấy đó là hình thề mấy ngọn triều-phong, còn các duyên có hóa sanh nó thì mấy ông bác-sĩ hãy còn bắt nhứt; lời luận của ông nào xem ra cũng là cao kỳ, cũng là hữu lý, duy chẳng đồng một ý-kiến với nhau mà thôi. Bởi vậy, tưởng chẳng cần giải ra đây cho rộn trí khán-quan, vô ích.

VÔ (mưa)

Ai ai cũng biết trời mưa, song phần nhiều chẳng rõ nước ở đâu mà mưa đó. Có kẻ còn tin rằng: có ông rồng lấy nước rồi làm mưa.

Về việc rồng lấy nước, thì tôi đã nói trên đây rằng chẳng phải; cái vòi nước mình thấy đó tại phong-đông hóa sanh, khi phong-đông lặng hết rồi, thì từ nhiên nước bị rút lên trên không-trung, phải rớt xuống liền, chớ bay đâu chẳng dặng mà làm mưa, vì nước đó nặng hơn không-khí, lấy chi cầm ở trên không?

Giã sử, thiệt có rồng lấy nước làm mưa, thì nước mưa ặc dơ dáy lắm hoặc phải mặng chớ, vì mình thấy vòi rồng, bất luận là chỗ nào, hoặc lấy nước trong sông rạch, trong giếng ao, hoặc lấy nước ngoài biển cả, có sao nước mưa lại trong veo? Chẳng lẽ trên trời có đồ lọc nước, nên nước mưa mới được trong như thế. Nói cũng đi nữa, dầu trên trời có đồ lọc nước, vậy chớ còn đồ dơ và muối ở trong nước biển, lọc lại rồi trời cất nơi đâu? Vì làm sao mà không thấy rớt xuống?

Lấy mấy câu hỏi đó mà suy thì đủ biết rằng: Lời nói rồng lấy nước làm mưa là lời buyễn hoặc, chẳng đủ đâu mà tin.

(1) Xin đợi tôi giải đến vật-lý-học, tôi sẽ cắt nghĩa cách chế tạo và cách dùng thước ấy.

Vậy thì nước ở đâu mưa xuống đó ?

Trước hết phải biết nước có ba chất :

1. Thiệt-chất, như nước đặc, nước đá.
2. Lưu-chất, như nước lỏng, nước chảy.
3. Khí-chất, như nước hóa hơi, hơi nước.

Ba chất ấy nhờ sự nóng lạnh mà biến hóa lộn lạo với nhau. Hễ trời lạnh đến bậc hàn-thứ-biểu chỉ số linh vị (zéro : 0) thì nước phải đông đặt lại thành ra nước đá. Như trời nóng, thì nước đặt trở ra lỏng, nước lỏng hóa ra hơi, còn trời lạnh lại, thì hơi mới hóa ra nước lỏng, nước lỏng trở lại đặt. Sự nước biến hóa đổi hình đó, chậm mau là tùy sự nóng lạnh nhiều ít, cao thấp. Hãy lấy một chén nước để ngoài trời, chén nước ấy, mau thì một ngày, chậm thì đôi ba bữa, phải cạn. Lại lấy một chén nước nữa đổ vô nồi mà nấu, trong giây lát, thấy nước sôi rồi lần lần đi mất hết. Ấy đó, là nước bị nóng nên hóa ra hơi mà bay đi vậy.

Lấy một chút đó mà suy, thì đủ biết hằng ngày, trời nắng, nước trên mặt trái địa cầu đều bị sự nóng của mặt nhứt, nên chậm rãi hóa ra hơi. Xét lại, trên mặt trái địa-cầu, nước choán hết ba phần, còn đất có một ; dường ấy thì hơi nước mỗi ngày bay lên biết là bao nhiêu.

Mà hơi nước đó bay đi đâu ?

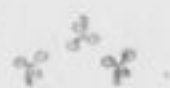
Phải biết rằng : trên mặt đất khí-hậu nóng, mà từ đó sắp lên không-trung, khí hậu lại mát mẻ, hễ lên cao chừng nào thì khí hậu trở ra lạnh lẽo chừng nấy. Việc ấy, người ta dùng hàn-thứ-biểu mà độ. Những người có trèo lên núi cao, cũng chẳng biết, vì trèo lên cao, thì thấy sự mát lạnh thêm nhiều.

Những hơi nước bị sự nóng mặt nhứt, phải hóa ra hơi, bay lên không-trung, gặp khí hậu mát mẻ nên đông lại thành ra hột nước nhỏ nhỏ, rồi bị gió thổi lùa nhóm nhau lại mới thành một đám mây. Khi nào mây ấy bay gặp một cảnh lạnh, hoặc bị một ngọn gió lạnh thổi vào, thì những hột nước nhỏ dính nhau lại thành hột nước lớn, trở ra nặng hơn không-khí, cho nên phải rớt xuống đất mà thành ra mưa.

Nếu ai có ý xem một cái nồi cơm thì đủ rõ, nhắc nồi cơm ra khỏi bếp một lát, rồi dỡ nắp vung lên, tức thì thấy trong lòng

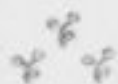
nắp vung ấy đầy những hột nước nhỏ nhỏ đóng đều. Ấy là hơi nước trong cơm bay lên, đụng nắp vung đông lạnh, nên đông lại thành hột nước đó. Cái vung nồi ấy tỷ không khác nào là bầu trời vậy.

Còn nước mưa mà được trong sạch đó, bởi gốc nó là hơi cũng như người ta dùng cách đặc rượu, nấu nước biển mà lấy nước ngọt vậy. Những cặn cát và muối trong nước là vật nặng đều ở lại, theo hơi nước không được, vì sự nóng đủ làm cho nước hóa ra hơi chưa đủ làm mấy vật kia hóa hơi cho được(1).



Trên mặt trái địa cầu trời mưa không đều, có chỗ mưa nhiều như : các xứ ở miền nhiệt đới, vì trong mấy xứ ấy trời nắng lắm, nên nước hóa ra hơi nhiều. Mấy chỗ có núi cao cũng mưa nhiều vậy, vì núi căng mây, rồi hơi nước trong mây bị hơi đá lạnh, nên phải đông lại thành mưa.

Còn có chỗ lại chẳng khi nào có mưa như : tại đồng Sa-mạc nơi châu A-phi-ri-gia. Đồng ấy lớn bằng mười một xứ Đông-Dương mà chẳng ai ở đặng vì không cây, không nước, có đầy các vụn đá mà thôi. Bởi không nước cho nên không có hơi bay lên mà làm mây mưa.



Trên không-trung cũng còn nhiều cái hiện tượng như là : mưa đá, mưa tro, các thứ mây, mống, sương tuyết, sấm sét v. v. Mấy cái đó, có dạy riêng trong sách vật-lý học. Vậy xin đợi tôi giải đến sách ấy tôi sẽ cắt nghĩa.

Trong bài kỳ sau tôi sẽ luận qua đất và nước.

Lưu-nguyệt-Trang.



(1) Theo sách hóa-học thì bất kỳ vật nào bị nóng cũng phải ra hơi hết, song khác nhau là vật hóa trước, vật hóa sau, tùy chất nó chịu lửa cao, lửa thấp.

Đại-pháp Văn-minh lược biên

(tiếp theo)

Từ năm 987 cho đến năm 1108, các vị vua kế thừa mà trị nước Langsa là ông Hugues Copet, Robert le Pieux, Henri 1^{er}, và ông Philippe 1^{er}. Các vị vua ấy chẳng có làm một điều chi vinh diệu, lại không đủ quyền lực mà trị quần thần, cho nên có nhiều vị công thần tự chuyên đem binh ra khỏi nước mà chinh phục thiên hạ, làm cho nổi danh tiếng dân Langsa: như ông Robert Guiscard đem binh đánh nước Y-dại-lợi, lấy được củ lao Xi-xin (Sicules) rồi tức vị làm vua tại đó; ông hoàng Henri de Bourgogne đem binh dẹp quân Á-rập (Arabes) tại Tây-bang-nha (Espagne) rồi được phong vương xứ Bồ-đào-nha (Portugal) sau con cháu kế thừa làm vua xứ ấy tới ngày nay; ông Guillaume le Conquérant vẫn là quận-công tại tỉnh Normandie nghe vua Hồng-mao là ông Edouard le Confesseur chết không con kế vị, bèn nhận mình là người có quyền nối ngôi, nên đem binh qua đánh một trận với dân Hồng-mao, được toàn thắng, rồi đó, phân chia nước Hồng-mao cho các vị công thần theo giúp mình, mỗi người mỗi quận mà cai trị.

Gần cuối thập nhứt thế-kỷ, phe giáo đạo Gia-tô đem binh đi Chinh đông tại xứ Ba-lết-tinh (Palestine). Xứ Ba-lết-tinh này gọi là Thánh-địa (Terre-Sainte) bởi vì Chúa Gia-tô sanh trưởng tại đó, lại chết cũng tại đó.

Nguyên vì xứ ấy thuộc về dân ở A-châu (dân Á-rập) là dân theo đạo Hồi-hồi (Mahométisme) nên ghét đạo Gia-tô lắm.

Những người thuộc đạo Gia-tô mà đi hành hương nơi Thánh-địa đều bị dân thuộc đạo Hồi-hồi hoành hành hiếp đáp không cho nói cho cùng.

Trong năm 1095, có một người đi hành hương tên là Pierre l'Ermite, thoát khỏi trở về xứ đặng, rồi đem các sự dân theo đạo Gia-tô bị dân theo đạo Hồi-hồi hiếp đáp mà tấu cùng Giáo-hoàng. Khi ấy Giáo-hoàng là ông Urbain II, nghe những lời ấy lấy làm bất bình, bèn hạ lệnh hội các Chủ giáo và chư tướng-sĩ lại rồi khuyến cáo dấy binh đi giải cứu Thánh-địa. Hết thấy

đều rập nhau mà hô lên một tiếng rằng : « *Chúa muôn vậy* » tức thì mỗi người vát mỗi cây thánh-giá (hình chữ thập) kết bằng vải rũ nhau tu chỉnh đao thương đặng đi chinh phạt dân thuật đạo Hồi-hồi. Giặc ấy gọi là thập-tự chiến (croisade) còn binh lính đánh giặc đó gọi là thập-tự-quân (croisés).

Mà từ nước Langsa, nước Ý-đại-lợi qua cho đến Thánh-địa, đường đi đã xa (hơn hai triệu thước) mà lại lấy làm hiểm trở lắm, phải trèo non, lặn suối, vượt biển, qua đèo, cho nên muôn ngàn binh mà phải chết dọc đường, đi chưa tới chiến-địa.

Có một đạo binh, chúa tướng là ông Godefroy de Bouillon, giày sành đạp sỏi rặng kéo tới gần thành Jérusalem là ngày 7 Juin 1095 mà hạ trại. Khi quân lính dòm thấy thành ấy rồi (là chỗ phần mộ của Chúa Gia-tô) thấy đồng một lòng mừng rỡ, quên hết các sự cực nhọc đói khát trong lúc đi đường. Rồi đó, kéo binh vây thành, vây như vậy đến 37 ngày phá thành mới được. Khi vào thành rồi còn phải đánh với quân giữ thành. Trong sự nói đánh trận đó huyết lưu mãng địa, máu nổi cho đến chơn đi tới mắt-cá, binh tử trận hơn mười ngàn. Khi giặc yên rồi binh thắng trận tằm đến mã của Chúa Gia-tô đều qui gối chung quanh làm lễ viếng.

Tôi mà nói tường tế trận giặc thập-tự này, là có ý chỉ cho quốc dân ta biết lòng người mộ đạo là dường nào ! binh việc đạo là dường nào !

Như tôi đã tả trên đây, Thánh-địa thuộc về đất của dân A-rập là dân theo đạo Hồi-hồi. Tuy dân ấy thất trận đầu, chớ chẳng hề mỗi chí vì đức tin của chúng nó về đạo Hồi-hồi cũng mạnh mẽ vậy. Khi chúng nó chỉnh tu binh mã lại rồi, chúng nó kéo binh đến Thánh-địa mà đánh với thập-tự quân một lần thứ nhì trong năm 1147, một lần thứ ba trong năm 1189, một lần thứ tư tại thành Constantinople trong năm 1204, một lần thứ năm tại xứ Ai-cập (Egypte) trong năm 1217 và một lần thứ sáu tại Thánh-địa trong năm 1228.

Sau rồi lại, binh thập-tự, vì đường xa xuôi, vì đánh giặc lâu năm, nên mệt mỏi, bèn rút về lần lần, làm cho mấy châu, mấy quận binh ấy có công sáng tạo tại Thánh-địa từ năm 1095, phải thuộc về tay dân A-rập hết.

Trong mấy mươi năm binh thập-tự Chinh-dông thì Giáo-hoàng ở nhà lo tu cải việc giáo đạo lại.

Lúc trước mấy chức Chũ-giáo (évêque), chức Viện-trưởng (abbé) từng quyền Vương-đế. Đến khi ông Grégoire VII tức vị Giáo-hoàng thì ngài bèn hạ lệnh phế tuyệt (excommunier) bất luận quan vua nào ý quyền phong chức Chũ-giáo hay là quan trước chỉ cho người thuộc về trong Thánh-giáo. Hoàng-đế Đức-quốc nghe lệnh ấy bất bình, nên mới sanh một mối giặc to, nước Đức đánh với nước Y-dại-lợi (là chỗ Giáo-hoàng ngự) Đánh nhau gần 40 năm mới giao hòa. Cũng trong lúc ấy Giáo-hoàng Grégoire VII truyền giáo thủ-trịch nghĩa là cấm những người tu, cưới vợ, lấy chồng. Từ đó về sau quyền hành của Giáo-hoàng càng ngày càng mạnh, dân chúng thấy phục tùng, cho nên lúc ấy có nhiều vị đế vương, nhiều vị hoàng thân quốc thích, si nghịch ý cùng Giáo-hoàng, hoặc tin đều dị đoan, phải bị phế cùng là bị giải nhiệm (cách chức).

Nói nhất lại, việc thập-tự quân đi Chinh-dông, tuy chẳngặng toàn thắng mặc dầu, song được nhiều đều lợi ích nhứt là được mở mang trí thức.

Nguyên vì thuở đó, dân Langsa và dân Y-dại-lợi văn minh còn thua sút dân Hy-lạp và dân A-rập, cho nên lúc đi chinh phạt dân A-rập có học được thêm những là : toán pháp (1) vật lý học, hóa học, y học, lại có đem về xứ các thứ giống hoa quả như là : lúa, mía, bông vải, dân mới tầm, đậu, dưa, cà, ngò v.v.

Việc buôn bán trong Địa-trung-hải biểh bi (chẳng thành) từ lúc dân Ro-manh mất nước, mà nhờ có đám giặc thập-tự đó nên thành vượng lại hơn xưa.

Còn dân Langsa cũng nhờ đám giặc ấy. Mà trở tài, nên các dân khác mới phục sức liệt cường. Nhờ ở chung chạ với nhau trong lúc chinh chiến, cho nên dân khác mới biết tiếng nói của dân Langsa là hay và rành rẽ hơn hết, sau mới được phổ thông cùng trong vạn quốc.

(Sau sẽ tiếp theo)

Thi-Cồ Am

(1) Chũ chữ số : 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 0. Nguyên là chữ A-rập chớ chữ chũ số của Langsa viết như vậy : I, II, III, IV, V, VI, VII, VIII IX, X. Chũ chữ giờ trong đồng hồ đó.

ĐÔNG TÂY THỜI VỤ

Âu-chiến lược sử

Ngày 10 Aoút, binh Langsa thất thủ Mu-lu-xờ rồi, kéo về đóng đồn liên tiếp với các đạo binh thủ tại Lo-ranh. Từ đó đến sau, khi thắng khi bại, lui tới biết mấy lần. Mà trong lúc tại đây ấu chiến đêm ngày, mà mấy đạo nghĩa-binh, của nước Tỹ-lợi-thĩ đem hết sức anh hùng mà ngăn trở đạo binh A-lơ-măn. Khi thất thủ tại Liège rồi thì Thống-soái toán binh có và lo liệu hai đều như sau này: Hoặc dắc hết binh mã chở lương thảo, khi giải về thành Malinở rồi đó vào đồn Au-hoe, hoặc phải xáp chiến hoài với A-lơ-măn trong vài bữa, dặng A-lơ-măn chậm bước, cho binh Langsa và Hồng-mao có ngày giờ mà trợ chiến, nhứt là phải chống cự tại ba thành O-et-sốt, Tiệt-lơ-mông và Lu-hoanh. Đức Hoàng-đế Anh-Bê đã hứa cùng các nước Liêng-hiệp rằng binh Tỹ-lợi-thĩ vì nghĩa mà ra binh, cái trách nhậm ấy rất khó cho nước Tỹ-lợi-thĩ, song Hoàng-đế Anh-Bê đã hứa lời rồi, thì dầu sao cũng phải thi thố cho hoàn-toàn cái trách nhậm ấy ! Bởi ấy nên ngài cũng nghiệm cứu hai đều cả trọng mới nói trên đó, rồi ngài nhứt định đem binh đến ba thành nói trên đó mà đón ngăn binh nghịch.

Nói đến đây, thì ai cũng cảm phục lòng Đức Hoàng-đế Anh-Bê và binh lính của ngài, vì binh mình mà sánh với binh A-lơ-măn thì một mười một năm, song là đều cần nhứt, nên phải dắc hết con nhà ra liều mình mà cản lộ cho binh nghịch chậm bước. Binh mình đánh vui cùng quân nghịch. trong bốn ngày, ngày đêm chẳng ngừng. Một gáo nước tắc sao cho dặng lửa muôn xe, nên binh Tỹ-lợi-thĩ phải thất, đường đi thẳng vào kinh đô Bờ-rút-xên (Tỹ-lợi-thĩ) từ đây không người đối thủ, vì binh mình phải rút đem về thủ thành Au-hoe. Hoàng

hậu, Hoàng-tử, Công-nữ, các quan Thượng-thor còn ở tại thành Bờ-rút-xên cho đến ngày 17 Aoút.

Kho và giấy tờ của nhà-nước đều chõ đến thành An-hoe.

Trong bữa 19 Aoút, ngày đêm dân sự lo tom góp của cải chũt dính rồi tay điều dắc vợ con, vai mang gói kiếm đường tị nạn, người có xe thì chõ xe, kẻ nghèo thì cùng nhau đạp đường bộ, khỏe thì chạy, mệt thì lết, cho mau ra khỏi chốn hiểm nghèo, vì nhơn dân đều thấy gương độc ác của quân nghịch đã đến đâu đều giết người vô tội, dâm phụ nữ, chẳng kể đạo làm người là đi gì.

Ông Max là quan Đốc-lý thuyết ra một bài như vậy :

Các Đồng-bào,

Bình nước ta hết sức cự chống với binh nghịch và lại có binh Liễng-hiệp tiếp chiến, nhưng cũng sợ chẳng khỏi binh nghịch sẽ thông nhập vào kinh-đô.

Nếu quả như lời, thì tôi xin nhơn-dân phải an cư và cho có gan dạ trong lúc nước nhà nguy biến, xin nhơn dân đừng kinh tâm.

Chức-việc ai nấy cũng đều ở tại chỗ mà lo phận sự và thi hành các lẽ luật trong lúc loạn như lúc thường chẳng hề sai chạy.

Tôi chẳng cần nhắc lòng trung nghĩa của nhơn dân với nước nhà.

Theo chiến-luật thì kẻ nghịch chẳng phép hỏi dân sự trong nước đều gì về việc chinh chiến. Nhơn dân đừng ai chịu ra mà dắc quân nghịch đăng chỉ đường, và phải coi chừng những quân trinh thám hay dòm hành và hạch hỏi những việc mật nhiệm của cơ binh. Như quân nghịch có làm đều chi ngan bỏ phép luật, như là giựt đồ, hiếp người cô quã, cấm ngăn tế lễ thờ phượng theo ý riêng của mỗi người, thì nhơn dân hãy cho tôi hay lập tức. Tôi má còn sống, còn hơi thở một phút đồng hồ, thì tôi nguyện liều thân kêu nài công-lý cho nhơn dân.

Các anh em,

Hãy nghe cái lời tôi rao báo, và tin cậy tôi cho nhiều vì tôi nguyện bình vực anh em cho đến cùng.

Tỷ-lợi-thĩ vạn tuê.

Bữa sau, 11 giờ, có một quan-võ, đi với một tốp lính, cầm bạch kỳ, đến cửa thành Louvain. Quan Đốc-lý lên xe đi đến nơi, ra mắt tướng quân A-lơ-măn (Siætus von Arnime) và xin cho nhơn dân trong thành đặng thông thả theo chiến-luật, thì Tề-tướng A-lơ-măn gạt ngan và hỏi có thuận giao thành Bờ-rút-xên chăng. Quan Đốc-lý liền giao.

Xong công việc rồi, Tề tướng A-lơ-măn đưa tay ra cho quan Đốc-lý nắm. Quan Đốc-lý không khứng chịu : « Tôi làm Đốc-lý một thành không có kiên thủ, không lẽ tôi làm như vậy. » Quan Tề-tướng A-lơ-măn trả lời rằng : « Nếu tôi như ông, trong lúc này, thì tôi cũng làm như vậy. »

Ngày 20 Août, lối 2 giờ thì binh A-lơ-măn nhập thành; lính mã-kị vào trước, có nhạc theo sau, rồi sau thì lực quân kẻ đó pháo-thủ kéo hơn 100 cỗ xe hơi có chở đại-bác, mỗi chặng đều có nhạc thổi. Tới năm giờ chiều, mã binh vào thành chưa hết. Trong thành thì từ đó về sau, những quán rượu, cơm thì còn bán như thường, còn các hàng buôn đều đóng cửa hết.

Ngày sau, hai quan võ A-lơ-măn chức lớn hơn hết đến dinh Quan Đốc-lý, lựa hai phòng tốt hơn hết đặng choán mà làm phòng ngủ. Có một tướng-quân A-lơ-măn vào phòng văn của quan Đốc-lý cũng muốn choán. Quan Đốc-lý liền đứng dậy mà phân rằng : « Không phép, chỗ này là chỗ tôi ngủ. »

Quan ấy làm thỉnh bố đi chỗ khác.

Cách hai ngày, Nguyên-nhung cai quản các đạo binh nhập thành Bờ-rút-xên đến viếng quan Đốc-lý Max, đặng nghị luận về vụ thuế khóa trong thành; Nguyên-nhung ấy ra vào coi oai nghi, lại rút cây súng lục liên má đề trên bàn quan Đốc-lý, có ý nhác quan Đốc-lý, nhưng mà ngài cũng như thường, chẳng mấy chốc sợ sệt, lại rút cây viết gắn trong túi ngài, đề dựa bên cây súng lục liên của Nguyên-nhung A-lơ-măn, ngài có ý cho chúng nó biết rằng ngài có sợ cái mũi súng mà chúng nó phồng hăm dọa.

Từ ngày ấy thì A-lơ-măn sắp đặt mọi việc theo ý riêng nó tại thành Bờ-rút-xên, có sẵn sẵn con dấu : « Chánh-phủ A-lơ-măn tại Bờ-rút-xên. »

Qnan binh A-lơ-măn ra lệnh đòi các món kể ra sau này, trong 4 ngày phải nạp cho đủ :

246.000	Kilos	bánh mì.
150.000	«	bột.
227.000	«	thịt.
102.000	«	gạo.
1000.	«	khoai.
13.800	«	trà phe.
36 000	«	đường.
15.500	«	muối.
1.224 000	«	cỏ nuôi ngựa.
7.500	«	ca cao.
1.620	«	trà.
90.000	«	rượu.

Đồ ăn uống mà đòi đến số đó, thì trái phép phạm vào khoản 52 tờ hiệp-ước tại thành La-Haye cấm không cho đòi đồ quá số cần dùng đạo binh ngụ tại đó.

Các số chúng nó đòi đó thì để chia cho các đạo binh khác nữa. Mà nói chi cho đông dài các khoản phạm phép của A-lơ-măn. Tờ hiệp-ước đã nói trên đó, thì sứ A-lơ-măn thay mặt cho Hoàng đế A-lơ-măn, có ký tên mà chúng nó coi như dễ rách, còn kể chi là nhơn là đạo.

Nếu chẳng có các sứ Huê-kỳ và Y-pha-nho ở tại Bờ-rút-xên, thì ngày nay không biết dân Bờ-rút-xên ra thế nào, bởi vì phải góp hết gạo muối và các món kể trên đó của nhơn dân trong thành mà dâng cho chúng nó, thì nhơn dân trong cả thành gần chết đói. May nhờ các ông sứ nói trên đó, lo mua đồ của các nơi xa, đem về phân phát cho dân, nên dân Bờ-rút-xên mới khỏi nạn. — *Thiệt ác độc.*

(Sau sẽ tiếp theo).

Thường-Tiên.



Ngôn lộ hoằng khai

Mới hay rằng hôm ngày 29 Mars 1918 quan Toàn-Quyền có cho phép ông Héloury là Chủ-nhơn Công-luận-báo xuất bản một tờ báo chữ Cao-nam tại Nam-vang.

Tờ báo mới này đặt hiệu là « La Gazette Khmère » (Cao-man Tân-văn).

Bốn chí hết lòng mừng cho người Cao-man từ này có thể tỏ bày lý tưởng, hoán tính dân tâm, đồng hiệp cùng người Việt-Nam mà chen bước vào đường tấn-hoá.

Bốn chí thêm ước sao những đứng thức-giã ngoài Trung-Kỳ cũng xin phép lập một vài tờ báo quốc âm đồng quần khai dân trí cho mau, hầu làm cho cõi Á-Pháp-Lang này trở nên một nước khôn ngoan mạnh mẽ cho xứng đáng với công khai hoá của thầy Đại-Pháp

B. V. T. G.

Lưỡng quốc tuơng thân

Có giấy thép Havas ngày 8 Mai 1918 báo tin rằng Đại-Nam Hoàng-Đế được Chánh-phủ Đại-Pháp thăng thưởng nhi đẳng Bửu-tinh (Grand Officier de la Légion d'honneur).

Chánh-phủ Đại-Pháp làm như thế ấy là cảm tạ tình thân thiết của Đức-Hoàng-Thượng và lòng trung thành của dân Annam với Đại-Pháp Cộng-Hoà trong lúc chiến tranh này.

Một việc đáng mừng

Trong lúc tháng ba tháng tư năm nay, phát phương mẫn tin rằng Quan Toàn-quyền Albert Sarraut sẽ trở về Đại-Pháp đồng công-lồng nghị sự cùng Chánh-phủ. Nhơn-dân trong Đông-dương đều chắc lười than thán, buồn vì năm chèo áo ngai vừa bước

mới được phân nửa đường tỏ rạng, mà đã có tin chia phui, thì có cái buồn nào hơn là buồn đó nữa.

Quốc-dân ta đang xúm xít nhau mà buồn thăm sột xem diễn tin của Quan Thuộc-địa bộ Thượng-thor tư qua cho Quan Toàn-Quyền mà cho ngài hay rằng Chánh-phủ hết lòng tin cậy ngài và định giao cho ngài cái trách nhiệm cao trọng là thay mặt cho nhà nước Đại-Pháp trong cõi Đông-Dương một ít lâu nữa. Vậy cái buồn lúc này, sánh với cái mừng lúc này thì

« Mừng nào cho quá mừng này nữa thôi ».

Bây giờ chúng ta hãy ngược mặt lên mà cầu xin cho ngài trấn nhậm cõi Đông-Dương cho bền vững lâu dài, cho đến ngày tác thành dựng cuộc Đông-Dương thống nhứt, chừng ấy chúng ta hãy nắm tay nhau mà tung hô rằng : « Quốc dân hữu hạnh ».

D.V.T.G.

Đặng thưởng Médaille militaire

Chiếu theo lời nghị ngày 25 Janvier 1918 của Quan Thừa-tướng Đại-Pháp quốc, Binh-Bộ Thượng-thor, những quan lính kê ra sau đây đặng thăng thưởng « Médaille militaire », kể từ ngày 29 décembre 1917 :

Lục quân.

Ông Nguyễn-văn-Y, Adjudant au 11^e bataillon de tirailleurs indochinois.

- Bùi-v-Đat, Adjudant au 9^e bataillon.
- Đoàn-v-Tuân, Adjudant 1^{re} Cie, 7^e bataillon.
- Trần-v-Huê, Adjudant 1^{re} Cie de tirailleurs indochinois.
- Trịnh-v-Điền, Adjudant à la 2^e Compagnie, 12 bataillon.

Bốn Quán rất vui mừng cho mấy vị đặng ban thưởng công lao cách xứng đáng.

D.V.T.G.

Phi công Garros và Marchal

Hai vị phi-công này đều bị quân nghịch giam cầm hơn một năm trong ngục thành Ma-dơ-bua (Đức-quốc).

Hai vị kiếm thể thoát khỏi ngục, ngày 4 Mars, về đến thành Paris.

Cách bốn ngày sau, Chánh phủ muốn tỏ lòng khen ngợi và ban thưởng công nặng dày của hai vị phi-công ấy, nên ban cho ông Garros Tứ đẳng Bửu-tinh và cho ông Marchal Ngũ đẳng Bửu-tinh.

Ngày 9 Mars, hội phi-công Huê-kỳ, ban thưởng cho ông Garros một khê bài gọi là « *Médaille militaire de l'Aéro-Club d'Amérique* » tặng tỏ lòng cảm tạ Ngài có trí bày một cách xạ súng liên tỉnh ngang qua chun vệt đang chạy.

Những vị phi-công khác hội lại mà xin phải mời ông thân của ông Garros và bà thân của ông Marchal đến ngồi gần ông Dubost, là Hội-trưởng Thượng nghị viện mà nghe lời ban-khen và kính trọng tài hay và công lớn của hai vị Phi-công, là gương can đảm của con nhà Đại-Pháp.



Cung hạ

Sadec Khuyến-học hội,
Vinhlong Khuyến-học hội,
Longxuyên Nông-nghiệp tương-tế hội,
Nam-Kỳ Thương-mãi, Kỹ-nghệ hội,
cáo thành

Quan Toàn-Quyền Albert Sarraut tái nhậm Đông-Dương vừa mới một năm mà cái nhơn-chánh của ngài đã có mọi kết quả. Năm mậu-ngũ vừa sang thì sự tấn-hóa của đồng-bang liền phát hiện. Kia, trong tỉnh Vinhlong và Sadec thì những thân-hào văn-sĩ nhóm nhau mà lập trong mỗi tỉnh một hội Khuyến học.

Nọ, ở chốn Kinh-thành thì bạn công thương xúm lại mà lập một hội Đồng-nghiep Tương-tế. Tại Longxuyên những nông-gia lại cũng chùng trí mà tác thành một cuộc Nông-nghiep Tương-tế nữa.

Bấy nhiêu đó cũng đủ thấy sĩ, nông, công, thương trong xứ ta nay đã vầy vùn muốn kết giải liên-đoàn, muốn nhen đuốc văn-minh, đặng nương nhau mà đứng vững trong buổi cạnh-tranh thời dợi.

Bồn chí kính dâng cho mỗi hội mới lập thành đây một chén rượu mà chào mừng nhau và hẹn cùng nhau một lòng công ích.

Bồn chí cũng thừa diệp này mà tỏ lời ao ước cho trong Nam-Kỳ mỗi tỉnh đều có đủ một hội Khuyến-học và một hội Nông-nghiep Tương-tế, đường ấy dân trí mới mau mở mang, dân tài mới được thanh vượng.

Đ.T.V.C.

Lễ Nam-giao

Mùa xuân năm nào, cũng có lễ Giao, song cứ ba năm mới hành đại-lễ một lần. Nghĩa là các năm lễ thường, thì các quan đi tế thay vua, đến khi hành đại-lễ thì mới ngự tế ; nghi vệ rất là tôn nghiêm.

Năm nay có Nam-giao đại-lễ, bồn quán cũ người vào Kinh ghi chép mà lược thuật ra đây :

Đàn Nam-giao ở phía tây-nam Hoàng-thành. Từ cửa Ngọ môn ra đàn Nam-giao, đường đi độ hơn hai nghìn thước tây. Ở bên đàn có « Trai-cung ». Trước khi tế Giao một ngày, thì vua ngự ra cung ấy, đến đêm hôm sau hành lễ.

Một con đường vừa dài vừa thẳng, từ « Bến-ngự » đến đền Nam giao, hai bên trồng thông cả, chung quanh đàn cũng vậy, khi có gió, lá thông reo như tiếng Đàn, người ta có thể tưởng đây là chỗ « u-thúy », mà bách-linh vẫn qua lại thường thường.

Các làng ở Hương-thúy, Hương-trà, cứ mỗi làng lo làm một rạp bái vọng ở hai bên đường, cách một khoản thì ở giữa đường

có cái cửa kết bằng hoa bằng lá, để ngự giá đi qua, đứng đằng xa mà trông thấy cờ, quạt, tàn, tán, đổ rực góc trời, nhất là ban tối thì đèn thấp suốt cả, hình như sa ở trong đám rừng thông vậy.

Các xả thì đua nhau mà trần thiết nhà bá-vọng cho đẹp, bởi vì Ngự truyền xả nào làm đẹp thì có thưởng.

Ngày tế Nam-giao thì chọn hơn một tháng trước, chọn được ngày rồi, trong Triều cất một ông quan làm lễ cáo Trời đất, và cáo Thái-miếu.

Trước hai ngày tế Giao thì các quan ai đi tế phải đến Đàn tập nghi cả.

Quan bộ Lễ đem *đổng-nhân* vào nội điện, người đồng ấy là người bằng đồng, khắc hai chữ *trai-giới*; ấy là theo lệ cổ. Trước khi tế giao thì vua trai-giới ở trong Nội, rồi mới ra trai-cung.

Đến khi ngai ngự ra, độ tám giờ sáng, nghe chín tiếng sủng đại-bác, thì xa gần ai ai cũng nô nức cả, bởi vì nghe tiếng sủng hiệu thì biết ngự giá sắp ra.

Tiếng loa, tiếng chiêng, tiếng trống da, tiếng trống đồng, nghe từ đằng xa, gần gần đến đàn Nam-giao, những người xem ở hai bên đường, đều đứng lặng im, thực là nghiêm-túc. Mỗi một rạp bá-vọng, thì có ba bốn ông lão, bạc đầu bạc râu, mặc áo thụng xanh, đợi ngự-giá đi qua, thì lạy.

Ngự-giá đi thành ba đạo : *Đạo trước* có năm con voi, một con kéo *thái-bình xa*, có cờ ngũ-hành, cờ bắc-dầu.

Đạo giữa, Ngự-giá và Hoàng-tôn, Hoàng-thân và các quan văn võ. Trước xe *ngọc-lộ* thì có cờ nhị thập bát tú, các đồ quốc-bửu, các đồ lễ vật, mỗi thứ để trên hương-án đều che tàn vàng cả, nào là « Hoàng-ốc », nào là « Tả-đạo » nào là « Kim-ngọc tiết » nào là « Cửu-long khúc bính » những nghi vệ thiên-tử, không kể hết được. — Ngai ngự ở trong xe *ngọc-lộ*, bốn bề có mặt kính cả, có đội nhạc « Bắc dật » đi trước. Đội ấy kén toàn thanh đồng mười tuổi trở lại, tập múa tập hát, có mũ áo riêng.

Đạo sau thì quân quan đi hầu. Ngai ngự gần đến cửa Đàn thì có lính tây thời kèn và bồng sủng chào.

Khi Ngải ngự đến Đàn thì đi đường bên tay phải vào « Trai cung ». Ở trong cung đã có « lưỡng cung » là Hoàng-thái-hậu, Hoàng-thái-phi ngự ra trước, đợi ngự-giá ở đấy rồi.

Đến ba giờ đêm, nghĩa là gần canh năm, ngải ngự ra Đàn nam-giao.

Đàn có ba tầng. Các tầng ở ngoài thí vuông, tầng giữa thí tròn. Tầng tròn lợp bằng vải xanh cả, nghĩa theo sắc trời.

Vòng ngoài. — Phía đông-bắc có hai cái nhà. Một cái gọi là « Thần-trù », (nghĩa là làm cồ ở đây rồi đem tế); một nhà gọi là « Thần-khố » (nghĩa là để đồ tế vật ở đây rồi mang ra tế). Phía nam là lối lên trên đàn tròn. Ở đằng trước có bảy cái chuông khánh và cả nhạc khí, cầm sắt tiêu quản, vân vân. Ở giữa có nhà lợp bằng vải vàng, chỗ ấy để ngải Ngự đi qua mà nghỉ ở đấy, hai bên che bằng tầng vàng với tầng xanh. Ở bên đông có cái lò xây và xếp củi thông tức là để đến lúc tế thui trâu mà tế trời.

Đàn giữa : Tầng tròn. — Bên tả thờ trời, dùng màu xanh (ngọc xanh, lụa xanh và các đồ tế đều màu xanh cả). Bên hữu thờ đất, dùng màu vàng (ngọc vàng, lụa vàng, các đồ tế đều màu vàng cả). Theo hàng bên tả về đằng thờ trời, trong có bàn thờ trời, ngoài có : 1° thờ đức Thái-tổ Gia-dủ ; 2° thờ đức Thánh-tổ ; 3° thờ đức Dực-tôn.

Theo hàng bên hữu về đằng thờ đất ; trong có bàn thờ đất, ngoài có : 1° thờ đức Thế-tổ ; 2° thờ đức Hiến-tổ.

Tầng vuông. — Bên tả về đằng thờ trời : 1° thờ mặt trời (Thái-minh chi thần) dùng màu đỏ ; 2° thờ các vị tinh tú (Chư thiên tinh tú chi thần, dùng màu xanh ; 3° thờ thần mưa gió (Vân vũ phong lôi chi thần), dùng màu xanh ; 4° thờ thần năm tháng (Thái-tuế nguyệt tượng chi thần), dùng màu xanh. Bên hữu về đằng thờ đất : 1° thờ mặt trăng (Dạ minh chi thần) dùng màu trắng ; 2° thờ thần núi bể (Sơn hải giang trạch chi thần), dùng màu vàng ; 3° thờ thần gò đồng (Kỷ lãng phần diển chi thần), dùng màu vàng.

Khi Ngải ngự ra, thì chuôn ở *trai-cung* đánh luôn cho đến khi ngự tới Đàn mới thôi.

Khi Ngải ngự ra đến Đàn thì có quan cung đạo dẫn vào nhà vàng đề nghỉ rồi thay mũ áo (cổn miện) đề ra tế.

Lễ nghi tế giao nhiều quá, không kể hết được, nay bản-quán xin kể thứ tự qua như sau đây :

1. *Phân xài*, ở phía đông trong đàn có một đồng cũi thông, xếp sẵn đã nói ở trên này, ở trong đồng cũi đề một con trâu con, đã cắt huyết làm lông rồi, trước khi tế thì đem đốt đồng cũi và thui trâu con ấy, đốt xong rồi lấy một ít lông và ít máu trâu con đem chôn ở góc tây-bắc trong Đàn.

2. *Thượng-hương*, nghĩa là vua thân hành đốt hương đề tế.

3. *Nghênh thần tâu an thành chi chương*, nghĩa là tâu khúc an-thành đề đón thần.

4. *Hiên ngọc bạch, tâu triệu-thành chi chương*, nghĩa là dâng lụa và ngọc lễ tế, thì tâu khúc « Triệu-thành ». Chữ « Triệu » nghĩa là bắt đầu mới mở.

5. *Tiên trở tâu tiên thành chi chương*, nghĩa là dâng những cỗ bàn bánh trái, hoa quả lễ tế, thì tâu khúc « tiên thành ».

6. *Sơ hiên, tâu mỹ thành chi chương*, nghĩa là tế tuần rượu thứ nhất thì tâu khúc « mỹ-thành ».

7. *Tuyên chúc*, nghĩa là tế xong tuần rượu thứ nhất thì đọc « Chúc ».

8. *Phân hiên, tâu thụy thành chi chương*, nghĩa là các quan thay vua mà đi tế các bách thần thì tâu khúc nhạc thụy thành.

9. *A hiên, tâu thụy thành chi chương*, nghĩa là tuần rượu thứ hai cũng tâu khúc « Thụy thành ».

10. *Chung hiên, tâu vĩnh thành chi chương*, nghĩa là tuần rượu thứ ba thì tâu khúc ấy.

11. *Am phúc thụy tộ*, nghĩa là khi tế rồi thì lấy hai cái Tôn-tước, một cái đựng rượu, một cái đề thịt đem dâng vua.

12. *Triệt soạn tâu doãn thành chi chương*, nghĩa là khi tế gần xong thì tấu nhạc doãn thành.

13. *Tông thần, tâu hy thành chi chương*, nghĩa là tiến thần thì tâu khúc này.

14. *Phân ngọc bạch, tâu hựu thành chi chương*, nghĩa là khi đem đốt ngọc bạch và các tế vật thì tấu khúc ấy.

15. *Lễ tât, tâu khánh thành chi chương*, nghĩa là khi tế xong, vua ngự về thì tấu khúc nhạc ấy.

Đốt ngọc bạch và các đồ tế vật, không phải là đem đốt hết cả — Ngọc bạch thì đốt một ít, còn thì chia phân cho các quan — Nói tóm lại, tế trời rất là cung kính, song ngày xưa đặt ra lễ giao, chủ ý không ở phần-văn. Sách có câu : « Phần sãi tế thiên » nghĩa là đốt cũi tế trời, tế trời cốt ở bụng thành, trời đáng kính thật, song không biết tế bằng cái gì cho xứng đáng, bởi vậy đem đốt đồng cũi thui con trâu, để tỏ bụng thành mà thôi : thui trâu xong rồi thì lấy một ít lông ít máu con trâu ấy đem chôn, tức là lễ đề tế đất. Bởi các thâm ý ấy cho nên những đồ tế đều dùng đồ mộc-mạc Cổ nhân đặt lễ, nay ta không thể tìm được cổ nhân mà hỏi lại nguyên ý làm sao ; song lấy ý người sau suy xét, cũng có nhiều điều hay : Trời che đất chở, người ta ở đời đời trời đất có bước ra khỏi ngoài vòng trời đất được không ? Người ta ở một mình làm điều gì, dù hay, dù dở, hỏi trời trời chẳng nói, hỏi đất đất chẳng thưa, song cổ nhân có nói rằng : « Thiên tri địa tri là ý làm sao ? » Ý là muốn khuyên người nên thường thường như có trời đất thật để dù khi có làm sự gì xằng, cũng không dám làm — Suy một lễ ấy ra, thì tế trời không những quan hệ về tôn-giáo mà lại quan hệ đến luân-lý nữa.

Huống chi lễ Nam-giao là lễ cổ. Hãy hỏi những cái gì cổ, đến bây giờ có còn hay không ? Nước ta là một nước, dầu rằng thế đại biến thiên, nhân tâm bất cố, mà cổ lễ vẫn còn giữ được đến bây giờ, thế chẳng là hay lắm ru !

PHỤ LỤC

Nhân việc lễ Nam-giao, tưởng nên phụ thêm đoạn sau đây, để các ngài duyệt báo tham khảo cho được thêm tình tường.

Đàn lập ở làng An-cự, phía nam ngoài kinh-thành. Hướng nam, sáng lập về năm Gia-long thứ năm. Đàn chia làm 3 khoản, xây đá và gạch.

Khoản thứ nhất, chính giữa một án hợp tên Giời, Đất.

Phía tả án thứ nhất, phụng Thái-tổ Gia-dụ hoàng-đế phối tự.

Phía hữu án nhất, phụng Thế-tổ Cao-hoàng-đế phối tự.

Phía tả án thứ nhì, phụng Thánh-tổ Nhân-hoàng-đế phối tự.

Phía hữu án thứ nhì, phụng Hiến-tổ Chương-hoàng-đế phối tự.

Phía tả án thứ ba, phụng Dực-tôn Anh-hoàng-đế phối tự.

Đền đắp tròn, lòng rộng 9 thước 6 thước, cao 7 thước, mặt xây gạch, dày 2 thước 2 tấc. Ở giữa xây 28 tầng cột, để căng giải màn xanh. Bốn mặt ra đều có thêm, thêm phía nam 15 bậc, còn thêm 3 mặt Đông, Tây, Bắc đều 9 bậc.

Khoản thứ hai, 8 án :

Án thứ 1, phía tả tên mặt giời (trời).

Án thứ 2, phía tả tên các ngôi sao.

Án thứ 3, phía tả tên thần mây mưa gió sấm.

Án thứ 4, phía tả tên sao thất-tuê và nguyệt tướng.

Án thứ 1, phía hữu tên mặt giăng (trăng).

Án thứ 2, phía hữu tên thần bể núi sông đầm.

Án thứ 3 phía hữu tên thần các gò nong đất cát,

Án thứ 4, phía hữu tên cả thần kỳ thiên-bạ.

Mười ngày ở Huế (Rút trong « Nam Phong »)

Nhân dịp tế Nam-giao, tôi có về chơi tại Huế, thật là phĩ lòng mong mỗi bấy lâu nay. Sinh trưởng ở một nơi đô-hội mới, không còn tí gì là cái dấu vết cựu-thời, mỗi hoài-cổ vẫn thường canh-canh trong lòng. Quan-niệm về lịch sử nước nhà, trông quanh mình không có cái cảnh-tượng gì đủ nhắc lại những sự nghiệp lớn lao của đời trước, tình ái-quốc vẫn thường ngang-ngang trong dạ. Nên vẫn ước-ao được về nơi Đê-đô-đề-chiêm ngưỡng cái hình-ảnh của Tổ quốc. Nay sự hi-vong đã thành, mắt đã được trông, tai đã được nghe, tình-thần đã cảm cái hồn

xưa của loài giống, thân-thể đã gọi cái khí thiêng của núi sông, muốn đem những sự kiến-văn, sự cảm-giác, sự tư-tưởng trong mười ngày ở chốn Trường-an thuật lại cho các bạn đọc báo nghe, tưởng cũng giúp được một phần cho cái quan-niệm của quốc-dân với Tổ-quốc vậy.

Xưa vào kinh đi hai mươi ngày, nay nhờ có xe hỏa xe hơi đi đường bộ chỉ vừa đầy hai ngày tròn. Bắt đầu đi từ Hà-nội ngày 19 tháng 3 tây, ngày 21 tới Huế, ở Huế 12 ngày, ngày 2 tháng 4 bắt đầu về, chiều ngày 3 tới Hà-nội, vừa đi vừa ở vừa về cả thảy 16 ngày. Đi qua 10 tỉnh: Hà-đông, Hà-nam, Nam-định, Ninh-bình, Thanh-hóa, Nghệ-an, Hà-tĩnh, Quảng-bình, Quảng-trị, Thừa-thiên; trải nhiều cảnh khác nhau: Khi ruộng lúa, khi đồng cỏ, khi non thấp, khi núi cao, khi xa-mạc, khi cao nguyên khi qua sông, khi men bờ, giải Hồng-lĩnh, núi Hoành sơn, bên sông Gianh, trường nhà Hồ, những nơi có tiếng to tiếng dữ ngày xưa, lần lượt trình bày ra trước mắt, chỉ khác chỗ nhân là thân không phải chịu khó nhọc mà trong khoản hai ngày thu được một mảnh giang-sơn của cố quốc. Ở vào thời-đại khai-thông cũng có nhiều điều tiện-lợi, nhưng có lẽ kém cái thú riêng của các cụ ngày xưa thong-dong bầu rượu túi thơ, đi đến đâu để vịnh đến ấy, chẳng quản ngày qua tháng lại, cái thân nhân không hề lụy với thời-gian! Ngày nay thời giờ đã coi là vật rất quý ở đời, người đời đối với ngày trời đã sinh lòng bủn-sỉ, thì cái hồn thơ lấy đâu mà lai láng được như xưa! Cho nên điên khí, bơi nước, xe hỏa xe hơi không phải là những «thi-thố» thiên-nhiên của trời đất.

Sáu giờ sáng ngày 19 lên xe hỏa về Vĩnh, năm giờ chiều tới nơi. Từ Hà-nội đến Ninh-bình là phong cảnh đất đồng-bằng, đất bằng trời phẳng, bát ngát mênh-mông, người đứng giữa như giam mình trong cái ngục lớn. Ai sinh trưởng ở chốn đồng-bằng xứ Bắc, từ thuở nhỏ đầy mắt chỉ là cái cảnh trời, biết ruộng xanh, song-song bát tuyệt, mới biết cái khô lạ như cái khô kẻ tử nhân, khao-khát, những những cảnh núi non cao thâm, gò đồng khi khu, sắc địa-lý thì những bậc anh-tài, hùng-kết thường sinh ra ở gần nơi cao-phong-tuấn lĩnh: mắt nhìn những cảnh tượng lớn lao, lòng tất rộng rãi mà trí tất cao sâu. Sách

tây cũng thường nói người Ấn-độ đời xưa sở dĩ sáng-lập ra được những tôn giáo biết lý cao thâm như đạo Thích-ca, đạo Phật-đà, cũng là bởi sinh-trưởng ở dưới núi tuyết-sơn, tinh-thần thường theo ngọn núi-cao mà bay bổng lên chốn không-gian vô cực. Như thế thì xứ đồng-bằng hiểm người anh-tuấn cũng là phải: người đồng-bằng cái trí không lên khỏi ngọn cây tre ! — Từ Ninh-bình trở vào mới thấy nhiều núi non, trước còn thấp, rồi cao dần mãi lên. Núi thường đột khởi ở giữa cánh đồng, đá trắng mọc rêu xanh, đen đen đốm đốm, trong xa như những mảnh thành bị tàn phá đã lâu ngày, hay là những hức tường đổ nát của cái lâu đài Khổng, Lỗ từ đời thượng cổ. Trông những núi đó không khiếp sợ mà chạnh thương, vì nó trơ-vơ xơ xác giữa đồng, có cái hình-dạng tiêu điều như người đau đớn trong lòng : mộc-thạch cũng có linh hồn chứ chẳng không ! Nhưng từ vùng Thanh-Nghệ trở vào thì núi đã thấy liên tiếp nhau mà thành từng rặng dài, đá thường lộn đất, cỏ cây rậm rạp, không xơ-xác như những núi trên kia. Hình tròn sắc mượt, như một đàn voi cực lớn theo nhau tự trong rừng vạn-tượng ra đến bờ bể Đông.

« Hồng linh cứu-thập-cứu-phong » là bắt đầu từ đây. Xe lửa chạy nhanh, không thể đếm được có đủ chín mươi chín ngọn không. Nhưng túng sử đếm được mà cái số hoặc nhiều hơn hay ít kém thì có hề chi ; cái tên của cò-nhân đặt vẫn là có ý-vị, dầu không đúng cũng chẳng giảm đi chút nào. Ôi ! cái hồn thơ của cha ông !

Đêm hôm ấy ngủ tại Vịnh, sáng hôm sau lên xe hơi đi về Đông-hà. Xe hơi có thể đi từ Vịnh về Đông-hà trong 12 giờ, nhưng xe hỏa từ Đông-hà về Huế chỉ có một chuyến chạy chín giờ sáng, vả Đông-hà là một nhà ga cùng-tịch ở đêm không tiện, nên ước năm sáu giờ chiều tới Đông-hới là tỉnh-lý tỉnh Quảng-bình ngủ đêm đây, sáng hôm sau đi nốt từ Đông-hới về Đông-hà, vừa gặp chuyến xe lửa về Huế, đúng 12 giờ trưa thì tới Kinh-đô. Nếu sở xe hỏa chịu đặt một chuyến bảy tám giờ tối, thì hành khách khỏi phải ngủ đêm ở Đông-hới, khỏi phải mất nửa ngày hôm sau, mà ước nửa đêm ngày thứ hai đã tới Kinh. Cứ xem khi ở Huế ra Hà-nội, chỉ vừa đầy hai ngày thì

đủ biết : 6 giờ sáng lên xe hỏa từ Huế ra Đông-hà, 8 giờ đến Đông-hà, 9 giờ lên xe hơi ra Vĩnh, ngủ đêm ở đấy, sáng sớm mai lên xe hỏa ra Hà-nội, 5 giờ chiều tới nơi. Người yếu sức cũng hơi nhọc mệt một đôi chút, nhưng trong phong cảnh 2 bên đường đủ làm cho quên cái nỗi lưng mỏi chân chồn.

Từ Vĩnh trở vào đi xe hơi là theo con đường thiên-lý cũ gần bờ biển. Phải một Quảng ở khỏi Nghệ đường mới đắp xấu quá, hôm đi lại vừa gặp trời mưa to đêm hôm trước, đường sũng nước thành bùn lầy, bánh xe bết xuống không đi được, hành khách phải xuống cho phụ đầy mất năm sáu trăm thước tây. Chuyến ấy có bốn người đi, hai vợ chồng ông quan ba và với hai anh em nhà báo mình là ông Chương-Dân và tôi. Bốn người cũng lợi bề-bề, nhìn nhau mà buồn cười thay. Quan ba cùng phu-nhân tính vui mà nhả nhặn, thực là một đôi bạn đi đường quý hóa. Suốt một ngày chuyện trò ân cần vui vẻ, cùng nhau bình phẩm cái bức tranh thiên nhiên đương bày ra trước mắt. Đến lắm chỗ phong cảnh núi non đẹp, phu-nhân nói nhớ đến những cảnh quê hương bên mẫu-quốc. Chẳng hay phu-nhân có biết hai người Việt-Nam ngồi đây trông cảnh ấy trong lòng cũng đương vấn vương về tổ-quốc không ? . . . Quan ba người đầy đà, ngồi trong xe khí chật, tùm tùm cười mà nói : « Tôi to nhớn quá, ngồi chật mất cả chỗ, không được thanh-tú, như các ông là những bậc văn-nhân. » Than ôi ! Câu đó cũng là một câu nói nhả mà khiến cho chúng tôi luống những râu lòng. Trông người mạnh mẽ, ta yếu ớt mà buồn thay cho cái tư-cách văn-nhân của giống mình. Ngoài những khi người xe như lúc này, cái tư cách ấy há đáng người ta thêm lăm ru ? Khi lóng cồng lợi bùng vừa rồi cũng đủ biết cái tư-cách văn-nhân không đủ ra đối đãi với đời. Ngán thay !

Xe hơi đi phăng-phăng như nuốt đường, gió lồng tứ phía như đập vào mặt, đập vào tai mà thành một thứ âm nhạc riêng lẫn với tiếng phành-phạch của cái máy động, ở trong xe. Người nhà quê trong. Trung-kỳ nay vụng tránh lăm. Nghe hiệu còi không biết đứng nép ngay vào bên đường mình đương đi lại hình như cuồng căng-lên mà dăm quảng sang bên kia, hoặc cứ chạy mãi cho đến chỗ nào có cái cửa hai cái ngõ ngang mới

sẽ vào, rồi cặp nón quay lại nhìn mặt ngơ ngáo. Thường xe hại người cũng vì thế. Nhưng mà nghĩ cho kỹ chẳng nên trách chỉ người nhà quê. Phàm cái gì có hiệu, có giải ước cái lý-do nó thế nào thì làm mới phải đường người nhà quê trông cái xe hơi chạy vùn vụt, tưởng là có cái ma-lực gì nó đưa đi như mây như gió, lại không hiểu những người ngồi trong xe có công việc gì mà đến nỗi chạy bạt hơi bay tốc như lũ cuồng như vậy, nên trông thấy cái xe đi đến kinh-ngạc khiếp sợ, bối rối lên mà không biết tới lui thế nào,

Hai bên đường xe chạy, phong cảnh có cái vẻ buồn rầu lặng lẽ ; toàn thị là một giải đất hoang, xa xa mới có một thôn-lạc năm ba nóc nhà ló thó ; ngoài là bãi cát trắng xóa, trong là giải núi xanh om. Cái xe bon bon chạy giữa tưởng như con thú rừng lạc vào trong xa-mạc, kinh hoản mà chạy cuồn. Ngoài xa nữa là bể khơi một màu xanh ngắt, sóng rất gần bờ, trông như một giải bạc trắng xóa. Phong cảnh ấy tưởng những lúc bão bể mưa ngàn, tiếng sấm trên núi hòa với tiếng sóng ngoài khơi, thì kinh hãi biết chừng nào. Mình ngồi trong xe chạy trông cảnh ấy trong lòng còn lạnh lẽo thay, hưởng chỉ là những vùn vụt, mà khách đường xa, người lữ-thử đi đến đấy, tấm lữ-hoài ngao-ngán biết là bao !

Miền hải-tân đó không phải là cái đất người ở được. Núi tuy có cây mà là những cây còi-cọc, không phải là cái lợi quyền cho cư-dân. Đất chôn lẩn với cát, không phải là cát chất nuôi được giống sinh vật. Trong cây cỏ mọc đấy mà thương thay ; có lắm giống giá vào chỗ đất tốt sức lớn được bằng cây da cây đề, mà ở đây không sao lên được ba bốn phân tây. Thực là cái cảnh sơn-cùng địa-tích vậy.

Nếu suốt đường cứ một cái cảnh tiêu-diêu như thế thì mắt cũng phải chán mà lòng cũng phải ngán. Nhưng ước nữa đường thì đến rặng Đèo ngan. Phong-cảnh ở đây mới thực là ngoạn mục, chẳng khác gì một bức tranh sơn thủy vậy. Núi Đèo-Ngan tức-tên chữ là Hoành-sơn. Ta thường dùng nhầm chữ Hoành-sơn mà dịch tên tây (Chaîne Annamitique) là gồm cả cái giải núi dài chạy dọc suốt đất Trung-kỳ, theo lưu vực sông Cửu-long, trên liên-tiếp với các núi miền Thượng-du Bắc-Kỳ, dưới

đến tận đồng-bằng Lục-tĩnh. Thục Hoành sơn chỉ là một chi núi của giải núi lớn ấy, chạy thẳng ra bờ bể, chắn ngang đường thiên-lý tự Bắc vào Kinh, nên gọi là Đèo-ngan. Bài thơ bà huyện Thanh-quan :

Bước tới Đèo-Ngan bóng xế tà,..... tức là vịnh núi ấy Ngày xưa khách bộ hành đi đến đây tất phải trèo đèo, trèo ngược lên rồi lại dốc xuống, lấy làm một bước đường rất gian hiểm. Khi đêm các vị sơn quân vẫn thường lần-quất ở đấy. Ngày nay đã có con đường chạy quanh núi như xoáy tròn ốc, xe hơi đi ước mất hơn nửa giờ, đến lưng chừng núi trông xuống không cảnh gì xinh bằng. Thục là :

*Dừng chơn đứng lại trời non nước,
Một mảnh tình riêng ta với ta.*

Cảnh vui này mới bỏ cảnh buồn lúc nầy. Trên núi thì cỏ cây chen đá lá chen hoa, dưới đồng thì ruộng lúa xanh rì dòng nước cuộn, ngoài bể thì trời nước mênh mông sắc một màu. Đến cửa « Hoành-sơn-quan » xe đồ tôi trèo lên xem. Cửa nay đã mất cánh, rêu mọc cổ che, Cánh có cái bi-đỉnh, trong khắc bài bia ngự-chế của Đức Thiệu-Trị. Trong cái cửa con con ấy, không thấy gì là cái cảnh-tượng một chốn « -hùng-quan » ! Đứng đấy mà lại sức nhớ hai câu thơ của bà huyện.

*Nhớ nước đau lòng con quốc quốc,
Thương nhà mỏi miệng cái gia gia.*

Tuy bây giờ không nghe tiếng con quốc cái gia nào kêu, mà nỗi thương nước nhớ nhà như chan chứa trong lòng.

Nghe nói gần đây có cái đền thờ bà Liễu-Hạnh linh lắm, nhưng đường xuống dốc quá, không thể đi tới nơi.

Khi xuống xe thấy một ông lão, ngồi bên đường như người hành khất, hình-dáng tiêu tụy, không nói không năng. Than ôi ! Khoảnh vắng đường dài trên rừng dưới bể lão ở đâu đến, lão ngồi chi đây ? Hay là lão cực nỗi đời khốn khổ, đam thân tự hiến cho sơn quân ? Thương thay !.....

Lúc đã xuống đến chân núi ngừng trông lên thấy con đường mình vừa đi như một vãi lụa vòng quanh núi, khác nào như cái giấy trắng buộc quả bầu xanh vậy.

Hết chặng đèo-ngan lại đến cảnh đất cào cây cằn như trước. Đi một ít lâu nữa thì tới một nơi có tiếng dữ ngày xưa, tức là nơi truông nhà Hồ; thuộc tỉnh Quảng-bình, làng Hồ xã. Huống là một khoảng đất cây cỏ rậm rạp, không có đường đi lối lại. Ngày nay thì không có cái cảnh tượng như thế nữa, cây cỏ ở đây cùng cằn cộc như ở trên kia, nhưng xưa thực là một nơi sào-huyệt của bọn cướp đường, khách bộ hành lấy làm nguy hiểm hơn cả, nên đi qua đây phải đông người mới dám đi. Những buổi nhiều những khách đi qua thường bị bọn cướp đem vào trong xa bắc lột, quân quan không biết đường nào mà tìm bắt, vì cây cỏ rậm quá. Thuộc về lịch sử nói truông nhà Hồ ấy ở đường trong có tương-truyền truyện như sau này : Ông Nguyên-khoa-Đặng làm chức nội-tán cho chúa Minh-vương (1691-1725) nghe nói nơi truông nhà Hồ có nhiều giặc cướp, hay bắc lột khách đi đường, bèn lập kế trị cho yên. Ông cho tải đến nơi ấy ước hai mươi cái hòm to đóng kín, trong phục người, để giả làm một bọn nhà buôn chở đồ hàng đi qua. Đám cướp vẫn rình trông thấy bọn khách đông, lại nhiều đồ hàng, tưởng là một dịp béo bở lắm, xông vào đánh cướp, rồi đem đến nơi buội rậm chia nhau. Trong hai mươi cái hòm ấy có một cái có khoan lỗ phủng, người nằm trong ấy đi đến đâu rắc giấy đến đấy, để cho quân lính theo sau biết đường mà tìm vào. Đương khi bọn cướp họp lại đông đủ cả, để bàn nhau chia của thì người trong hòm đâm xỏ ra quân ở ngoài kéo nà vào, vây bốn bề, bắt được cả bọn không thiếu đứa nào. Từ đây cả miền đó được yên. Sau ông truyền cho người bộ hành nào đi qua đây cũng phải cắt những cây cối bên đường. Hay đâu đường đã đề dao sẵn cho mà dùng. Cứ thế mãi, không bao lâu mà con đường thành ra quang-đáng, người đi lại giao thông như thường ; từ đây không có tiếng giặc cướp gì nữa. Lại gần Kinh, giáp bể, ở nơi tên là Bàu-ngược, thuộc huyện Quảng-diên, có một cái đầm nước gọi là phá Tam-giang, cũng có tiếng dữ lắm. Nay xe hơi không đi gần đến đây, nhưng xưa hành-khách về Kinh tất phải chở thuyền qua đấy. Nhất là về mùa thu mùa đông, sóng gió nhiều, thuyền thường đắm luôn, rất là nguy hiểm, vì chỗ ấy nước vừa sâu mà đường đi lại quanh co,

Tục truyền là đây có ba cái Sóng thần dữ lắm. Ông Nguyễn-khoa-Đặng muốn trị cho được, bèn truyền đóng một chiếc thuyền rất vững vàng, đặt chiếc súng-thần-công ở trong. Ra đến giữa phá ông nổ hai phát súng bắn tan được hai cái sóng thần, còn cái thứ ba thì chạy ra bể mất. Đêm hôm ấy ông cho đào liền một con sông thẳng đấy, từ đó thuyền bè không hay đắm nữa.

Nhân hai việc tục truyền đó mà có câu hát như sau này:

*Thương anh em cũng muôn vô,
sợ trướng nhà Hồ sở phá Tam-giang.
Phá Tam-giang ngày rày đã cạn
Trướng nhà-Hồ nội-táng căm nghiêm.*

Xe hơi đi đến Đông-hà thì thôi. Đây là Đầu đường xe hỏa Quăn-trị. Có một nhà ga nhỏ với năm ba cái hàng quán còn ở giữa khoăn đồng không mông quạnh. Xe hơi tới nơi, đợi ít lâu thì có một chuyến xe hỏa về Huế. Hai bên đường cũng vẫn nhiều đất rậm bỏ hoang chưa ra cái cảnh tượng trù mật. Xe hỏa chạy gần tỉnh lỵ tỉnh. Quăn-trị, nhưng không đi qua.

Vào đến địa-phận Thừa-thiên thì phong-cảnh thấy khác ngay. Làng xóm đông-đúc, ruộng lúa xanh-ri, không phải đất bỏ hoang như trên kia nữa. Dầu không biết rằng đã sắp đến Huế, cũng đoán được rằng sắp tới một nơi đô hội lớn. Quả nhiên ước một giờ đồng hồ thì xe hỏa tới Kinh đô : bây giờ vừa đúng 12 giờ trưa

Kể chi những nỗi dọc đường, tới đây mới phở đến câu thơ ấy trong truyện Kiều, thì ra từ trên toàn-thị là những nỗi dọc đường cũ, mà chính truyện trong « mười ngày ở Huế » chưa từng kể đến. Ôi ! cổ nhân có tính hay thơ, mà tôi đây thật là thơ thần vậy. Thơ thần thần thơ trời đã bẩm-sinh cho cái tình luyến cảnh luyến người, bình sinh đã từng biết người nào cảnh nào, những khi hồi tưởng đến không thể dứt cho đảnn. Thôi thì: *Dở hay cũng bởi tình giới biết sao ?* tưởng các bạn đọc báo cũng lượng cho vậy.

Từ đây xin thuật truyện Trường-an

Cổ-ngữ Âu-châu có câu: « Trăm con đường đều quay đầu về thành La-mã ». Có ý nói thành La-mã là nơi trung tâm của lịch-sử Âu-châu đời xưa, đầu đầu cũng qui-phục Cái ánh-sáng của văn-minh nước La-mã nhóm lên từ đây mà chiếu khắp thế giới, oai quyền của quân đội nước La-mã đẩy lên từ đây mà trấn-áp hoàn cầu ! cái then máy của cuộc thống-nhất nước La-mã cũng do từ đây mà vận động ra suốt cõi Âu-châu. Từ xưa đến nay phàm nước nào đã có một cuộc lịch sử lâu-dài đều có một nơi trung-tâm như thế : nước nào cũng có một thành La-mã vậy. Thành La-mã của Việt-Nam ta là ở đâu ? Tức là nơi Đệ-đô bây giờ, đất Thuận-hoá khi xưa, kinh thành Huế ngày nay vậy.

Lấy lịch-sử mà xét, lấy địa thế mà chứng, lấy cái tình-thế chánh trị ngày nay mà chiêm nghiệm, lấy lòng khuynh hướng quốc dân sau này mà dự đoán, thành Huế thực là chốn căn-cứ, nói yếu-điểm của giống Việt-Nam, xưa đã nhờ đây mà gây dựng nên bờ cõi, nay lại nhân đây mà nổi lên cái tư-cách một dân-quốc hoàn toàn. Ôi! Phàm đã gọi là một dân-quốc không thể giẫy phứt thiếu cái tư-tưởng cái tinh-thần một dân-quốc. Tư tưởng ấy tinh-thần ấy gọi một tên, tức là cái quốc-hồn vậy. Quốc-hồn của Việt-Nam ta ngày nay phải tìm ở đâu cho thấy ? Thiết tưởng chẳng ở Huế, không đâu thấy dặng.

Ấy trước khi bước chân xuống đất Huế, cái tư-tưởng tôi truyền miên như vậy. Tôi chưa biết Huế, tôi đã yêu Huế rồi, yêu vì cái nghĩa cao-thượng nó ngụ ở trong cái tên ấy, yêu vì cái cảm tình vô hạn nó chan chứa trong lòng tôi. Bình sinh tôi học-vấn được đến đâu, cảm giác được đến đâu, tư-tưởng được đến đâu, tư tưởng được đến đâu hi vọng được đến đâu bấy giờ tựa hồ như con sông vỡ đê mà tràn ngập cả trong tâm giới tôi vậy. Đương mộng tưởng mơ-màng thì xe hoả dừng trước nhà ga Huế, Sực tỉnh trong bụng nửa mừng mà nửa lo. Mừng rằng nay đã tới nơi rồi, lo rằng không biết sự thực có xứng với cái mộng không, hay là quen thói thường chỉ đủ khiến cho mình thất vọng...

Thường cần đọc trong sách *Đại-Nam Nhất thông chí*, thiên Kinh-sur, có tả địa-thế cùng lược lịch-sử nói kinh thành Huế như sau này:

« Cuốn kinh-sư gồm cả núi bễ trong nước mà ở vào giữa Bắc-Nam khí-hậu hoà-bình, sơn-thủy kỳ-tú. Đường bễ thì có cửa Thuận-an, cửa Tú-hiền làm hiểm, đường lục thì có ải Quảng-bình, ải Hải-vân làm trở. Sông lớn bao mặt trước, núi cao chán mặt sau. Ba nguồn Bồ-Trạch bọc bên tả bên hữu. Đầm Tam-giang, đầm Thanh-lam, đầm Hà-trung làm then làm chốt. Thực là một nơi hổ chồm rồng cuộn, địa thắng bình cường; đất hiểm-yếu cửa trời đất, làm thượng-đô cho đế vương. Kể từ khi nước Nam dựng nước, thuộc về nhà Trần là đất Thuận-hóa thuộc về nhà Lê là Thuận-hóa thừa tuyên, đều xưng là nơi trọng trấn. Về Bản-triều, đức Thái-tổ Gia-dũ Hoàng-đế chịu mệnh Trời mở nền nước ở cõi Nam, trước đóng ở Ái-tử sau đi ra Trà-bát (tên làng thuộc tỉnh Quảng-trị, huyện Đăng-xương, lại đi ra phía đông Ái-tử nữa ở nơi gọi là Cát-doanh), Đức Hi-tôn Hiếu-văn Hoàng-đế lại từ Cát-doanh đi ra Phúc-an (tên làng thuộc huyện Quảng-diễn.) Đức Thần-tôn Hiếu-chiêu Hoàng-đế lấy nơi Kim-long là đất có hình-thế, dời ra đóng đây. Đức Anh-tôn Hiếu-ngĩa Hoàng-đế lại dịch ra Phú-xuân (Kim-long Phú-xuân đều là tên làng.) Đức Thế-tôn Hiếu-võ Hoàng-đế chia đặt trong cõi làm 12 doanh. Ở Phú-xuân thì gọi là Chánh-doanh, lại xưng là Đô-thành. Đều là đất Thuận-hóa vậy. Phía Bắc xuôi lên sông Gianh, phía Nam gồm đất Chân-lạp, Liệt-Thánh tương truyền hơn hai trăm năm. Năm Giáp-ngọ đời đức Duệ-tôn Hiếu-định Hoàng-đế, quân Trịnh đến chiếm. Sau bị giặc Tây-sơn trộm giữ trong ba mươi năm. Kịp đến đức Thế-tổ Cao Hoàng-đế ta dấy lên như rồng như mây, thay trời dẹp giặc, mùa thu năm Mậu-tuất thu-phục thành Gia-định, mùa hạ năm Tân-dậu khắc phục chốn cựu kinh, mùa hạ năm Nhâm-tuất bắt tướng giặc ở cõi Bắc; từ đó gồm Anam-nhất-thống-dư-đồ, bờ cõi mênh mông, nam tới Xiêm-la Chân-lạp, bắc giáp nước Tàu, đông đến bễ, tây đến Ai-lao. Trở về đất cũ, mở rộng thêm ra, định đô ở Phú-xuân, từ đây mới xưng là Kinh-sư vậy. Đặt phép tắc, định triều cống như cái nóc nhà cao lớn cả, bốn bề đều quay về đây, như ngôi sao Bắc-dầu tôn hơn cả, trăm sao đều châu chung quanh. Cái nền vững vàng thịnh-vượng của nước nhà trong ức vạn năm thực là ở đây vậy. Rực rỡ thay! Vẻ vang thay»

(Sau sẽ tiếp theo)

ÂU Á TỪ' ĐÀNG

Văn

THÍCH SĨ QUI THƯƠNG

Trời cao lộng lộng, cánh hộc hồng ngời nhấp lộn mây xanh ;
đất rộng thình thình, vó kỷ kỷ ruồi dung trên bờ liễu. Kià cầm,
nọ thú, vui vẻ thay khi nghĩ sớm lúc đưa chiều; đây đất, đó
trời, thông dong bấy tối non nam mai rừng bắc.

Tớ thường hỏi tớ, vậy chớ muốn thông thả như chim hồng,
hay là muốn bồn tri như ngựa kỷ ? Chim hồng bay thông thả
mà có khi gặp gió ngược phải đảo điên, ngựa kỷ chạy bồn tri
mà có thuở gặp đường eo còn ngơ ngẩn. Ôi thôi thôi ! mình
thuộc loài người thì khá lo giữ đạo làm người, sao lại muốn
như chim như ngựa mà chi vậy ? Mà đạo làm người là đạo gì ?
Kià những trang thức-giã hầy còn nói *vi nhơn nan* thay ;
hướng chi tớ là bậc dung-phu há lại dám đèo bòng việc khó.
Chớ chẳng thấy xưa nay thiếu chi kẻ vào ra miệng niệm
ngũ-luân, mà coi lại mấy ai được dè lòng *tam tĩnh*.

Mà hỏi vậy chớ miệng niệm *ngũ-luân* rồi mà chi ? dè lòng *tam-
tĩnh* rồi mà chi ? Bất quá làm cho vẻ vang được mấy hời giao-
tiếp. làm cho thuận-mỹ thêm một tí tánh tình đó mà thôi, chớ
nào thấy ích lợi chi cho mình, mà lại ít lợi chi cho chúng. Vậy
thì tớ phải liệu thế nào ? Ở ở ! được làm con người thôi thời
phải lo làm con người ; mà lo làm con người ấy là lo làm cho
như người.

Sở sở một giải đường đời,
Lựa là còn phải hao hơi tiềm tàng.

Thôi, từ nay tớ nguyện làm như người đặng chung nếm mùi
đời cùng thiên hạ. Tớ nhắm lại trong thế đạo có đường *sĩ-hoạn*
oai quyền rõ rõ, mùi vinh hoa phú quý thiếu chi đâu, lúc công-

đường dân chúng thấy cúi đầu, khi tư thất rượu trà không ngớt miệng. Cảnh ấy thật là đẹp đẽ, bởi vậy ở trong trần ai lại chẳng muốn làm quan. Thôi, tớ cũng đánh liều nhắm mắt đưa chơn, ý ! mà không được, đường sĩ-hoạn vinh hoa thật dữ, song người buổi này họ hay nhiều tiếng thị phi. Họ hay ngâm rằng :

*Công hầu khanh tướng mà chi,
Nông thương thiệt nghiệp gặp thì cũng vinh.
Tự do thức nhập đầu mình,
Lúc say tâm-bộ, lúc tỉnh cạnh tranh.*

Tình cảnh như rứa, tớ biết liệu thế nào bây chừ ? Đường sĩ-hoạn oai quyền coi rực rỡ, mà nẻo công thương phú quý dễ thua gì. Cha chã là khó ! chơn dò đường nọ mà lòng ở nẻo kia ; bản hoàn dựa án cạnh khuya, ngồn ngạn dạ ngọc như chia tấm lòng. Tớ ngẫm nghĩ một hồi lâu, phút đâu gá gáy bên tường làm cho tớ dứt mình mở mắt mà ngâm rằng :

*« Dơ tay ngoắt bạn thức thời,
Dừng chơn, chậm bước đợi người với nao. »*

Cổ-Nguyệt-Trang.

Ca Trù

Năm Kỷ-sửu tuổi vừa bốn tám, xem râu đã muốn diềm hoa rậm. Cầm gương soi nghĩ lại mà cười thắm, nhỏ rồi lớn lớn rồi lại già, già cũng trời kệ. Kia, hột lúa nổi chìm nơi đáy bể, cánh chim bay cao thấp với chơn trời. Thôi ! từ đây cho đến lúc năm mươi, sáu mươi, bảy mươi, tám mươi, chín mươi, già một kiếp cũng ngan tàn cho mảnh kiếp.

Vậy có thi rằng :

*Nhập thế cuộc bất khả vô công nghiệp,
Xuất mẫu hoài tiện thị hữu quân thân.*

Lúc thiếu niên đã lỡ hội thanh vân, khi bạch phát phải cam bề bạch bố.

Chi cho bằng, gặp mùa xuân rượu thật một đôi từng, mình
gọt ghích với mình coi cũng thú. Say dựa ghế ngâm thơ cho
vợ ngủ, buồn chong đèn đánh kiệu với con chơi. Gia-dình
này cũng đủ thú vui, lựa là phải nam bắc xanh vàng cho nhọc
xác. Đường thế tục không ai đổi chác, mảnh hình hài không
có có không, mặc người nam bắc tây đông.

Vô danh thị soạn.

Thi

Ở Vườn

Trãi bước giang hồ đã chán hê,
Về sườn nghĩ lại thú thêm xuê.
Gió đưa bóng sớm hoa cười cợt,
Mưa đượm nhành xuân lá phủ phê.
Linh ỏi tiếng ve măng hạ đến,
Thanh tao đọng để rước thu về.
Vui ai thích chí theo bề nấy,
Trồng tiã sanh nhai cũng một nghề.

Lê-Sum



Tặng Nguyễn-Du tác Kim-Vân-Kiều truyện.

Kiều biên khéo đặt rất tươi nồng,
Trên giấy như thêu mặt má hồng.
Nét chữ vẽ ra người mạng bạc,
Câu ngâm nghe có tiếng cầm chung.
Hơi đeo tình cảnh oanh hòa vận,
Bút tỏa sầu vui gấm dệt bông.
Sự tích qua rồi đem lại thế,
Văn hay bố cuộc cũng Thiên-công.

Huỳnh-dinh-Lư.

TRUYỆN VONG TÂY TIỂU THUYẾT Gia-Đi truyện

HỒI THỨ BẢY

Nhờ có mỗi ngày Gia-Đi mỗi dụng trí cao kỳ và lòng hiền hậu như thế mà thiên hạ đều ngợi khen ân đức của người vô cùng. Lúc ấy Gia-Đi thành ra một người có phước hơn cả thiên hạ; tên người đã vang rền nơi Huê-hạ rải khắp trong cả nước. Khi người đi qua thì không người đờn-bà nào chẳng ngó; chẳng người nào mà không phục sự công-bình của người, những kẻ đại trí coi người như Kỳ-dồng; các thầy tu cũng khen ngợi người mà cho người rằng trí hóa rộng nhiều hơn thầy cả Đê-bô nữa. Đến ngày nay rồi thiên hạ mới cho người là phải, chứ không phải như thuở trước mà làm tội người. Về sự tướng sai loại phụng-hoàng đó đây, nay việc gì coi bộ người tin dặng, thời thiên hạ mới tin theo.

Lúc ấy tại thành Bá-bỉ-lông có một đám rầy rà với nhau rất lớn, đều ấy rầy đã hơn một ngàn rưởi năm rồi mà chưa xong, làm cho trong nước ấy phải chia ra làm hai phe, một phe thì nói rằng hễ vào đền thờ Mỹ-tra, thì chính phải bước chơn trái vô trước mà thôi; còn một phe nữa thời lại lấy điều ấy làm ghét lắm, vì phe ấy bước vào đền thờ, thời chính bước chơn mặt vô trước mà thôi; Bởi ấy cả thiên hạ đều đợi cho đến ngày lễ lớn là lễ thánh-hỏa mà coi Gia-Đi thuận theo phe nào cho biết: Bữa ấy muôn ngàn cặp mắt đều chăm-chỉ xuống hai chơn Gia-Đi trông nom, và trước ngày ấy cả thiên hạ ai cũng hồi hộp phập phồng không biết Gia-Đi sẽ thuận theo bên nào. Vậy bữa ấy Gia-Đi khi đến trước ngạch cửa đền thờ thời dùm hai chơn lại mà nhảy vô một lược, không chơn nào trước không chơn nào sau; vào đền thờ rồi thời người đọc một lời diển thuyết rất hay vô cùng mà tỏ rằng; Chúa cả trời đất thời chẳng hề tây vị ai (thiên địa chí công) cho nên chẳng nại chơn mặt hay là chơn trái chi đâu!

Vợ chồng tên tật hiền đồ năng mà ngày trước đã cáo người đó nghe bài diễn-thuyết ấy lại chê rằng : Bài này chẳng có lời chi cho khí tượng, chẳng có câu chi cho lở núi lấp sông, kinh thiên vĩ địa ; lại chẳng phải theo cái giọng-văn bên hướng Đông-á, Nhưng Gia-Di thì ưa cái đạo văn hữu-lý mà thôi. Cả thấy thiên hạ đều phục Gia-Di mà chẳng phải là vì Gia-Di nói phải, hay là vì Gia-Di hữu lý, hay là vì Gia-Di đáng mà phục, chính thật là vì Gia-Di là một vị Tề-tướng đó mà thôi.

Lại còn một vụ gây của đám *bạch thiên văn-gia* và đám *hắt thiên văn-gia* mà người xứ cũng song. Đám *bạch thiên văn-gia* thì nói rằng, khi đọc kinh mà day mặt về hướng mặt trời mọc mùa đông là trái phép đạo ; còn *hắt thiên văn-gia* lại hằng chắc rằng : Chúa rất ghét kinh của mấy người đọc mà day mặt về hướng mặt trời lặn mùa hạ, thì Gia-Di xứ rằng : ai muốn day về đâu thời day, việc ấy chẳng can phạm đến việc thành tín bao giờ.

Người lại tìm đặt cách nội buổi sớm mai thời lo các việc hành chánh, còn dư bao nhiêu giờ trong ngày ấy thời người lo việc mở mang cho thành Bá-bĩ-lông, Người bày hát nhiều tuồng thiên-hạ coi đều phải khóc, lại nhiều lớp coi phải cười nôn ; ấy là tục đã lâu thiên hạ không dùng nữa, công việc bày lại đây là vì ngái bởi cảm hứng mà ra. Người lại chẳng hề khoe mình là biết nhiều hơn bọn kép hát, người hằng lấy ơn riêng và bội bài (Médaillé) mà thưởng bọn ấy, và chẳng hề ganh gờ mà yếm tài đào-kép bao giờ. Mỗi buổi tối thời người hằng làm cho lịnh Thiên-tử và bà Hoàng-hậu coi hát rất nên vui đẹp. Thiên-tử hằng kêu người là quan (Đại-tề-tướng) còn bà Hoàng-hậu lại kêu người là quan (Khả-ái Tề-tướng) và cả hai thường hay nói rằng : Chớ chi hồi trước mà người bị tử hình rồi, thời đáng tiếc biết bao nhiêu !

Chẳng có vị nào ở ngôi Tề-tướng mà phải tiếp khách đờn bà nhiều như người. Có nhiều người vì danh tiếng ngái, mà không có việc gì, cũng đặt chuyện cho có, hầu có đến với ngái một lần mới vừa lòng. Vợ tên tật hiền đồ-năng đã cáo người hồi trước nay lại xin đến ra mắt người trước hơn người ta hết. Khi nào tạt mặt Gia-Di thời chị ta lại thề nặng lời rằng, chị ta hằng

ghét cái tánh hạnh của chồng chị ta lắm, chị ta lại nói chồng mình hay ganh gờ, hay lơ mắng cho nên quí thần đã phạt tạ chẳng ban dương-khí cho va giống như kẻ khác vậy. Nói bấy nhiêu lời rồi bèn làm bộ bỏ rớt cái dây nịt vớ xuống đất; Gia-Di thấy vậy phải lượm dây ấy theo lẽ thường, chớ người không chịu cột giùm vào đầu gối cho người đờn bà ấy, tuy lời này xét chẳng đáng chi, chớ người đờn bà lấy làm giận lắm. Gia-Di thời vô tình nên chẳng thấy đặng người ta phiền mình, còn chị nọ thời cảm hơn từ ấy.

Những đờn bà danh tiếng hằng ngày đến lui với Gia-Di chẳng biết mấy người: Thiên hạ thấy vậy đều nói với nhau rằng: *Đa mai lắm ắt có ngày cũng hại trông chớ chẳng không*, song Gia-Di tánh tình coi lơ lảng nhiều khi nụng niệu người tình, mà trí thời ở đâu chớ không có tình tứ chi cả. Có một ả kia coi hình như Gia-Di càng yêu lắm, song kỳ thật là nhiều việc ngẫu nhiên nó làm ra thế, chớ Gia-Di hằng vô tâm luôn; ả ấy là thế-nữ của bà Hoàng-hậu. Tuy có nhiều dịp coi tuồng như Gia-Di càng trượng cô ta lắm, song cũng chẳng thấy tỏ niềm ân-ái, thì cô ta hằng nghĩ trong lòng như vậy:

« Có lẽ khi người này trong trí mất nhiều việc lắm, nên trong cuộc tình mới ra bơ thờ như thế ».

Còn Gia-Di thì có nhiều khi thiên hạ không nói đều chi cả, hoặc khi thiên hạ đang nói những đều tử tế, anh ta thỉnh thoảng chẳng biết trí ở nơi mô, mà vùng hô rằng: *Hoàng-Hậu!* Ấy nọ thấy trái bèn sửa lại rằng: *Lịnh bà chớ!* Thời Gia-Di trong lúc trí còn lơ lảng ở đâu không biết lại kêu xách khốe tên riêng bà Hoàng-Hậu rằng: *Ấ Tật-Tề.* Ấy nọ nghe kỳ không hiểu là chi bèn tưởng là Gia-Di vì mình mà nói mấy lời ấy, nghĩa là Gia-Di cho mình bóng sắc hơn bà Hoàng-Hậu Ấ Tật-tề đó. Bởi ấy khi cô ta ra khỏi đền Tề-tướng thì lấy làm đắc chí lắm vì được nhiều của lễ. Nguyên Cô-ta lại là bạn với vợ chú tật-hiền đó, năng là người ghét Gia-Di đó, nên cô ta bèn đến mà đọc sự may-mắn của mình đặng có khoe khoan với chị nọ, chị nọ nghe rồi lại càng oán Gia-Di hơn nữa, có lẽ nào hằng chê mình lại yêu con thế-nữ này, bèn lấy giấy nịt vớ ra mà nói với ả nọ rằng: *a mầy, vì Gia-Di chẳng giùm cột cái giây-buộc vớ này*

vào chơn tôi, nên tôi chẳng muốn dùng đến nó nữa. « Nàng thế-nữ thấy cái giấy cột vớ lại nói rằng : « Uã ! Bà dùng giấy cột vớ giống một màu với bà Hoàng-hậu đây mà ; chắc là bà mua một chỗ với bà Hoàng-Hậu đó ? » Chị nọ khi nghe mấy lời thì chíp vào bụng, suy nghĩ hồi lâu, rồi khi khách về bèn vào thương nghị với chồng.

Từ đấy Gia-Di mới thấy trí hóa mình sao càng ngày càng lơ lửng, lững-dững lơ dờ, nhiều khi đang ngồi xữ đoán mà trí khôn nó đi đâu không biết.

Bữa kia người nằm một đêm chiêm bao rất lạ như vậy : Trước hết vía thấy đang nằm trên một đồng cỏ khô, mà trong đồng cỏ ấy, thì có ít cộng cứng nó đâm vào lưng, nên không mấy êm dặng ; kể một chập vía lại thấy đang nằm trên một đồng hoa-hường rất mềm-mại êm-ái vô cùng, thỉnh lình trong đồng hoa-hường ấy có một con rắn-độc bò ra, mổ vào trái tim người. Khi người tỉnh giấc huỳnh-lương rồi thì người than rằng : « Khô thay ! Ta đã nằm trên cỏ khô có gai chông đã lâu ngày, nay đây ta đang nằm trên đồng hoa-hường rất mềm mại diệu dàng, mà con rắn độc ấy ra làm sao ta không biết dặng ! »

VI HOÀN

Dịch : Bá-trang.

Tổng phê : Tâm bắc năng thánh, loạn mộng đa, (lòng chẳng thanh tịnh, thời sanh mộng mị rộn ràng) Gia-Di khi nằm trên cỏ, hoặc khi nằm trong đám bông; đời mất cuộc đời gai góc, mà cuộc đời làm nên cảnh trí thần tiên, thế gian hi hữu ; thỉnh lình đâu ? Chần ngăn hình răng, tan tát chòm hoa, cảnh của Gia-Di thiệt vậy vậy ? già vậy vậy ? Không-tử viết : Cầu chi ư nhơn vô ác giả (thiệt lo làm nhơn không khi nào có đều dữ vậy) Gia-Di, có lẽ tỉnh ngộ gần ngày nhập đạo, mới có mộng cảnh đó chăng ?

Lục-hà Tấu.

Dư-luận tự do

Thú thê chi vấn đề

Xưa nay những đứng thức-giã trong các nước văn-minh luận đến sự tấn-hóa của nhơn loại thì ý kiến thường chẳng giống nhau: một phe cho sự thú thê là một sự lợi ích, còn một phe lại nói là một sự hại của xã-hội, hai phe phản đối nhau, ai cũng cho ý kiến của mình là phải.

Trong xứ ta tuy chưa ai luận đến vấn đề ấy song thường nghe cổ kể thì nói «*Thê thần tử phục*», còn có người lại nói «*Lạc giữ thê noa*». Trong hai câu này tuy một câu tục-ngữ và một câu sách song hai câu đều có nghe dùng thường như nhau mà nghĩa lại khác nhau, làm cho khó biết câu nào là phải.

Lúc này là lúc dân-tộc ta đương hé mắt dò chơn dò đường tấn hóa, mà vấn đề thú thê cũng là một vấn đề cang hệ đến tiền đồ tấn hóa của xứ ta. Vậy chúng tôi xin văn-nhơn tài-tử trong Việt-Nam vui lòng nghị luận thử coi thú thê là một sự lợi hay là một sự hại của xã-hội. Vì nào muốn nghị luận sự này thì xin gửi bài đến chỗ chúng tôi sẵn lòng mà ấn hành cho đồng-bang nhã duyệt.

D.V.T.C.

Mäng Đại-việt tập chí

Cũng một nhà đọc báo Đại-việt, có lý tưởng nào coi rồi làm thình, sao cho toại lòng mấy ông đồng chí. Đồng chí mấy ai, chớ đông quần còn có, dầu đông, tây, nam, bắc đâu cũng bà con của nước nhà Đại-việt ta đây. Mấy ông thức thời chẳng nề công cũng non sông vô trụ, đêm ngày kê cứu nghị luận về thời sự bây giờ, nào là cơ đồ của ông cha gây dựng, nào dân vật của giống dòng sanh đẻ. Ông mô ông mô chẳng những nghĩ về chức trách một phần, mà còn gây nên mở ngõ cho bọn hậu

lai tấn bộ. Cái phần trách nhiệm mấy ông công to như thế, mà kẻ đọc báo bỏ thờ cũng hóa ra những đều mục đích phương châm của mấy ông cũng ngã lòng về đều nghĩ nghĩ.

Tôi đây cũng dân trong nước cũng có nhứt phần tử trong bọn Nam Châu, hồ thay ! tôi không nghe thấy, học thức không chực vì vạn nhứt với người bảy vai, cho kịp và cái tuổi đầu cũng đã quá nửa trăm, mạng trời chưa biết, chớ cái cảm tình tư tưởng đã lẫn lờ lẫm. Vậy nên xin bày lời tâm sự, ngỏ cùng những người ;

Ngày xuân ai nầy còn dài,

Xót tình non nước rộng dài cõi Nam.

Chẳng lẽ thời sự đã vậy, mà chúng ta tìm biết một ngày hay là tháng gì cho tới bờ vực văn minh gấp thế. Ai ai cũng giữ một lòng tấn hóa dần dần. Chậm vậy thì có gì hơn là coi báo chương của tiếng nước nhà, kiếm đều tiện lợi mà nghĩ suy cho đáo để, lấy ý tưởng lạ của người mà tỹ với ta, thì cái tiền đồ của mình còn rộng, cái tư cách của mình càng thanh thao, sự tưởng tượng dầu quá khứ dầu tương lai cũng gồm đựng trong cái trí ngàn ngơ. bấy lâu cùng dân đoàn chưa ai nói tới. Cái gì hề kinh nhứt sự thì trưởng nhứt trí, trí ấy xin ai nấy ráng mà nuôi dưỡng ngày , hề trưởng dưỡng cho rộng dài, thì sự thế tình phải lui về đường tranh đặc lợi danh, leo vô trong vòng, cương tỏa cho nó xây quanh mãi thế.

Người đọc báo nầy xin bạn Lục-châu chớ có phụ những tay nghị luận trong nầy bỏ lãng không coi, đề đi coi tân văn của tâu, nhứt trình nước lạ ; Các báo chương ấy bất quá họ nói gì cũng giữ nguyên văn quốc hồn nước họ, lấy gì mà bỏ ích cho dân nhà nước củ bao giờ. Bả không thiệt tưởng đảng văn chương nước người mà cái lý thú có mấy ai nhập điệu.

Đại-Việt từ ngày mở báo chương.
Dốc khai dân trí góc Đông-Dương
Long xuyên lạch củ quen bờ cõi,
Thoại lãnh non mòn dấu hải thương.
Đem dựng bia triền công đắp núi,
Gắn lãn lãn củ đấng khai cương.

Non sông vẫn củng còn trơ đở,
Chuyện trước phen người mở một phương.

Băn gian dân : đôn kính

N. D. H. B. T.

Tập Đại-việt, Báo Long-xuyên.
Phát hiện đã gần đặng nửa niên,
Công gây dựng, chỉ làm nên,
Ơn hội khuyến văn giúp đỡ tiền,
Đông chủ bút, hiếm người coi.
Bàn luận nghe hay rất hân hoi,
Mục Chánh-trị, chỉ dân coi.
Thúc-Thanh-Lê phú bút lạc lối,
Khoa Tài-lý, biểu đồng tình.
Hồ Biểu-Chánh tự đại danh,
Bác học-sĩ, Phú-từ cao.
Nguyễn-Định-Chi miệng mồm phúng châu,
Đông-tây thời hễ, Nam-bắc thế hễ.
Thường-Tiên-Lê-phủ, tài huấn đề,
Âu-Á đảng, Phong-văn luận.
Thúc-Liêng Đặng-thị, văn minh tấn,
Thời cơ tiện, văn minh tân.
Phong hội tao, hội hữu trường,
Ngàn xưa còn lại giống dòng dõi.
Mấy thuở mà quên người nước nhà,
Một ngày một nghĩ một xa.
Non sông Đại-Việt, sơn hà Đế-giao,
Từ khai thác mấy hồi tỉnh táo.
Những mở mang nhiều độ hưng suy,
Nhớ ơn thầy dạy chi trì.
Nam-kỳ sông núi đã đầy sáu mươi,
Cuộc thương mại người ngoài thừa lợi.
Nhà nông bỏ đất rộng mở mang,
Học hành cũ mới lưỡng đoan.
Trí tri còn thiếu hoi hang chưa tường,
Một nghề học bát yêm miền cuống.
Muôn dân nhà phong hội ngân ngơ,

Thiết hành đốc chí từ từ;
 Đồ tồn trăm mối, khí cơ năm hành:
 Mối nhưn đạo cốt phong trước mãnh,
 Mối luân thường tình thái lôi hoành;
 Thiên hành biến độ phong thanh;
 Biến cơ duyên lạ cạnh tranh bản hoàn.
 Chừng thấy ngọn Âu phong trăng loán,
 Mới dục mình Ấ thổ tịch liêu;
 Lo toan học hỏi men theo;
 Mỹ, Âu phong tục còn nhiều chưa quen,
 Thế tình vậy khôn phang bày biện;
 Thời cơ nầy mượn báo hô hào;
 Nghĩ đi nghĩ lại cùng nhau,
 Nghĩ ông Tạo-vật nghĩ câu tuần hoàn,
 Nhưn tâm tận lúc dự gian sang,
 Ngôn ngữ nhả trình danh Võ trụ;
 Báo chương mục đích mấy câu;
 Những câu tạo thế, những câu triển thần.
 Mấy ai nào khử cựu tự tân,
 Mấy ai đốc chuyên nghề chức thuật;
 Chuyên môn phải cho tận lực;
 Khéo không léo lắt, ăn cần lo chung.
 Kia nước Mỹ dân đoán chín đốn,
 Đây người Âu trí biện kinh dinh;
 Sao là triềc học nghệ tinh?
 Sao là đoán-thế, sao bình-đăng dân?
 Trường bác ái tình thần động vận,
 Thối bản quan hủ bại khử trừ;
 Bản rành nhưn vật bấy giờ,
 Tuyệt xai-ba-thối, tuyệt vợ vắn quàn.
 Năm hân cũ rất hay rất hân;
 Ba giếng xưa chớ lẫn chớ quên.
 Chí tri thế đạo vững bền;
 Lo đời vì loại bốn nguyên thặng căn
 Lo tân học lo câu siêng cần,
 Lập thương trường lập cách làm ăn;

Cho hay trí thuật chưa bằng.
 Minh làm nuôi trí giữ chẳng giống nòi.
 Cho bổ thói làm người tôi mọi,
 Cho biết thân thất thế chủ trương.
 Đừng quên bần lữ thân lương;
 Đừng quên hèn hạ, cứ nung tánh lạnh;
 Qua một việc trí người thêm mạnh;
 Cực nhiều lần cách thế rồi quen;
 Mọi nghề hay khéo tại quen,
 Hay ăn thì vóc, hay siêng muốn làm.
 Đủ nhứt trình ngoài Bắc trong Nam,
 Ngàn bảo quán pháp văn tự Hán;
 Coi rồi chấp kỷ lưỡng đoan;
 Diễn ra thuật lại bá bang tinh tường.
 Nghề lẫn tới phải bát văn chương;
 Người hèn yếu tại nơi phẩm hạnh.
 Trí có rộng hồn khôn mạnh;
 Người không làm, rồi cái tánh như đau.
 Xai ba lắm bại tỷ kém máu;
 Nhốn nhơ thân lửa dục thêm nồng;
 Nóng nồng lửa dục bốn vong;
 Tánh trời đã mất hết trong tánh người.
 Phận báo quán xét đều cũ mới;
 Bút sử gia luận việc hay hèn;
 Nghe vì thấy dạng rao liền;
 Phường nào tiện dụng đứng lên chỉ bày.
 Báo Đại-việt đông người rộng thấy,
 Nguồn Longxuyên mạch nước ngọt trong;
 Khuyến văn hội hữu có lòng;
 Cùng nhau hiệp mở mang mong lợi quyền.

Băn gian : dật-dân

Nguyễn-Minh-Châu

Tiểu tự điển

(*Lexique*)

ÁN HIỆN ĐIỆN	ÁN đọc trước mặt nguyên cáo và bị cáo (Jugement contradictoire).
ÁN KHIẾM ĐIỆN	ÁN đọc khi vắng mặt một đảng: nguyên cáo, hoặc bị cáo (Jugement par défaut).
BẤT NĂNG	Không có quyền, hoặc không đủ sức làm việc chi (incapable).
CẢN TRỞ ÁN	Chẳng chịu cho thi hành án xử khiếm diện nghĩa là người bị xử khiếm diện nài cho tòa đòi một lần nữa đặng xử lại (opposition à un jugement par défaut).
CHẤP HÀNH THẺ	Đủ phép thi hành được (forme exécutoire)
ĐÀNG LỤC	Sao lục trọn bản án (grosse, expédition d'un jugement ou d'un arrêt).
ĐI HÀNH HƯƠNG	Đi đến mấy chỗ đất linh, khấn vái cầu khấn (aller en pèlerinage)
GIỚI THIỆU	Người trung gian vô can, hai đảng tranh tụng chọn để phán đoán việc chi (arbitre).
HIỆP ĐỒNG	Tờ biên thẻ lệ lập hội và các lời giao ước của hội viên (statuts).
HỘI QUI	Pháp lập hội, thẻ lệ (règles).
KHÍ HẬU	Phong thổ nóng lạnh (température).
KHÔNG PHỤC QUYỀN HAY LÀ HUỒN QUYỀN	Bị án mất quyền nên làm cho có đủ quyền lại (réhabiliter).
KHÔNG TRUNG	Khoảng trống-từ mặt đất sắp lên (Espace).
NHƠN HUỆ	Lòng ở chẳng bó buộc (libéral)
Ô-ĐỘC	Việc làm cho bại hoại luân thường, rước khách (prostitution).
PHƯƠNG PHÁP	Cách thức (Méthode).
TAN TÂM	Trồng dâu để tằm (sericiculture).

THẦU CỜ	Giấy làm nhận lãnh vật chi (reçu).
THỮ SĨ	Chọn người làm quan (recrutement des mandarins).
THƯỢNG KHỔNG	Chống án xin tòa trên xử lại (appel).
THƯƠNG HỘI	Hội lập mà buôn bán (société commerciale).
TIỆM THÌ	Chẳng lâu, không thường (temporel).
TRÍCH LỤC	Sao lục rút một hai khoản trong án ra (extrait d'un jugement ou d'un arrêt).
VINH DIỆU	Làm cho nổi tiếng (actes d'éclat).



THƯỢNG ĐẲNG DƯỢC PHÒNG

G. RENOUX

NHỨT HẠNG BẢO-CHÊ-SU

Ở ngan nhà hát tây. — Saigon

Tiệm cũ của ông **HOLBE** và **RENOUX**

Y-khoa dược liệu đủ thứ. Vật liệu
để bào chế thuốc, Vật liệu để dùng
chụp hình, Đồ tiện dùng cho người
Langsa và người ngoại-quốc, Đồ phụ
tùng cho nhà bào chế thuốc, Đồ phụ
tùng về máy chụp hình, Kiên và giấy
để chụp hình, Đồ để dùng bó rịt. Dầu
thơm thượng hạng đủ thứ. Dầu mắng
(Bạc-hà) thượng hạng.

Thuốc nước hiệu R. để dùng mà bỏ nha phiến của ông
Holbé chế ra.

Như vị nào có mua thuốc của Thượng-đẳng Dược-phòng
G. Renoux thì phải nài cho có cái nhãn hiệu **Xich-long**
(con rồng đỏ).

P. S. — Nếu vị nào có gởi thơ xin thì nhà Thượng-đẳng
Dược-phòng **G. Renoux** sẽ gởi cho không một cuốn *Dược-
tánh lược biên* có chỉ rõ cách dùng các thứ thuốc.

ĐẠI-VIỆT TẬP CHỈ

BÁ NHẪN TRUYỀN

Của ông Huỳnh-thức-Mậu, ở Lập-vò (Longxuyên) ~~đan~~

Trong quyển Bá-Nhẫn này có một trăm điều của thánh hiền xưa làm gương tốt vì bền lòng nhịn-nhục việc nhỏ rồi sau được nên việc lớn. Đồng-bang nên mua để trong nhà cho con cháu đọc cho thường, cũng là một phương tiện nhẹ bớt cho cha mẹ trong phần giáo dục con cháu.

Có bán tại nhà in,

J. VIẾT

N° 59, rue d'Ormay Saigon và các nhà bán sách khác.

Giá mỗi quyển. 0 \$ 50

Tiệm khắc con dấu bằng đồng và bản đồng

TANG-VAN-PHA

49, Rue d'Espagne, 49

SAIGON

Tiệm bán nón và giày theo kiểu Langsa

LIÊU-HIÊN

51, Rue d'Espagne, 51

SAIGON

NAM-HONG-PHAT

KHÁCH SẠN

ở đường Boulevard Bonnard, số 106, ngang Gare xe lửa nhỏ
Saigon-Govap, tại chợ mới Saigon

Bán rượu tây và sữa xe máy, đèn essence và đèn alcool.
Có cho mượn phòng ngủ sạch sẽ rộng mát, giá rẻ.
Quý-quan, Quý-khách ở xa muốn mua bất cứ vật chi thì tôi mua giùm
niệm kỷ lưỡng gởi tới chỗ ở mấy ông.

HUỲNH HUỆ-KÝ.

Yết thị đấu giá

Ngày thứ năm 4 Juillet 1918 10 giờ sớm mai, tại sở Tạo-tác Nam-kỳ (Saigon) sẽ đấu giá cất thêm công-xưởng và nhà-giấy và một cái nhà cho hai viên quan Langsa ở tại TRƯỜNG ĐẠY MÁY BỐN QUỐC tại Saigon.

Tiền thế chừng tạm.....	600. \$ 00
Tiền thế chừng tắc.....	3.500 00

Như người nào ở xa muốn đấu thì được phép gởi thư cho Quan chánh Tạo-tác Nam-kỳ tại Saigon, mà ngoài bao thư phải biên cho biết là thư đấu giá và dặn đừng mở thư ấy trước giờ đấu giá.

Các tờ giấy kiểu thức đấu giá có để tại dinh quan Chánh Bác-vật sở cất nhà tại Saigon (Architecte chef du Sce des Bts Cls) Ai nấy được đến đó coi mỗi ngày theo giờ làm việc, trừ mấy ngày chúa nhật và ngày lễ

Saigon, le 8 Juin 1918
L'Ingénieur en chef p. i.
Ký : Bénabenq.

ĐẠI-VIỆT TẬP CHÍ

IMPRIMERIE DE L'UNION

Lê-van-Nghi và Dinh-thai-Son dit Phat-Toan

NGUYỄN-VNÃ-CỦA chủ nhơn

157, Rue Catinat, Saigon 157

Nhà in này là một nhà in lớn trong Đông-dương có lãnh chịu sách, sớ, giấy, mực cho các sở Nhà-nước, có bán đủ đồ dùng về thơ-phòng, sách chữ tây, thơ, tuồng, truyện chữ quốc-ngữ, in nhứt trình, in sách, sớ, danh thiếp, thiệp mời đám cưới, đám tang. Bán buôn mau mắn. Nư ai ở xa gửi thơ đến mà thương nghị việc chi hoặc đặt món chi, lập tức kỳ tàu kế có trả lời.

XUÂN-LAN

Au bonheur des Saigonnaises

Ở gần nhà giấy Saigon Cholon route (haute)

Ngang Chợ mới, đường Latérale Sud, môn bài số 21

Kính cáo cùng Lục-châu Quý-khách: tôi mới lập thêm một tiệm, Hiệu « **XUAN-LAN au bonheur des Saigonnaises** », tại Chợ mới Saigon, gần nhà giấy xe lửa vô Cholon, đường Latérale Sud, môn bài số 21.

Có bán đủ thứ vải-bô, tơ-lụa tàu và bắc; có may áo quần Annam và theo kiểu Langsa, nhứt là con nít, như: áo, mao giấy, vớ, làm nhiều kiểu đẹp-đẽ và khéo-léo.

Có bán đủ đồ phụ tùng trong khi rửa mặt: dầu thơm, phấn dồi, nước súc miệng, phấn chùi răng, vãn.vãn.

Lại cũng bán các vật dùng tại Bắc.kỳ, đồ bằng đồng, đồ mạ bạc, đồ càn Xa-cừ, nón, giày dép v.v.

Xin nhờ Quý-Bà, Quý-Cô chiếu-cố, thừa lúc nhàn du, ghé lại XUÂN-LAN, xem chơi, thì tôi đội ơn.

PHÁT LỢI

Quai de Belgique, Saigon

TÂN HUÊ VĨNH PHÁT

No 134, rue Latérale Nord, ngang nhà giầy xe lửa lớn Saigon

TIỆM MAY VÀ BÁN HÀNG

Thợ may chắc chắn, khéo và tính giá rẻ.

Có bán hàng bắc, hàng tàu và đủ đồ nhứt-dụng trong nhà.

Nhơn chư Quý-bà, quý-ông đi đường, trong lúc chờ xe lửa, ghé vào tiệm trước nghỉ chơn, sau muốn đặt may đồ chi, hoặc mua món chi của tiệm, dầu trong tiệm có thiếu đồ thì vợ chồng chủ tiệm là người rất vui vẻ mau mẫn, cũng tính cho đẹp ý mỗi hàng.

GRAND HÔTEL DE FRANCE

PHÁP-VIỆT-KHÁCH-LẦU

Rue Catinat, Saigon

M. NGUYỄN-VĂN-CỬA Chủ-nhơn

Phòng ngủ rộng rãi sạch sẽ, sắp đặt nghiêm trang, đủ đồ dùng rất thuận tiện cho khách, Boy bạn dễ sai khiến, mỗi mỗi đều vừa ý khách mà giá phòng lại rẻ.

BANQUE INDUSTRIELLE DE CHINE
TRUNG-PHÁP THIẾT-NHIỆP NGÂN HÀNG

Hội nặc danh vốn 45 triệu quan

HỘI-TRƯỞNG, HỘI-ĐỒNG, CAI-QUẢN : ÔNG ANDRÉ BERTHELOT
Đại Tổng-lý : ÔNG A. J. PERNOTTE

Hội quán tại Paris, đường Saint-Lazare, môn bài số 71

Tổng cuộc tại Bắc-kinh

Ngánh tại Thượng-hải, Thiên-tân, Hương-cảng và Saigon

Có đặt người thông tin

cùng các nơi thương trường trong thế giới

Ngân hàng thì là :

Tại Pháp-quốc : Hội đề mà khai phát thương cổ và công-nghệ

Tại Luân-đôn : Hội London County & Westminster Bank Ltd

Tại Niêu-do : Ông Redmond và Công-ty.

Ngánh tại saigon :

Mé sông Belgique, môn bài số 8 và đường Adran, môn bài số 2

Lãnh :

Đổi gửi tiền bạc theo ngân-hàng, nếu tính theo bạc đồng thì tiền lời hai ly.

Nếu tính theo quan tiền Langsa (Gửi về Pháp-quốc) thì lời hai ly rưỡi.

Đem tiền đến gửi, hoặc tính theo bạc đồng, hoặc tính theo quan (phải hỏi mới nói số tiền lời).

Tiền gửi có định chắc ngày lấyra (phải hỏi mới nói số tiền lời).

Lãnh giấy của các nhà mua bán mà trả bạc hoặc đòi bạc.

Lãnh bán giấy nợ, giấy lãnh bạc hay là đánh giấy thép mà sang giấy ấy cùng mấy thương trường lớn.

Lãnh gửi giấy mua bán theo Tiền-thị với mấy thương trường lớn.

Cho vay có thế chùng hàng hóa và bằng khoán.

Tổng-lý, A. Berthier.

MINH THÀNH HÒA

Tiệm làm bán đồ nữ-trang

M. NGUYỄN-V-LẠC dit BẦY-KHÈC, Chủ tiệm

23, rue Schrøder Saigon, Téléphone n° 295

Trước bốn năm nay thợ bạc Annam hay ở chỗ khuật tịch chợ không có dọn tiệm giữa chồn phiên ba coi cho kinh dinh như thợ bạc Langsa và Khách-trú vậy. Duy có M. Nguyễn-văn-Lạc nầy bày dọn ra một tiệm thợ bạc hiệu là *Tân-hiệp-Thành*, n° 148, rue des Marins Cholon, téléphone n° 381, chừng dọn hực hở, như tiệm thợ bạc Langsa ; từ ấy cuộc thợ bạc tần phát lắm, sau M. Nguyễn-văn-Lạc lại lập thêm một tiệm nữa tại chợ Saigon hiệu là *Minh-thành-Hòa*, môn bài số 23 đường Schrøder, dây thép nói số 295, cuộc buôn bán lại càng thịnh vượng thêm vì là đồ nữ-trang hai tiệm nầy nhiều kiểu khéo lạ, chần chần và vàng y, nên mấy bà có lòng tin cậy mới dặng nên cuộc như thế. Vậy chư quý-bà, quý-cô có cần dùng đặt đồ, hoặc mua nữ-trang xin đến hai tiệm nầy thì chắc khỏi lầm và đồ thiệt rất nên kỳ-xảo.

NGUYỄN-THỀ-NGOC

Chủ vựa cá

Quai de Belgique Cầu-ông-Lãnh

(SAIGON)

Tỉnh Rachgiá

Ngày 3 Juillet 1918, 9 giờ sớm mai tại tòa bố Rachgia sẽ
đấu giá cho lãnh cất nhà phụ-tùng cho nhà sanh tại Longmy.

Giá lãnh làm.....	2. 813. \$ 11
Phụ.....	186. 89
Cộng.....	3. 000 \$ 00

Tiền thế chung tạm..... 45. \$ 00

Tiền thế chung tắc..... 230 00

Ai muốn đấu giá phải làm khai và gửi giấy tốt cho Quan
chánh bố Rachgia trước ngày đấu giá mười bữa.

Như người nào ở xa không thể đến dit thân được thì làm
giấy đấu giá bỏ vô bao thơ mà gửi cho Quan chánh bố Rachgia
cũng được, song phải gửi cho tới trước năm giờ chiều ngày
trước ngày đấu giá một đêm và ngoài bao phải để cho biết rằng
trong bao ấy là tờ đấu giá.

Các tờ giấy, họa đồ và tờ giao kéo có để tại tòa bố Rachgia
và tại phòng nhứt dinh hiệp lý Saigon, trừ mấy ngày lễ và ngày
chúa nhựt, theo giờ hần ai muốn đến coi cũng được.

Trường tổng Chợ mới

Tổng Bình-hòa Longxuyên

Kính thưa cùng quý khách đặng hay, tại trường
chúng tôi có dệt hàng, bẻ khổ bảy tât tây (0m70) mỗi
cây là hai mươi thước Langsa, dệt đồ trơn, như Lụa
Hô-la, Cẩm-tự. Huồn đây chúng tôi sẽ dệt thứ hàng.
Demi-tussor.

Xin bạn đồng-bang giúp sức cho bản trường lập
nên nghiệp cả là chỗ ích-lợi chung.

Nguyễn-hữu-Chương.
tự Dinh-Châu.

Tỉnh Chaudoc

Ngày 29 Juin 1918, 10 giờ sớm mai, sẽ đấu giá tại tòa
Bô Châu-đốc.

1^o — Chịu Ciment cho Đia-bạt xài trong 6 tháng năm 1918
ước chừng 1250 quan, tiền thế chung tạm 15 đồng, tiền thế
chung tất 75 quan.

2^o — Chịu Đá-khi thấp đèn trong dinh quan Chánh-Bố và
mấy nhà dưới từ 1^{er} Juillet tới 31 Décembre 1918 ước chừng
2000 kilos, tiền thế chung tạm 25 đồng, tiền thế chung tất
150 quan.

3^o — Chịu Dầu-hôi thấp đèn khám tù, trại lính, nhà hầu,
cầu tàu, chuồng ngựa, kho Đia-bạt, nhà trường lính, v.v.
trong 6 tháng chót năm 1918 ước chừng 150 thùng đôi, tiền
thế chung tạm 7 đồng 5 cật, tiền thế chung tất 37 quan 50 đồng
điều.

Tờ giao kèo có để lại phòng nhứt dinh Hiệp-lý Nam-kỳ và
tại Tòa-bố Châu-đốc, ai nấy được phép đến coi.

Tirage 1500 Exemplaires
Lyon, le 11 juillet 1918.

[Signature]

